

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 37 Tháng 8-1970

tùy anh	1	phân tích tương quan thể lực tranh cử thượng viện năm nay
tạ văn tài	14	việt hóa = tiền mỹ + máu việt ?
roald dahl	33	bà chủ nhà
nguyễn tường văn	44	năm bài lục bát
từ kế tường	47	tiếng sóng
ngụy ngữ	56	mùa đi hái trái cây
nguyễn văn thức	63	thơ
trần hoài thư	68	những thẻ nhang cho hoàng hôn
lương thị hoàng phi	76	trong vỏ ốc
mang viên long	85	mùa thu trồng trái
bài viết trang bìa	98	đường lối chính trị của một liên danh đối lập

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**
QUẢN LÝ: **BÀ BÙI THỊ HÒA-KHANH**
BÀI VỞ GỬI CHO: **MAI THẢO**

Tòa soạn: 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

TÙY ANH

phân tích tương quan thể lực tranh cử thượng viện năm nay

Nếu không có cuộc bầu cử bán phần Thượng Viện vào tháng 8 này thì hẳn có người quên là sinh hoạt dân chủ của nền Đệ nhị Cộng Hòa đã được 3 tuổi. Như phần đông đã từng quên việc bầu cử Hội Đồng Tỉnh Thị tháng 6 vừa qua.

Dân chủ thời chiến vẫn có những nghịch lý như thế. Và nền dân chủ trong một giai đoạn quá độ thế này thì lại còn nhiều khê hơn.

THỰC TRẠNG TRANH CỬ

Các liên danh ứng cử năm nay xem qua có vẻ kết hợp và khuôn khổ hơn nhiều.

Quả vậy, năm 1967, có 64 liên danh nộp đơn ứng cử Thượng Viện, lần này chỉ có 18. Như vậy, 3 năm trước, 11 người tranh 1 ghế, năm nay chỉ có 6 người tranh 1 ghế. Lại nữa, năm 1967, tỷ lệ liên danh bị loại là 1/4, tỷ lệ ấy năm nay chỉ còn 1/18.

Nhìn xa vào các cuộc bầu cử về trước, người ta sẽ thấy rõ hơn là tình trạng... trăm hoa đua nở ứng cử đã không còn nữa.

Năm 1966, có 716 ứng cử viên ra tranh 108 ghế Quốc hội Lập Hiến. Như vậy là có khoảng 7 người tranh 1 ghế. Năm 1967, 1240 ứng cử viên ra tranh 137 ghế Hạ Viện, tỷ lệ tranh cử là 9/1. Cũng năm 1967, có 11 liên danh tranh cử Tổng Thống. Trong số này, có liên danh chỉ chiếm được 90.000 khắp toàn quốc, liên danh Trần văn Lý — Huỳnh công Đường, nghĩa là chỉ bằng 1/10 tổng số phiếu của liên danh Thượng Viện Nông Công Bình. Và nguyên số phiếu của liên danh Trương Đình Dzu ở 2 quận Đô Thành mà thôi cũng đã gần 90.000 rồi. Đó là một sự kiện đã khiến nhiều quan sát viên chính trị sững sờ nhưng lại rất phù hợp với ý đồ kích động cho trăm hoa khoe sắc để trang trí nền dân chủ đệ nhị Cộng Hòa mới được khai sinh chập vọt.

So với số ứng cử viên những lần trước thì lần bầu cử Thượng Viện này là tương đối ít. Và người ta đã thử đưa ra nhiều giải thích.

BẤT MẠCH THỜI CƠ ?

Ít người chịu thử thời vận lần này vì ngại đã hao tiền tốn của mà dù có được đắc cử cũng chưa chắc đã được ở lâu để bù hao tổn. Sự suy tính ấy hình như phát xuất từ những dự đoán về thời cuộc, nhất là những dự đoán về tương lai của một nền hòa bình khả hữu.

Dù không ai chịu nói rõ, nhưng thiên kiến chung của lối dự đoán tùy thời này là bất cứ giải pháp chấm dứt chiến tranh khả hữu nào cũng đều liên hệ với sự tồn tại của Hiến Pháp 1967, nghĩa là liên hệ với sự tồn tại của những định chế dân chủ hiện nay.

ĐÃ QUA THỜI HẦM HỞ CHIA PHẦN ?

Cuối năm 1966, sau khi chế độ Ủy Ban Quân Nhân triệt hạ xong phong trào vận động dân chủ và tạo xong một Hiến Pháp

hợp với mưu định thì có thể nói chính trường là nơi tung hoành của phe chính quyền. Tất cả những cá nhân, đoàn thể đã hưởng ứng hay tham gia chiến dịch « ổn định tình hình », triệt hạ « phe tranh đấu » đều muốn nhập cuộc chia phần. Việc ứng cử Quốc Hội Lập Hiến, Thượng Viện, Hạ Viện đã trở nên náo nhiệt, thừa thãi là vì thế. Nhận xét về khả năng của một số ứng cử viên đắc cử tại QHLH và Hạ Viện, có người đã nói là bình thường, họ ứng cử Hội Đồng Xã chưa chắc đã xứng.

Nhưng thời kỳ ấy đã qua, và qua từ mấy năm nay. Khuynh hướng thân PTT Nguyễn cao Kỳ đã từng thao túng QHLH và Hạ Viện giai đoạn đầu bây giờ chẳng có một liên danh nào chính thực. Và ngay Mặt Trận cầm quyền cũng không dung hợp nổi quyền lợi để lập một liên danh.

LỢI VÌ PHƯƠNG TIỆN ?

Khi những hoạt động công ích đã thoái hóa từ bình diện cách mạng sang chính trị, nghĩa là đã biến thành một thứ « nghề » chứ không còn là thiên chức thì phương tiện tiền bạc là điều cấp thiết. Phải có tiền mới hành nghề được.

Nhiều người đã không ra ứng cử vì thiếu tiền, đề chi dùng lần này cũng như để nộp phạt vì đã không hội đủ số phiếu tối thiểu trong những lần trước. Một số người khác đã được nhận vào những liên danh khả vọng vì sẵn tiền.

Liên danh của Chủ Tịch Nguyễn văn Huyền gặp nhiều tai tiếng một phần có lẽ vì muốn đáp ứng nhu cầu tài chính nên người thụ ủy đã chịu làm đầu tàu kéo một số toa « đầy rác bẩn », nặng, lỉnh chảnh địa phương.

Nhưng tiền bạc hình như chỉ mới là điều kiện ắt có chứ không phải là điều kiện đủ đối với quyết định tranh cử cũng như đắc cử.

SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA Ý THỨC CHÍNH TRỊ ?

Càng có nhiều kinh nghiệm đắng cay về dân chủ, ý thức chính trị của người dân càng cao. Ý thức chính trị của người dân càng

cao thì quyết định chính trị của các ứng cử viên, hoặc muốn ứng cử càng phải dè dặt và sáng suốt.

Tiền bạc và các chiêu bài quyền rũ, huyễn mị đã không còn nhiều tác dụng. Việc ỷ lại vào thế lực ngoại nhân hay chính quyền cũng chỉ giới hạn trong một phạm vi thời và không gian nhất định. Dự đoán tranh cử thành bại lần này phải căn cứ trên số lượng cử tri sẵn có hoặc hy vọng có, nghĩa là phải căn cứ vào thực lực.

Có lẽ vì tiên liệu rằng số phiếu dành cho liên danh Bông Huệ sẽ đồng nhất, cộng thêm với những hỗ trợ khả hữu của chính quyền cho nên mới có tin là gần 5, 6 chục người đã vận động để được vào liên danh này. Trường hợp Cấp Tiến cũng thế. Hình như đoàn thể này đang nuôi nhiều hy vọng mặc dù trong kỳ bầu cử Hội Đồng Tỉnh Thị vừa qua, Cấp Tiến chỉ thu được hơn 13 phần 100 số phiếu toàn quốc. Hy vọng chính của Cấp Tiến lần này, ít hẳn không phải là dựa vào số 13 phần 100 đó nhưng là do số phiếu ước định của một vài người không thuộc Cấp Tiến và được xem như có cảm tình cá nhân với giới lãnh đạo một tôn giáo lớn.

TƯƠNG QUAN THẾ LỰC

PHÂN LOẠI LÝ THUYẾT

Nhìn vào thành phần 18 liên danh nộp đơn ứng cử lần này, có thể nói hầu hết đều tin vào một thế lực hỗ trợ nội tại, nghĩa là đều hy vọng vào số phiếu được coi như sẵn có.

Trừ một liên danh tự nhận là « ủng hộ chính quyền », nghĩa là đòi chính quyền nhất thiết phải ủng hộ và một liên danh kém tính chất đoàn thể và hình như đặt nhiều tin tưởng vào hiệu năng cùng kỹ thuật tranh phiếu kiểu tây phương, liên danh 2, số liên danh còn lại đều liên hệ đến phe phái, đoàn thể.

Đại thể, có thể chia các liên danh làm 3 nhóm.

Thiên Chúa giáo : các liên danh Huỳnh văn Cao, Trương Công Cửu, Nguyễn văn Huyền, Trương Vĩnh Lễ, Nguyễn gia Hiến và Nguyễn tấn Chức (đã xin rút lui).

Đảng phái : Liên danh Nguyễn văn Canh, Phan bá Cầm, Nguyễn Tiến Hỷ, Nguyễn cao Hách, Nguyễn ngọc Huy, Nguyễn phước Đại. Cũng có thể xếp hai liên danh Thiên Chúa giáo Trương công Cửu, Trương vĩnh Lễ vào nhóm này.

Phật giáo : Liên danh Vũ văn Mẫu, Thích Thiện Pháp, Nguyễn Đại Bằng.

Lối phân loại này, quả thực chỉ là đại thể và hình thức. Ít ra là đối với hai nhóm danh liên được gọi là của đảng phái và Phật giáo. Bởi lý, ví dụ như trường hợp nhóm Phật giáo, xét về hình thức thì quả có 3 liên danh như vừa kể nhưng liên danh của Thượng Tọa Thích Thiện Pháp thì Ấn Quang đã xác nhận là « chưa hề nghe nói đến ». Và mặc dù báo Tiền Tuyến ngày 18.7.70 đã gọi đây là liên danh của đảng Phật Giáo Dân chủ Xã Hội, một tổ chức của VNQT nhưng chẳng thấy quý Thượng Tọa Tâm Châu, Tâm Giác ủng hộ, trái lại, sau một buổi tiệc linh đình, kèm phần thuyết giảng của Nghị sĩ Bùi văn Giãi, Thượng Tọa Tâm Giác đã có văn thư chính thức ủng hộ liên danh 5 — Con Cá. Thực tế, cho đến bây giờ chỉ mới có một liên danh được Phật Giáo nhìn nhận thẳng thắn, đó là liên danh Hoa Sen Vũ văn Mẫu.

CẢM THỨC THỰC TẾ

Nếu quan niệm sự hỗ trợ đoàn thể như là vốn chính của các liên danh thì người ta có thể phân các liên danh ra làm 3 loại. Loại 1, các liên danh Thiên Chúa giáo ; loại 2, các liên danh chính quyền, hay đúng hơn của phe cầm quyền ; loại 3, các liên danh Phật Giáo.

Sự phân loại này có vẻ tốc đoán nhưng lại phù hợp với cảm thức thông thường về 3 loại « đảng thực tế » : đảng Bông Huệ, đảng Hoa Sen và đảng Kaki, nghĩa là « đảng » của một số quân nhân thủ đắc được uy quyền chính trị.

Tại sao lại có cảm thức thực tế đó, một cảm thức hình như đã không dành cho các đảng phái một chỗ đứng tự lập nào trong sinh hoạt chính trị quốc gia cũng như đã không định vị rõ tư thế của đảng Bông Huệ ?

TƯ THẾ ĐẢNG PHẢI

Giải thích về tình trạng rõ ràng, chặt chẽ của các liên danh đảng phái trong cuộc tranh cử này, báo Tiền Tuyến số ngày 18.7.70 đã nói rằng các lãnh tụ đảng đều là những người « có bóng mà không có hình » nên muốn tranh cử đảng phải đặt gấu và vai hoặc chịu nhận phạt « ăn nhờ ở đậu ».

Có lẽ vì thế mà liên danh Cấp Tiến chính thức đã có gần phân nửa người ngoài đảng. Điều này hình như đã khiến Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu tuy buộc lòng phải nhận liên danh Cấp Tiến là « phe ta » nhưng vẫn chê là « quá yếu » (báo Tin Sáng số ngày 27.7.70). Liên danh Đại Đoàn Kết phải thêm 2 người sắc tộc, một tin đồ Hòa Hảo và một Việt gốc Miên. Liên danh của bà Nguyễn phước Đại được mệnh danh là « liên danh của Trần văn Đôn không có Trần văn Đôn » phải kết hợp với những thành phần ngoại Cứu Nguy. Quốc Dân Đảng cũng ở trong tình thế phân thân bất đắc dĩ cho nên Xuân Tùng phải đi với liên danh Phan Bá Cầm, Phạm Thái theo Nhân Xã. Nguyễn tương Bá đầu quân cho liên danh Nguyễn Đại Bằng, Nguyễn Tiến Hỷ làm đầu tàu cho một móc nối tạp nham. Chỉ có Đại Việt Cách Mạng là khá dĩ gom góp được 10 đảng viên hầu hết đều còn trong bóng tối trong khi người cầm đầu liên danh Bông Lúa của đảng này tại Thượng Viện năm 1967 đã ly khai và liên kết với Quốc Dân đảng hệ Thống Nhất để thành hình liên danh 5 — Con Cá.

Hầu hết các đoàn thể đứng sau lưng những liên danh vừa kể đều là của chính quyền. Đại Đoàn Kết, Đại Việt Cách Mạng, Quốc Dân Đảng Thống Nhất, Nhân Xã ở trong Mặt Trận cầm quyền. Cấp Tiến tuy tự nhận là đối lập, nhưng đã hỗ trợ chính quyền một cách trường kỳ và đặc lực. So với thời Ngô Đình Diệm, có thể nói Phong Trào Cấp Tiến chỉ là Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, Tân Đại Việt mới là linh hồn, cũng như linh hồn của PFCMQG là Cần Lao Nhân Vị đảng.

Xét cho cùng, mục tiêu tiên khởi của các đảng phái hiện hoạt động không phải là tranh đoạt uy quyền quốc gia để thực hiện chính sách đảng nhưng chỉ là để được chia quyền với « đảng kaki » qua áp lực ngoại lai nhằm đáp ứng nhu cầu củng cố thế lực hiện

quyền và yêu sách dân chủ hình thức. Danh hiệu đối lập phát xuất từ đảng phái hầu hết đều là « đối lập lom khom » như Nghị sĩ Trần văn Đôn đã nhận xét.

VỀ ĐẢNG BÔNG HUỆ

Vị trí chính trị lý thuyết của đảng Bông Huệ có vẻ tế nhị hơn nhưng tổng quát mà xét, trong hoàn cảnh chính trị từ năm 1954 trở lại, thì đảng này đã là cánh cực hữu và đa số của mọi chính quyền, hay nói thế khác, đây là khuynh hướng cầm quyền cực hữu.

Đảng Bông Huệ lần này có đến 6 liên danh (1 vừa rút lui). Ba liên danh Thiên Chúa Giáo Nam, Bắc, Trung là Nguyễn văn Huyền, Nguyễn gia Hiến và Huỳnh vầu Cao, hai liên danh Bông Huệ « hoài Ngô » đó là liên danh Trương Vĩnh Lễ và Trương công Cửu. Nhưng tuyển cử lần này lại chỉ chọn 3 liên danh vào Thượng Viện.

Sự kiện đó đã gây nhiều bối rối cho cử tri đảng Bông Huệ. Một đại diện giáo quyền đã thống trách các ứng cử viên đảng Bông Huệ « thiếu bác ái » và « bất tuân lệnh bề trên » nên mới xảy ra tình trạng đó.

Khủng hoảng vì các ứng cử viên không ráp nối nội bộ được, và đồng thời vì nhu cầu phương tiện và địa phương nên đã liên hợp với người ngoài một cách quá phóng túng. Báo Xây Dựng ngày 26.7.70 đã tố cáo 3 người trong liên danh Bông Huệ chính thống của chủ tịch Nguyễn văn Huyền là « bất hảo » hoặc « có hồ sơ đỏ ». Sự có mặt của cụ Trần văn Hương trong liên danh này tuy đã làm cho tính chất địa phương của liên danh tăng lên nhưng chưa chắc đã dành thêm được sự ủng hộ của người Nam. Quả thế, nhật báo Tin Sáng, khuynh hướng Nam, trẻ, tiến bộ đã nhiều lần tố ra bực bội, than thở vì việc ứng cử của cụ Trần văn Hương, báo Thời Đại Mới của lãnh tụ Liên Trường Nguyễn kiên Giang, số ngày 21.7.70, đã nói thẳng là không hề ủng hộ hành động của cụ Trần văn Hương. Có lẽ cũng vì bị những khủng hoảng như vậy cho nên trong khi báo

Sự Thật ngày 25.7.70 xác nhận liên danh Bông Huệ năm 1967 đã « đại thắng » thì báo Tiền Tuyến lại ví von liên danh Bông Huệ năm nay là « lan huệ sâu ai, ngoài tươi trong héo ».

Nhưng tình trạng khủng hoảng chung của các liên danh Bông Huệ, cô lẽ, ngoài nguyên nhân thiếu bác ái và bất tuân lệnh trên còn có một nguyên nhân khác liên hệ đến tình trạng khủng hoảng chung của thể lực hiện quyền trước các biến chuyển dồn dập của thời cuộc, trước quá trình Việt hóa quá vội của Mỹ và trước viễn ảnh một hòa bình khả hữu.

Tóm lại, nói là 3 : Bông Huệ, « Chính quyền », Hoa sen nhưng thực tế chỉ có 2 : « Chính quyền » + Bông Huệ và Hoa Sen. Và nói như vậy tức là đã gián tiếp định vị cho liên danh đảng Hoa Sen : vị trí đối lập dứt khoát.

LIÊN DANH ĐẢNG HOA SEN

VỀ NHỮNG LIÊN DANH CỦA ĐẢNG HOA SEN

Báo Tiền Tuyến số ngày 18.7.70 gọi liên danh Hoa Sen — Vũ văn Mẫu là liên danh « Phật giáo chính cống ». Trong số ngày 24.7.70, báo Xây Dựng còn nói rõ hơn đây là « liên danh ruột của Ấn Quang ». Những nhận xét đó phù hợp với nguồn tin cho rằng lần này cử tri Phật Tử sẽ chỉ bỏ một phiếu, chỉ chọn một liên danh mà thôi.

Nhưng trong khi đó cũng lại có dư luận là cử tri Phật tử sẽ bỏ 2 phiếu, một cho liên danh Hoa Sen và một cho một liên danh khác đề... chia phiếu đối thủ. Từ nguồn dư luận lửng lơ ấy người ta cũng đã nêu tên một số liên danh được xem như có thể chiếm phiếu thứ hai. Đó là các liên danh 15, 14, 10, 5 và 4.

Có thực cử tri Phật tử đã được khuyến cáo bỏ 2 phiếu không ? Và nếu quả vậy thì phiếu thứ hai sẽ dành cho liên danh nào ?

Đúng chiến thuật đòn bẩy thì có lẽ Phật Giáo sẽ lạng thính, không nhận mà cũng không chối việc có thể « bỏ hai phiếu ». Sự im lặng này có lợi là khỏi phải mất lòng ai cả ; và thứ nữa, để mặc cho thiên hạ tranh nhau. Nếu đúng vậy thì chiến trường tranh

cử miền Trung, xét về phương diện này, chắc sẽ hứa hẹn nhiều sôi động vì sự tranh thắng giữa các liên danh 4, 14 và 15 ; ở miền Tây thì giữa liên danh 10 và 4.

Nhưng xét trong quá trình đấu tranh chính trị thường có tính cách « quân tử Tàu » của Phật Giáo trong những năm vừa qua, người ta hẳn khó mà tin rằng Phật Giáo đang xử dụng chiến thuật « di họa Giang Đông này ». Nhưng thực tế lại cũng chưa có một lời phủ nhận chính thức nào về việc « bỏ hai phiếu ». Như vậy thì có thể là cử tri Phật Tử sẽ phải bỏ hai phiếu thực. Và bởi lý, không thể nào có một chỉ thị rõ ràng dứt khoát về phiếu thứ hai cho nên Phật Tử mỗi miền, mỗi tỉnh sẽ tùy phán đoán và cảm tình mà xử dụng lá phiếu thứ hai đó.

Đây là một điều có thể gây bối rối cho cử tri Phật Tử và nhất là có thể nguy hại đến cố gắng đưa liên danh Hoa Sen vào Thượng Viện.

Đã hẳn, bỏ được 1 phiếu thì tại sao lại không bỏ 2 phiếu ? Nhưng câu hỏi ngược lại là tại sao lại không chỉ bỏ 1 phiếu, dốc toàn lực cho một liên danh ? Nỗ lực càng tập trung thì hy vọng càng nhiều, nhất là khi đang phải ở trong tư thế cô đơn, tứ bề thọ địch. Trong khi liên danh chính thức là liên danh Hoa Sen phải tự lực tranh cử chật vật mà cử tri Phật Tử lại còn hỗ trợ thêm một vài liên danh khác vốn sẵn có một số phiếu thì quả thực khó mà tránh được cảnh thương con heo phải đeo cột chuối đề rồi cột chuối sẽ đè bẹp luôn người nuôi heo. Ý thức chánh trị trưởng thành của người Phật tử hẳn phải giúp họ thấy điều đó.

Hơn lúc nào hết, nếu muốn cho liên danh « gà nhà » thành công thì Phật tử chắc phải dồn phiếu, tập trung cố gắng vào một liên danh. Có như vậy người ta mới khả dĩ hiểu được tại sao trong hiện trạng này mà Phật Giáo lại chịu thử thách để chấp nhận trò chơi dân chủ với một chính quyền hình như đã không bao giờ chịu nhận Phật giáo như một thể lực đối lập đích thực, đúng với nghĩa đối lập chính trị chứ không phải là thù nghịch.

GIÁ CỦA MỘT SỰ THỪ THÁCH

Từ năm 1963 đến nay, bằng những cuộc vận động liên tiếp, người Phật tử dần dần đã luôn luôn bị chính quyền xem như thù nghịch. Có thể nói chủ trương của chính quyền đối với họ là chủ trương Hérode trong khi thái độ chính thức của chính quyền đối với Phật Giáo là thái độ Ponce Pilate. Phong thái tranh đấu của Phật giáo lại nặng chất cách mạng hơn chính trị. Vấn đề thỏa hiệp do đó đã không được đặt ra.

Thế ngăn cách giữa Phật giáo với thành phần đang chính thức chịu trách nhiệm về vận mạng quốc gia ngày một càng tăng. Có lúc gần như đổ vỡ hoàn toàn. Một bằng chứng cụ thể là cuối năm 1966, Phật giáo đã dốc toàn lực để vận động Hiến Pháp nhưng rồi khi buộc bầu cử QH LH được tổ chức thì Phật Giáo lại phải ở vào thế phải « tầy chay », nghĩa là tự đặt mình vào vị trí đứt khoát đứt lìa, vị trí đại diện cho số quần chúng đồng đạo đang chịu nhận trọn vẹn hậu quả của lẽ lối lãnh đạo quốc gia sai lầm nhưng lại chẳng có được một cơ hội hay điều kiện khả dĩ nào để tỏ bày nguyện vọng một cách hợp lý.

Giáo hội Phật Giáo tượng trưng cho tầng lớp dần dần, cũng như tầng lớp bị khốn khó và bị bỏ rơi đó hẳn không thể nào chối từ thiên chức và phong thái cách mạng cổ hữu được.

Thế nhưng, đối lập đứt khoát không có nghĩa là đối lập tiêu cực. Chính sách hóa giải của Phật Giáo đòi hỏi những người Phật tử nếu không xem cả hai phe là bạn thì cũng không phải là kẻ thù một mất một còn.

Chiến thuật « Đối Thoại » có lẽ một phần vì đó mà đã được sử dụng. Từ năm 1965, Thượng Tọa Nhất Hạnh đã đặt vấn đề đối thoại hòa bình. Năm 1967, Thượng Tọa Trí Quang đã bắt đầu đến Dinh Độc Lập. Hành động đó trước tiên là một cách bày tỏ thái độ chống đối kết quả bầu cử năm 1967, nhưng đồng thời cũng đã buộc chính quyền phải đối chất về Hiến Chương 23/67. Thượng Tọa Thiện Hoa, trong nhiều dịp, đã thách thức chính quyền công khai đối thoại về một vài vấn đề trọng đại đối với dân tộc và Phật Giáo. Và mới đây, Thượng Tọa Thiện Minh trong một buổi nói chuyện đã công khai đặt vấn đề « đối thoại

hòa bình với Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu » dù cho nội dung buổi nói chuyện này là đề « xét lại » hoàn toàn chiến lược hòa bình của chính quyền hiện hữu.

Đối thoại, đối chất là chống, nhưng cũng lại là một cách thừa nhận. Vì chống một vấn đề cũng có nghĩa là nhận vấn đề đó nhưng chủ trương giải quyết khác mà thôi.

Lại nữa, cảm thức chung vẫn đang cho rằng hiện tình biến chuyển mạnh, xứ sở đang hồi cùng biến, đang ở giai đoạn quá độ mà mọi sự kiện, mọi định chế hiện tại thế nào cũng chịu những ảnh hưởng trầm trọng. Cho nên, chuẩn bị một liên danh vào Thượng Viện để hoạt động trong thế ổn định và liên tục 6 năm, phải chăng là một điều quá lo xa?

Cảm thức ấy xét theo một vài khía cạnh không hẳn là tiêu cực. Tuy nhiên, đã đấu tranh thì không thể chối từ quyền lực thế trị, và quyền lực thế trị, nghĩa là phương tiện làm sáng tỏ và thực thi đường lối, lại luôn luôn đòi hỏi sự tiên liệu và chuẩn bị thường xuyên.

Cố gắng vận động cho liên danh Hoa Sen hẳn phải được hội nhập vào quá trình chuẩn bị thường xuyên đó. Do đó, sự xuất hiện cũng như thành bại của liên danh này có thể có nhiều ý nghĩa đối với chế độ này cũng như đối với Phật Giáo.

Tâm thư của liên danh Hoa Sen có đoạn nói : « Chúng tôi thấy cần nhập cuộc dù chúng tôi không chấp nhận các chính sách hiện hữu ». Câu nói ấy không những thể hiện phần nào tư thế hóa giải của Phật giáo mà đồng thời đã xác định đứt khoát vị trí đối lập của liên danh.

Xét về giai đoạn, đây là một điều khó chấp nhận đối với chính quyền. Nhưng nguyên sự kiện có mặt của một số đại diện của một thế lực đối lập đông đảo và đứt khoát là Phật Giáo lại cũng là điều không phải không hay đối với chế độ dân chủ, dù cho rất có thể từ bao lâu nay chế độ dân chủ này đã chỉ được duy trì ở mức độ hình thức mà thôi.

Và như thế, nhiệm vụ khả hữu đầu tiên của liên danh Hoa Sen là phải cố gắng tạo điều kiện để cho chế độ dân chủ hình thức này có thể có nội dung. Nghĩa là gián tiếp đem lại một hậu thuẫn quần chúng, dù là đối lập, để tạo được một thế

quân binh « đối ngoại » vốn cần thiết cho một giải pháp hòa bình hợp lý. Bởi vì nếu không có thế quân binh đó thì tất cả sẽ chỉ còn là độc tài, nhượng bộ, lệ thuộc, vốn cũng là những mầm mống nuôi dưỡng chiến tranh.

PHÁT NGÔN CHÍNH TRỊ

Vai trò nội bộ khả hữu của liên danh Hoa Sen có lẽ trước tiên là vai trò phát ngôn chính trị. Qua liên danh này, người ta sẽ biết được phần nào những nguyện vọng và chủ trương của người Phật tử trong tình trạng chiến tranh tiếp diễn cũng như về những viễn ảnh hòa bình.

Chiến tranh hiện là nguyên nhân của những cộng nghiệp bị đát và nặng nề nhất. Chấm dứt chiến tranh không phải là mục tiêu tối hậu nhưng là điều kiện tiên quyết để xây dựng quốc gia, xã hội. Thế hiện ước vọng hòa bình của người Phật tử, do đó, cũng là cách thể hiện ước vọng và đường lối xây dựng của Phật Giáo. Và người Phật tử lại thường nghĩ rằng nếu quả thực định mạng lịch sử đã buộc dân tộc VN phải sống chia lìa như hai « nước » thì dân chúng Nam VN phải có nhiệm vụ và có quyền đòi hỏi mọi chính quyền Nam VN phải ý thức và thực hiện sứ mạng giai đoạn của mình đối với một « nước » đúng nghĩa. Sứ mạng đó là tranh thủ hòa bình, độc lập, là thực hiện ấm no, dân chủ.

Thực hiện đứng đắn vai trò phát ngôn chính trị, liên danh Hoa Sen hẳn có thể, trong muôn một, giảm bớt được những hy sinh của người Phật tử đã thể hiện trong những lần « ở ngoài đường và hồi hướng công đức » vậy.

ĐỀ THAY KẾT LUẬN

Năm 1967, Phật tử mặc nhiên dồn phiếu cho liên danh Trần văn Đôn và liên danh này đã về đầu. Hành động ấy được giải thích như một cách gián tiếp thực chứng sự có mặt của cử

tri Phật tử dù đang ở trong một hoàn cảnh bị đàn áp nghiệt ngã. Lần này thì Phật tử khỏi ở vào cái thế xót xa « vịt ấp trứng le le » nữa. Liên danh Hoa Sen đã được xem như là chính thức.

Báo Chính Luận ngày 21-7-70, dù Phật Giáo chưa có một nhận định nào, cũng đã gọi liên danh Hoa Sen là « nặng cân nhất ». Xét theo một khía cạnh nào đó, lối luận định của báo Chính Luận quả đã vô tình hay cố ý làm tăng một vài cảm thức muốn cho rằng đây là lá bài chốt của Phật giáo.

Nhưng quả thực, ai cũng thấy nếu Phật giáo đang muốn đánh con bài chốt thì con bài đó hẳn sẽ không được quăng ra trong một ván bài dân chủ thế này. Có thể nói đây là một con bài thăm dò, một ván bài trải nghiệm mà thôi, trong lúc mà quốc gia đang chuyển mình đi vào một khúc quanh lịch sử mới.

Hậu quả của trải nghiệm này, hay nói rõ hơn sự thành bại của liên danh Hoa Sen, do đó, không chỉ liên hệ đến ý hướng *thử để biết* mà còn là *thử để định* nữa. Và nhiệm vụ của liên danh Hoa Sen sẽ còn phải nặng nề hơn nhiều những điều họ nói với cử tri. Nhiệm vụ đó có thành hay không, điều ấy không những tùy thuộc khả năng, ý thức trách nhiệm của những người trong liên danh mà phần lớn còn tùy ý thức cảnh giác chính trị của người Phật tử và sự lãnh đạo của chính Giáo Hội Phật Giáo.

tùy anh

TẠ VĂN TÀI

việt hóa = tiền mỹ + máu việt ?

Việt hóa và hòa đàm là hai danh từ đã được hai chính phủ Mỹ và Việt sử dụng rất nhiều trong khoảng một năm nay và hình như đề nói tới hai chính sách có thể thay thế cho nhau, không đạt được chính sách này thì sẽ dùng tới chính sách kia. Người Mỹ đã sáng chế ra chữ Việt hóa và Tổng Thống Nixon đã lần lượt nhấn mạnh đến hòa đàm và Việt hóa. Trong bài diễn văn ngày 14-5-1969, ông đã đưa ra các đề nghị mạnh bạo để đi đến một sự dàn xếp ổn thỏa cuộc chiến. Ngày 3-11-1969, ông nhắc đến một chiến lược dựa trên cả hòa đàm lẫn Việt hóa chiến tranh: nếu nghị hòa đem ít hy vọng thì Việt hóa sẽ có thể cho phép Hoa Kỳ thoát khỏi cuộc chiến và rút quân về nước. Ngày 20-4-1970, ông tường trình với Quốc dân Mỹ sự thiếu tiến bộ trên binh diện hòa đàm và tiến triển khả quan trong lãnh vực Việt hóa, đồng thời báo trước chương trình rút thêm quân đội Mỹ khỏi Việt nam từ ngày đó cho đến Xuân 1971, dựa trên tiến bộ trong công cuộc Việt hóa. Mười ngày sau, 30-4-1970 ông thông báo cuộc hành quân của liên quân Việt và Mỹ qua Cam Bốt và đưa ra lý do là để bảo vệ nhân mạng binh sĩ Hoa Kỳ còn tại Việt Nam và bảo đảm sự thành công của chương trình Việt Hóa. Ngày 30-6-1970, tường trình về kết quả cuộc hành quân qua Cam Bốt, ông kết luận một lần nữa

là nó cần thiết để bảo đảm cho sự thành công của chương trình rút quân và mua thêm thời gian cho công cuộc Việt hóa, cũng như tăng thêm triển vọng cho một nền hòa bình thương nghị. Trong cuộc họp báo ngày 20-7-1970 và trong bài diễn văn ngày 31-7-1970, ông nhắc đến quyền hành rộng rãi đã trao cho Đại sứ Bruce để thương nghị tại Ba Lê và định nghĩa một chính phủ liên hiệp mà trong cuộc nghị hòa Hoa kỳ có thể chấp nhận được cho Việt nam. Về phần chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, vấn đề lập trường hòa đàm cũng đã được đề cập nhiều lần; chính phủ cũng nhắc đến các nỗ lực cần phải làm để Việt Nam đảm nhận thêm gánh nặng chiến tranh thay thế dần cho quân đội Hoa kỳ không thể mãi mãi ở lại đây. Gần đây nhất ngày 29-7-1970, Tổng thống Thiệu tuyên bố tại Huế là sẽ công bố trong buổi nói chuyện hai ngày sau, 31-7-1970, những đề nghị cuối cùng về hòa đàm, mà nếu bên kia không chấp nhận thì Việt Nam Cộng Hòa sẽ hoàn toàn theo con đường Việt hóa để Hoa kỳ rút quân hết (với điều kiện viện trợ quân sự và kinh tế cho Việt Nam đầy đủ), và bỏ hẳn giải pháp hòa bình liên hiệp. Như vậy phải chăng Việt hóa và hòa đàm là hai chính sách riêng biệt, không trùng hợp? Hay chính ra đó là hai chính sách bổ túc cho nhau? Và nếu Việt hóa là một con đường khác hẳn và thay thế cho một nền hòa bình thương nghị thì phải chăng đó là một chính sách kéo dài chiến tranh với tiền bạc, khí giới của người Mỹ nhưng với xương máu, công lao của người Việt?

Nguồn gốc và nội dung chính sách Việt hóa và hòa đàm.

Thực ra theo quan niệm của những người đã sáng chế ra danh từ Việt Hóa, tức Tổng thống Nixon và những người cộng sự của ông, thì Việt hóa và hòa đàm là hai con đường tuy riêng biệt nhưng bổ túc cho nhau để đi đến mục tiêu chung là tìm một nền hòa bình công bằng tại Việt Nam. Tường trình về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ vào thập niên 1970-80 cho Quốc Hội Hoa Kỳ, Tổng Thống Nixon tuyên bố:

« Mục tiêu của chúng ta đã và vẫn là một nền hòa bình công bằng tại Việt Nam... Để tiến tới một nền hòa bình công bằng, chúng ta đi theo hai con đường riêng biệt nhưng bổ túc cho nhau: hòa

dàm và Việt hóa. Chúng ta muốn đạt được một cuộc dàn xếp sớm sửa và công bằng nhờ hòa đàm. Nhưng nếu phía bên kia từ chối, chúng ta sẽ khởi sự củng cố quân lực Việt nam. Như vậy đề có thể thay thế quân đội ta theo một lịch trình tuần tự. Chúng ta hy vọng rằng vì Việt hóa tiến triển, chính phủ Bắc Việt sẽ nhận ra rằng họ có lợi hơn nếu hòa đàm thay vì tiếp tục chiến tranh... Việt hóa không thay thế cho hòa đàm nhưng là một động cơ thúc đẩy hòa đàm... Đừng trước công cuộc Việt hóa, nếu Hà-nội không chịu dàn xếp ổn thỏa thì chỉ có cách tiếp tục phải hy sinh đất giã trong khi đó thì thể mặt cả của họ yếu đi ». (A New Strategy for Peace; Report to the Congress by Richard Nixon, President of the U.S. ngày 18.2.1970 trang 62, 64)

Như vậy mục tiêu nguyên thủy của chính sách Việt hóa cũng là tiến tới một nền hòa bình thương nghị. Nói như vậy có nghĩa là nếu chỉ nhìn vào lời tuyên bố để giải thích ý nghĩ của các nhà cầm quyền Mỹ mà thôi, có thể nói Việt hóa không phải là một biện pháp kéo dài chiến tranh với xương máu người Việt và tiền bạc người Mỹ. Nhưng một khi phân tích kỹ lưỡng những vấn đề phải giải quyết, những gánh nặng dân Việt phải gánh vác về các phương diện quân sự, kinh tế và chính trị của con đường Việt hóa, ta sẽ thấy rằng nếu trong khi theo đuổi con đường đó mà người ta lại leo thang mục tiêu, nghĩa là Việt hóa để đi đến chiến thắng quân sự hoàn toàn, thì rất có thể người ta sẽ kéo dài chiến tranh một cách quá lâu, gây thêm sự phí phạm xương máu người Việt một cách không cần thiết.

Chính sách Việt hóa đã được chính phủ Nixon chính thức công bố. Nhưng thực ra chính sách này đã bắt đầu từ thời kỳ Tổng Thống Johnson với danh từ Phi Mỹ hóa (de-Americanization) chiến tranh. Có thể nói cuộc tấn công Tết Mậu Thân đã đưa đến chính sách chấm dứt leo thang và phi Mỹ hóa chiến tranh của ông Johnson. Trong hai tháng liền sau khi Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng đã tảo bạo tấn công vào các thành phố Việt nam và bị đẩy lui với tổn thất nặng nề, đã có nhiều cuộc bàn luận sôi nổi trong chính phủ Mỹ về lời yêu cầu của Tướng Westmoreland đòi tăng quân số Mỹ ở Việt nam thêm 200.000 người. Lời yêu cầu này đã bị Tổng Thống Johnson bác bỏ vì

những lý do mà ông Bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ hồi đó là Clark Clifford, cũng là chủ tịch của một Ủy ban đặc nhiệm xét về lời yêu cầu đó, đã tóm tắt như sau: « thêm 200.000 chưa chắc giải quyết được chiến tranh và không biết sẽ cần thêm bao nhiêu nữa; gửi quân số đó sang Việt nam thì sẽ phải gọi thêm 280.000 quân nhân trừ bị nữa, và sẽ gây ra một khoản phí tổn 12 tỷ Mỹ kim một năm; điều này sẽ khiến chính phủ bắt buộc ban hành những biện pháp tăng thuế và có khi cả kiểm soát tín dụng và giá cả, trong khi đó thì trong nhân dân Mỹ sự phản đối chiến tranh đã đưa đến nhiều náo loạn và chia rẽ; tăng quân số thì đối phương cũng sẽ leo thang theo, vì 4 năm trời chịu bom đạn và tàn phá nặng nề, Bắc Việt vẫn chưa nao núng gì; do đó chỉ làm cho cường độ chiến tranh khốc liệt hơn, thương vong nhiều hơn; Mỹ không thể nào tiếp tục chịu trách nhiệm chính về chiến trường Việt nam mà phải chuyển trách nhiệm đó cho quân lực Nam Việt nam, bởi vì mục tiêu giới hạn nguyên thủy của Mỹ ở Việt nam là sự ngăn chặn Bắc Việt cướp chính quyền bằng vũ lực thì coi như đã đạt được, Mỹ không có nhiệm vụ phải lo cho đến khi không còn một người lính Bắc Việt nào tại Miền Nam; nếu không để cho người Việt nam tự lo lấy dần dần thì sẽ không thể xây dựng được một chính quyền và một quân lực mạnh có thể tự lực tồn tại được mà khởi dựa vào Hoa Kỳ ». (Clark Clifford, « A Vietnam Reappraisal », Foreign Affairs số tháng 7/1969). Một khi không tăng quân số được thì các nhà lãnh đạo quân sự phải thay chiến lược tìm và diệt địch tại các vùng biên giới bằng chiến lược tập trung để bảo vệ các vùng đông dân cư. Chiến lược này tất nhiên đưa đến hệ luận là phải trao thêm trách nhiệm cho quân lực Việt Nam và phải tìm kiếm một giải pháp chính trị qua cuộc thương thuyết. Do đó mà có bài diễn văn đọc ngày 31 tháng 3 năm 1968 của Tổng thống Johnson, nêu lên ba điểm mà hai điểm sau là Việt hóa và hòa đàm: 1) đạt giới hạn tối đa quân số cam kết cho chiến trường Việt nam là 549.500 người: 2) gấp rút viện trợ cho quân đội Việt nam, trang bị và huấn luyện họ để họ mau chóng thay thế quân đội Mỹ trong các trách nhiệm chiến đấu quan trọng, và 3) hạn chế tối đa việc dội bom Bắc Việt để khuyến khích hòa đàm.

Nhưng chính sách phi Mỹ hóa của Johnson chưa thấy đề cập đến một lịch trình rút quân Mỹ. Việc rút quân Mỹ chỉ được thực hiện vào tháng 6-1969 sau khi Nixon lên cầm quyền. Tuy nhiên, ngay trước khi trở thành cố vấn của Tổng Thống Nixon, giáo sư Henry Kissinger đã đề cập đến vấn đề Việt hóa và rút quân đội Mỹ trong một bài báo về vấn đề hòa đàm như sau :

« Nếu Hà-nội tỏ ra ngoan cố và chiến tranh vẫn tiếp diễn, chúng ta sẽ tìm cách đạt tới càng nhiều càng tốt những mục tiêu của chúng ta một cách đơn phương. Chúng ta nên chấp nhận một chiến lược có thể giúp ta giảm mức thương vong vì chiến cuộc và tập trung nỗ lực vào việc bảo vệ dân chúng. Chúng ta nên củng cố quân lực Việt nam Cộng hòa để chúng ta có thể rút lui từ từ một phần quân lực Hoa Kỳ. Và chúng ta nên khuyến khích Saigon mở rộng chính quyền để có một căn bản rộng rãi hơn để họ có đủ sức mạnh đối phó với một cuộc đấu tranh chính trị sớm muộn gì cũng sẽ xảy tới ». (« The Viet nam Negotiations » Foreign Affairs, tháng 1-1969)

Như vậy cố vấn của Tổng Thống Nixon cũng đã đề cập đến con đường thứ hai là Việt hóa nếu hòa đàm thất bại. Nhưng chỉ đề cập trong một đoạn chót bài báo về hòa đàm.

Chính Tổng Thống Nixon mới là người đề cập một cách hệ thống đến chính sách Việt hóa (và hệ luận về việc rút quân Mỹ) và hòa đàm cũng nói rõ là chúng bổ túc cho nhau. Chính sách này thể hiện trong các bài diễn văn về Việt nam và Cambốt. Nhưng rõ rệt nhất ta phải kể đến Tờ trình về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ cho Quốc Hội Mỹ đã nói tới ở trên. Theo các tài liệu này, thì trong chính sách đối ngoại với mục tiêu hòa bình, ngoài yếu tố lực lượng quân sự, Hoa Kỳ sẽ dựa trên sự cộng tác chia sẻ trách nhiệm của các nước bạn và nỗ lực thương thuyết với các nước thù nghịch. Nguyên tắc cộng tác chia sẻ trách nhiệm giữa Hoa Kỳ và các nước bạn được đặc biệt nhấn mạnh : Đó là Chủ Thuyết Nixon, được công bố tại Guam.

Áp dụng vào Á Châu, Chủ thuyết Nixon xác nhận là Hoa Kỳ tự coi là vẫn còn liên hệ với Á Châu, vẫn là một cường quốc Thái Bình Dương, vẫn duy trì các cam kết và quyền lợi của mình tại Á Châu, tuy nhiên Hoa Kỳ sẽ không đơn phương chịu đựng một

minh các gánh nặng như xưa nữa mà sẽ chia sẻ trách nhiệm với các nước bạn. Trong việc phòng thủ chung, sẽ có 3 nguyên tắc : (1) Hoa Kỳ sẽ tôn trọng mọi cam kết đã ghi trong các hiệp ước ; (2) Hoa Kỳ sẽ là một lá chắn che chở nếu một cường quốc nguyên tử đe dọa một đồng minh hay một quốc gia mà sự sống còn quan hệ cho nền an ninh của Hoa Kỳ hay của cả vùng ; (3) Khi có các cuộc xâm lăng thuộc loại khác, thì nếu được yêu cầu Hoa Kỳ sẽ viện trợ kinh tế và quân sự theo một mức độ thích đáng. Nhưng quốc gia bị đe dọa sẽ phải tự cung cấp nhân lực cho việc phòng thủ. Mỗi khi có xung đột xảy ra, Hoa Kỳ sẽ xem xét cẩn thận từng trường hợp và phải giữ được một thế quân bình tế nhị. Nếu vì muốn khuyến khích tự lập mà Hoa Kỳ giúp đỡ quá ít, thì các quốc gia Á Châu có thể mất tin tưởng vào cam kết của Hoa Kỳ, sẽ mất hết ý chí đề tự vệ và chán nản về viễn tượng phát triển xứ sở của mình. Nhưng nếu Hoa Kỳ can dự nhiều quá, nếu quân lực Hoa Kỳ làm những điều mà lẽ ra nên để cho quân lực các quốc gia Á Châu tự làm lấy, thì Hoa Kỳ sẽ khuyến khích sự ỷ lại và tiêu diệt mất sáng kiến và khuynh hướng tự lập tự cường. Trong việc chia sẻ trách nhiệm Hoa Kỳ sẽ khuyến khích sự cộng tác vùng giữa các nước Á Châu và đặc biệt sự đảm đương trách nhiệm viện trợ lớn hơn của Nhật Bản. Một chính sách như trên sẽ đưa tới việc phân công và sử dụng tài nguyên hợp lý hơn và có như thế nhân dân Hoa Kỳ mới có thể chấp nhận trong một thời gian lâu được. Sự thành công của chính sách Á Châu mới này dĩ nhiên không phải chỉ dựa vào sự cộng tác của các nước bạn ở Á Châu mà còn tùy thuộc vào bang giao giữa Hoa Kỳ và Liên Xô cũng như Trung Cộng. Trong việc thương thuyết với các nước này, Hoa Kỳ hy vọng cũng khiến cho họ chấp nhận quan điểm tương tự và không tìm cách khống chế các quốc gia Á Châu.

Áp dụng vào Việt Nam, hai nguyên tắc chia sẻ trách nhiệm với các nước bạn (Chủ thuyết Nixon) và thương thuyết với kẻ địch đã đưa tới chính sách hai đường (two-track policy) : Việt hóa và hòa đàm. Cả hai con đường này, như trên đã nói, đều hướng đến một mục tiêu chung duy nhất là một nền hòa bình công bằng tại Việt Nam. Hòa đàm là con đường tốt hơn, ngắn hơn đưa đến hòa bình. Nhưng nếu Bắc Việt từ chối, Việt hóa, tức củng cố Miền Nam

Việt Nam cho mạnh mẽ có thể tự lo lấy việc phòng thủ, sẽ khiến cho Bắc Việt thấy không nên chờ đợi mà nên thương thuyết ngay, vì càng lâu miền Nam càng mạnh thì thế mặc cả của Hà Nội càng yếu đi. Như vậy có nghĩa là Hoa Kỳ đã bác bỏ một con đường thứ ba để ra khỏi Việt Nam : sự rút lui vội vã. Một sự rút lui vội vã khỏi Việt Nam sẽ không thể đem lại một nền hòa bình công bằng tại Việt Nam mà còn đưa tới những hậu quả đe dọa nền hòa bình thế giới trong tương lai. Tổng Thống Nixon đã tóm tắt như sau những lý do đã khiến ông bác bỏ con đường thứ ba này trong bài diễn văn ngày 14 tháng 5 năm 1969 :

« Khi chúng ta nhận lấy trách nhiệm bảo vệ Nam Việt Nam, thì hàng triệu dân ông, dân bà, trẻ em tại đây đã đặt tin tưởng nơi chúng ta. Bây giờ mà bỏ rơi họ thì có thể đưa tới một cuộc tàn sát làm rung động tất cả mọi người trên thế giới còn coi trọng nhân mạng.

Hơn nữa, bỏ rơi người Việt Miền Nam sẽ còn làm nguy hại tới những điều khác hơn là nhân mạng người Việt. Việc đó sẽ đe dọa hy vọng của chúng ta về một nền hòa bình thế giới lâu dài. Một cường quốc không thể chối bỏ lời cam kết của mình. Một cường quốc phải xứng đáng với sự tin cậy của quốc gia khác.

Trong việc duy trì hòa bình « uy tín » không phải là một danh từ trống rỗng. Tôi không muốn nói đến tự ái hão huyền hay sự liều lĩnh vô ích — những điều đó không nên ảnh hưởng đến chính sách của ta. Đúng hơn, tôi ám chỉ tới sự kính trọng của các nước khác đối với sự quyết tâm của chúng ta trong việc bảo vệ các nguyên tắc và thi hành các nghĩa vụ của mình.

Nếu chúng ta buông tay tại Việt nam, thì mối tin tưởng của các quốc gia khác nơi sự đứng đắn của ta sẽ bị tổn thương đến nỗi nền hòa bình sẽ không thể tồn tại.

Một lý do khác để không đơn phương rút lui là cuộc tranh luận hiện đang tiếp diễn trong thế giới Cộng sản. Nếu Hà Nội thành công trong việc cướp lấy Nam Việt Nam bằng vũ lực — nhất là ngay cả sau khi Hoa Kỳ đã can thiệp — thì điều này sẽ củng cố địa vị của những lãnh tụ xưa nay vẫn coi thường đường lối thương nghị, chủ trương xâm lăng, và cho rằng đương đầu với Hoa Kỳ không nguy hiểm gì. Điều đó có thể đem đến hòa bình

bây giờ nhưng sẽ tăng gia rất nhiều hiểm họa chiến tranh lớn hơn sau này ».

Tổng thống Nixon cũng cho biết thêm là trong cuộc du hành của Ông qua Á châu, ông không gặp một lãnh tụ Á châu nào khuyến cáo Hoa Kỳ rút lui vội vã khỏi Việt nam. Sau hết, theo Ông, nếu Hoa Kỳ mua rẻ hòa bình ở Việt nam để rồi sau này chịu nguy khốn hơn thì nội bộ nước này còn chia rẽ rối loạn hơn nữa — dân chúng Mỹ sẽ mất tin tưởng đối với các lãnh tụ của họ, không những đối với Tổng thống hay hai đảng lớn mà cả đối với toàn thể giai tầng lãnh đạo của quốc gia này nữa. Một nền hòa bình mà nhân dân Mỹ có thể chấp nhận được không thể là một nền hòa bình đầu hàng.

Như vậy thì chỉ còn hai con đường để đi đến một nền hòa bình công bằng tại Việt nam.

Con đường thứ nhất đi qua ngã thương thuyết. Hòa đàm sẽ gặp phải những khó khăn to lớn : sự sắp xếp về quyền hành chính trị sau cuộc chiến là một vấn đề cực kỳ phức tạp ; Hà nội coi hòa đàm như một phương tiện để gây áp lực trong chiến lược trường kỳ kháng chiến của họ ; và họ cũng nghi ngờ thiện chí của Hoa Kỳ. Tuy nhiên hòa đàm là con đường nhanh nhất để đạt tới hòa bình, cho nên chính quyền Nixon đã đưa ra những đề nghị hết sức rộng rãi ngay từ 14 tháng 5 năm 1969 : rút hết quân đội ngoại nhập khỏi Miền Nam Việt Nam và tổ chức tuyên cử tự do có quốc tế giám sát ; Hoa Kỳ không tìm cách giữ căn cứ nào tại Việt nam và đồng ý trung lập và thống nhất Việt nam nếu dân tộc này muốn vậy ; Hoa Kỳ cũng còn đi xa hơn nữa và tỏ ý sẵn sàng xét đến các đề nghị khác miễn là chỉ cần giữ được một nguyên tắc : dân tộc Việt nam phải được tự do quyết định tương lai mình mà không bị sự can thiệp từ bên ngoài. Lập trường hòa đàm rộng rãi trên cũng đã được Chính phủ Việt Nam đồng ý : Ngày 11-7-1969, Tổng thống Thiệu cũng đưa ra đề nghị tuyên cử tự do có mọi phe phái tham dự và nhất là một Ủy Ban tuyên cử hỗn hợp có cả đại diện của Mặt Trận Giải Phóng. Những nỗ lực thương thuyết được tiếp diễn suốt năm 1969 : tại Paris trong những cuộc thảo luận riêng và qua trung gian các đệ tam nhân. Hoa Kỳ cũng đã chịu tiến trước ba bước lớn mà Hoa

Kỳ được cho biết nhiều lần là nếu làm sẽ đưa đến cuộc thương thuyết đứng đắn : ngưng oanh tạc Bắc Việt, bắt đầu rút quân lực Mỹ khỏi Việt Nam, và đồng ý nói chuyện với Mặt Trận Giải Phóng.

Mặc những đề nghị và những nỗ lực trên, Hà Nội vẫn khẳng khái không chịu bàn đến các đề nghị của Hoa Kỳ, không nhận nói chuyện với chính quyền Việt Nam Cộng Hòa (mặc dầu đó là điều kiện mặc nhiên cho việc ngưng oanh tạc Bắc Việt), và cứ nhất mực đòi Hoa Kỳ phải rút hết quân lực một cách vô điều kiện, lật đổ chính phủ hiện tại ở Miền Nam Việt Nam, và đòi như vậy để chỉ bắt đầu thương thuyết mà thôi. Theo ông Nixon, nếu chấp nhận các đòi hỏi này thì không còn gì để thương thuyết nữa, vì như vậy thì y như Hoa Kỳ đã nhượng bộ hết tất cả các điểm căn bản. Chia khóa hòa bình hiện nay nằm tại Hà Nội, và khi nào Hà Nội thay đổi những đòi hỏi trên, thì hòa đàm mới tiến bộ được.

Bởi vậy trong hiện trạng, trong khi chờ đợi hòa đàm đứng đắn, vào lúc đó Hoa Kỳ sẽ mềm dẻo và rộng rãi, thì chỉ còn con đường thứ hai : Việt hóa. Việt hóa là chương trình phát huy khả năng tự vệ của chính phủ và nhân dân Miền Nam Việt Nam. Việt hóa có hai khía cạnh chính : 1) củng cố và phát triển quân lực Việt Nam Cộng Hòa về nhân số, khí giới, lãnh đạo và khả năng tác chiến để có thể đem lại an ninh cho dân chúng, 2) bành trướng chương trình bình định trong nước để chính quyền Cộng hòa có đủ quyền hành trên toàn lãnh thổ. Nhưng ngoài 2 khía cạnh chính về quân sự đó, chương trình Việt hóa còn có thể đem tới một số vấn đề kinh tế và chính trị mà chính phủ Việt Nam Cộng Hòa phải giải quyết.

Nhưng Việt hóa có phải là một chiến lược chiến thắng hay không? Nhà chiến lược gia Herman Kahn, từng làm cố vấn cho nhiều Tổng thống Mỹ, cho rằng : « Xét về mặt thực tế, Việt hóa thành công, thì cũng tương đương với chiến thắng », vì như vậy là người Mỹ đã giúp người Việt để ngăn chặn không cho Cộng sản bành trướng bằng vũ lực. Thực ra đây không phải là một mục tiêu nguyên thủy của chính quyền Mỹ; chính Tổng thống Nixon đã nói Việt hóa cốt để thúc đẩy Bắc Việt tới chỗ bắt buộc phải hòa đàm vì chiến tranh lâu chỉ thêm bất lợi cho họ. Sự phân tích các công tác cũng như những thành quả cho đến ngày nay và những khó

khăn của chương trình Việt hóa về các phương diện quân sự, kinh tế và chính trị sẽ cho người ta thấy rằng nếu đặt Việt hóa thành mục tiêu tối hậu là đạt chiến thắng quân sự hoàn toàn, nghĩa là leo thang mục tiêu của chương trình này, thì hậu quả có thể là kéo dài chiến tranh vô hạn định, tiêu hao xương máu người Việt một cách không cần thiết.

Phương diện quân sự của chương trình Việt hóa

Về phương diện quân sự, tức là phương diện chính của chương trình Việt hóa, thì có hai công tác phải thực hiện : phát huy sức mạnh của quân lực Việt Nam Cộng Hòa và bành trướng khu vực bình định dưới quyền kiểm soát của chính phủ Saigon.

Đã có nhiều tiến bộ về mặt củng cố và phát triển các lực lượng quân sự của Việt Nam Cộng Hòa. Quân số đã gia tăng nhất là Địa Phương Quân và Nghĩa Quân. Chẳng hạn Địa Phương Quân và Nghĩa Quân đã tăng gia 75.000 người trong năm vừa qua. Sự hữu hiệu của các thứ quân này khá quan hơn một cách rõ rệt trong nhiều vùng. Ngoài ra tổ chức Nhân Dân Tự Vệ đã bành trướng đã nhận lãnh chừng 400.000 món vũ khí. Hình như có dự định tăng quân số lên trên 1 triệu người. Công cuộc tối tân hóa quân đội với quân trang và vũ khí mới đã được đặc biệt chú trọng. Hơn 700.000 súng M16 và một số các vũ khí tối tân khác đã được cấp phát không những cho các đơn vị chủ lực mà còn cho các Địa Phương Quân nữa. Tổng Thống Thiệu cũng tuyên bố đòi Hoa Kỳ cung cấp khí giới tối tân cho các nhân dân tự vệ, nếu muốn rút hết quân. Theo Phụ tá Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ, để hiện đại hóa quân đội Việt Nam, bắt đầu từ 1-7-1970, Hoa Kỳ sẽ chuyển kinh phí xây cất sang công cuộc này. Vấn đề huấn luyện để gia tăng khả năng tác chiến và lãnh đạo cũng được xúc tiến, nhưng đây là lãnh vực cần nhiều thời gian nhất. Chẳng hạn huấn luyện những phi công lái trực thăng và phản lực cơ chiến đấu, những xạ thủ pháo binh hay những chuyên viên tiếp vận đòi hỏi một thời gian dài.

Việt hóa cũng có nghĩa là bành trướng công tác bình định. Các công cuộc nghiên cứu mới nhất về tiêu chuẩn thành công của

chính phủ tại các vùng nông thôn cho biết công cuộc bình định cần nhất phải tạo được trong mọi ấp một hệ thống phòng thủ hữu hiệu và một bộ máy chính quyền hoạt động đáng hoàng và lưu ngụ trong ấp 24 giờ mỗi ngày. Nếu chính quyền thực hiện được hai tiêu chuẩn đó thì có thể ngăn chặn địch phá hoại, khủng bố dân chúng hay buộc họ tham gia vào các hành động du kích. Địch chỉ có thể lên lút lên về để chen ép dân, và do đó sẽ gặp những sự chống đối ngày càng mạnh chứ không được giúp đỡ như khi xưa nữa. Địch sẽ bị buộc sống cuộc sống đơn độc và chiến đấu như một quân đội viễn chinh, lệ thuộc rất nhiều vào tiếp liệu và sự bổ sung quân số từ ngoài. Đây là một điểm rất quan trọng. Trong quá khứ, chủ lực quân của địch nhờ vào dân để có tin tức, thực phẩm, tiền bạc và nhân lực và do đó có thể lấy nông thôn để bao vây thành thị; bây giờ, bị buộc phải chiến đấu như một đạo quân viễn chinh, phải tự lo lấy các tài nguyên của mình, tất nhiên địch sẽ mất nhuệ khí rất nhiều vì con đường tiếp liệu quá xa mà dân chúng thì chống đối.

Chương trình bình định hiện đang có nhiều dấu hiệu thành công. Địch đã thiệt mất nhiều nhân mạng trong các trận công kích 1968 và 1969. Các cuộc hành quân của Việt-Mỹ đã khiến chủ lực của địch không thể đi lại dễ dàng trong những vùng đông dân cư và họ đã phải chuyển quân ra những vùng xa xôi nơi biên giới. Trong vùng đồng bằng Cửu Long chẳng hạn, an ninh đã tái lập đến mức khá cao. Địch chỉ còn kiểm soát chừng dưới 10% số nông dân. Quân lực Việt Nam bắt đầu lùng địch ngay trong các khu vực xưa kia rất khó vào như rừng U Minh. Cũng vì vậy mà địch không còn có thể dựa vào dân để được tiếp liệu và tuyển thêm lính. Quân đội Bắc Việt đã phải bổ sung vào chỗ trống. Ngay trong các vùng biên giới, các tin tức cũng cho thấy Việt hóa có thể thành công: người ta nói tới các trận đánh quanh các đồn Lực Lượng Đặc Biệt tại Ben Hét và Bu Prang ở vùng II; trong những trận này, chỉ có quân đội Việt Nam (Sư đoàn 22 và 23 và Nhân dân Tự vệ) đã hai lần đẩy lui được các trung đoàn chính quy Bắc Việt, không cần tới sự hỗ trợ của đơn vị chiến đấu nào của Hoa Kỳ. Viện dẫn các trận này, một nguồn tin quân sự Hoa Kỳ cho rằng chính sự tự tin của quân đội Việt Nam khi thấy rằng quân Mỹ sẽ không tới cứu viện và tự mình phải lo lấy cả, đã

khiến cho họ chiến đấu mãnh liệt và thành công, và kết luận: căn bản của công cuộc Việt hóa là tạo ra sự tự tin nơi quân lực Việt Nam. Cuộc hành quân qua biên giới sang Cam Bốt cũng làm cho quân đội Việt Nam tự tin hơn và nay đã sẵn sàng để thay thế quân đội Mỹ tại vùng biên giới phía Nam. Chủ lực quân, nay chừng 466.000 người, sẽ thay thế dần quân đội Mỹ trong các nhiệm vụ chiến đấu lưu động. Địa Phương Quân và Nghĩa Quân, nay chừng 486.000 người, được giao phó nhiệm vụ bảo vệ tỉnh và làng xã. Còn Nhân dân Tự vệ được huấn luyện về vũ khí lên tới 1.332.000 người. Với một quân số và một nỗ lực bình định như vậy, tình hình quân sự đã sáng sủa hơn nhiều.

Người Việt Nam đảm nhận trách nhiệm lớn hơn trong việc bình định, thì quân đội Mỹ đã có thể rút dần khỏi chiến trường. Tháng 6-1969 Hoa Kỳ đã rút 25.000 quân; tháng 9-1969 rút 35.000; tháng 12-1969 lại rút thêm 50.000; tổng cộng đến ngày 15-4-1970, số quân đã rút đi là 115.000 người. Vào ngày 15-4-1970 đó, Tổng Thống Nixon loan báo là trong vòng một năm cho đến mùa xuân năm 1971, sẽ rút thêm 150.000 quân Mỹ nữa; trong số lượng này thì vào tháng 10-1970 sẽ rút 50.000 người. Nhưng các đợt rút quân từ nay đến xuân 1971 thì sẽ do Tổng Thống Nixon quyết định. Cái lối đặt chương trình cho cả năm này là cốt việc rút quân có thể mềm dẻo, nhanh hay chậm tùy theo khuyến cáo của các tư lệnh quân lực trên chiến trường. Tùy theo tiến bộ của chương trình Việt hóa, tùy theo mức hoạt động của địch, họ có thể khuyến cáo ngưng rút quân trong 1 tháng hay 2 tháng, miễn là vào tháng tư năm 1971, con số 150.000 đạt được. Vào lúc đó số quân đội tác chiến Mỹ sẽ như đã rút đi gần hết. Nếu Hoa Kỳ tiếp tục tốc độ rút quân trung bình 12.000 người một tháng như thế này thì vào khoảng mùa thu năm 1972, sẽ rút hết 190.000 quân số hỗ trợ và tiếp liệu hiện nay có mặt tại Việt Nam.

Lịch trình rút quân như trên khiến nhiều người nghi ngờ là nó đã được hoạch định theo lịch tuyến cử bên Hoa Kỳ: vào lúc bầu lại Quốc hội vào tháng 11/1971, đã rút khá nhiều quân số, gần hết quân đội tác chiến; vào thời gian cuộc tuyển cử Tổng Thống 1972 thì việc rút quân coi như thực hiện xong, chỉ còn một ít cố vấn quân sự. Và như vậy lịch trình rút quân là để

thỏa mãn nhu cầu chính trị nội bộ của Mỹ chứ không phải dựa trên tiêu chuẩn Việt hóa thành công đến đâu thì rút quân đến đó.

Tổng thống Nixon đã nêu ra 3 tiêu chuẩn để quyết định tốc độ rút quân Mỹ khỏi Việt Nam: hoạt động của địch, tiến triển của cuộc hòa đàm, và khả năng của người Việt nam trong vấn đề tự vệ. Nhưng dù hòa đàm không tiến bộ, Hoa Kỳ vẫn tiếp tục rút quân theo mức độ Việt hóa... nghĩa là tiêu chuẩn tiến triển hòa đàm không còn áp dụng nữa. Tiêu chuẩn hoạt động của địch thì chỉ là một cớ để có một biện pháp nhất thời, vì Tổng thống Nixon có nói khi hành động của địch đe dọa quân số Hoa Kỳ còn lại ở Việt nam, thì ông sẽ sử dụng những biện pháp mạnh mẽ và hữu hiệu để đương đầu với tình trạng đó. Rút cục lại, thì chỉ còn tiêu chuẩn tiến bộ của chương trình Việt hóa. Nhưng cuộc bàn luận trước Thượng Viện Hoa kỳ về vấn đề Việt hóa cho ta thấy là ngay cả tiêu chuẩn này cũng không phải là quyết định. Và tốc độ rút quân đội Hoa kỳ ra khỏi chiến trường Việt nam là tùy theo nhu cầu chính trị của các cuộc tuyển cử tại Mỹ như vừa nói. Khi các Thượng nghị sĩ Mỹ hỏi Bộ trưởng Quốc Phòng Laird nếu người Việt không phát huy được khả năng tự lập của mình thì liệu Hoa kỳ có ở lại hay không, thì ông Laird nói quanh là sẽ không có chuyện người Việt thất bại đó, vả lại họ phải biết là trách nhiệm chiến đấu là phần việc của họ. Phải chăng Việt hóa là một cách để người Mỹ rút lui mà vẫn giữ được thể diện phần nào dù người Việt có thất bại trong vai trò tự lập của họ?

Nếu quả thật người Mỹ chỉ lo làm sao rút quân cho mau mặc dầu kết quả của chương trình Việt hóa ra sao, thì đây là một nhược điểm lớn nhất của chương trình này.

Ngoài ra chương trình Việt hóa còn vướng phải một số khó khăn khác xảy ra trong từng giai đoạn rút quân. (Chính vì những khó khăn luôn luôn có thể có này mà Tổng Thống Nixon đã đặt Một Nhóm Nghiên Cứu Đặc Biệt về Việt Nam để theo dõi tình hình và phân tích các sự kiện).

Giả thử vào quãng giữa năm 1971, sau khi Hoa kỳ đã rút hầu hết quân đội tác chiến ra khỏi Việt nam và chỉ còn để lại những đơn vị tiếp vận, không quân, pháo binh và một số có

vấn (tổng cộng chừng 220.000 người) thì Bắc Việt và Việt Cộng có thể áp dụng một hay nhiều biện pháp sau đây: tấn công vào số quân Mỹ còn lại trong nước để chứng tỏ là Hoa Kỳ để lại quân số đó cũng sẽ bị nguy hiểm; tấn công mạnh mẽ vào quân lực và nhân viên dân sự Việt nam để làm họ mất tin tưởng và ảnh hưởng đến bầu không khí chính trị trong nước; tấn công tại Lào và Cam Bốt để chứng tỏ rằng vấn đề Đồng Dương nói chung và Việt nam nói riêng không thể giải quyết bằng Việt hóa mà phải bằng thương thuyết. Trong cuộc tấn công vào quân đội Mỹ còn lại và vào quân lực Việt Nam, Bắc Việt và Việt Cộng có thể chứng tỏ là chương trình Việt hóa không bao giờ có thể trảm vào chỗ trống do quân đội Hoa Kỳ rút lui để lại, không thể thay thế được hỏa lực, được những trực thăng, pháo binh của họ; và rút cục lại Việt hóa là sự mất hẳn một quân số và phải phí phạm nhân lực vào việc đồn trú một cách bất động để canh giữ những cơ sở của Mỹ để lại trong khi nhu cầu là lưu động luôn luôn. (thí dụ, một năm trước tại Quân Khu I có 175.000 quân Mỹ và 100.000 binh sĩ Việt; nay chỉ còn lại chung 110.000 Mỹ và vẫn số cũ binh sĩ Việt). Cuộc tấn công của Bắc Việt tại Cam Bốt khiến cho Tổng Thống Nixon buộc lòng phải hành động bằng cách gửi quân Mỹ sang bên kia biên giới để cùng quân đội Việt Nam quét sạch các căn cứ của địch, nói là để bảo đảm cho sự thành công của chương trình Việt hóa và việc rút quân đội Hoa Kỳ; như vậy, bất cứ lúc nào, bằng cách tấn công ở Lào hay Cam Bốt, hay ở vùng biên giới Lào Việt, Miên Việt dài mấy trăm cây số, địch cũng có thể chứng tỏ là Việt hóa bao nhiêu cũng không giải quyết vấn đề, một giải pháp riêng cho Việt Nam không phải là một giải pháp đầy đủ.

Giả thử Hoa Kỳ lại tiến thêm một bước nữa, rút không những quân tác chiến mà cả quân đội hỗ trợ, và chỉ còn để lại một lực lượng cố vấn chừng 50.000 người và có lẽ các đơn vị không quân và pháo binh. Bắc Việt và Việt Cộng có thể chờ đợi đến khi quân đội Hoa Kỳ rút hết rồi mới hành động, hoặc nếu thấy có vẻ các quân số nói trên sẽ ở lại Việt Nam trong một thời gian vô hạn định, Bắc Việt và Việt Cộng có thể bắt đầu một chiến dịch quân sự và chính trị nhắm vào các binh sĩ và viên chức dân sự Việt

Nam, khai thác sự chán ngán chiến tranh của dân chúng, khuyết điểm chính trị của chính quyền và tinh thần hoang mang của binh sĩ trước cuộc rút quân, để đưa đến chỗ sụp đổ chính trị và quân sự tại miền Nam Việt Nam. Đứng trước một hoàn cảnh suy sụp như vậy, Hoa Kỳ lại trở lại thể tiến thoái lưỡng nan của thời kỳ 1965, bởi vì chỉ có hai cách đối phó: để cho cộng sản thắng thế và cướp chính quyền dần dần trong khi Hoa Kỳ còn hiện diện, hoặc phải can thiệp trở lại.

Tiến tới một giai đoạn thứ ba, mà hiện tình cho biết còn lâu mới đạt tới được, Hoa Kỳ sẽ không còn các cố vấn quân sự hay những đơn vị pháo binh hay không quân yểm trợ nữa, nghĩa là ta trở lại thời kỳ trước năm 1961. Nhưng vào lúc đó chắc chắn Việt Nam vẫn còn phải duy trì một mức quân số cao. Do đó, Hoa Kỳ còn phải tiếp tục viện trợ quân trang quân cụ cho Việt Nam trong một thời gian vô hạn định để bảo đảm là không phải trở lại chiến đấu nữa, cũng như phải viện trợ kinh tế cho Việt Nam chịu được gánh nặng quốc phòng quá lớn của mình. Nhưng Bắc Việt có thể đã theo đuổi mục tiêu xâm chiếm miền Nam lâu đến nỗi nó trở thành một định kiến khiến cho họ không thể nào chấp nhận miền Nam, qua chính sách Việt hóa, có thể thắng hoàn toàn. Cuộc chiến tranh quân sự và chính trị sẽ tiếp diễn hoài ở đây. Các người Mỹ ở Việt Nam công nhận rằng họ không có một ý niệm rõ rệt về giai đoạn sau cùng của cuộc chiến. Đại sứ Mỹ Bunker thường nói là ông chỉ thấy một «giải pháp hoàn toàn Việt Nam» mà người Mỹ không hiểu nổi. Việt hóa mà thôi không cho người ta thấy một triển vọng sớm ra khỏi con đường hầm tối tăm.

Tóm lại trong mọi giai đoạn giải kết, Việt hóa mà thôi không đem lại một giải pháp dứt khoát cho vấn đề Việt Nam. Việt hóa chỉ làm tăng tiến thể mạo cả của chính quyền Hoa Kỳ cũng như chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, trong một cuộc hòa đàm thế nào cũng phải có để giải quyết chiến tranh.

Nếu hòa đàm là mục tiêu tối hậu, thì tất nhiên sự sắp xếp hay đấu tranh chính trị thế nào cũng phải tới. Để chuẩn bị cho giai đoạn đấu tranh chính trị này, ngay từ bây giờ, trong giai đoạn Việt hóa, tức giai đoạn có tính cách quân sự một phần lớn,

người ta cũng phải nghĩ ngay tới một yếu tố quan trọng: sự ủng hộ của quần chúng... Việt hóa không có nghĩa là Hoa Kỳ ủng hộ mù quáng cho một chính phủ đề chính phủ này, trong khi nói là lo củng cố sức mạnh quân sự, bành trướng việc binh định, lại chèn ép quần chúng, thao túng các định chế dân chủ, để rồi dần dần mất tính cách chính đáng chính trị của mình. Việt hóa, ngay trong phương diện quân sự, cũng phải dựa trên một chính quyền thực sự dân chủ và được lòng dân mới mong thành công được.

Phương diện kinh tế và chính trị của chương trình Việt hóa

Trong việc đảm trách vai trò chiến tranh nhiều hơn, chính quyền và nhân dân Việt Nam cũng phải chịu thêm những hậu quả kinh tế và chính trị: phải đương đầu với các gánh nặng kinh tế, phải giải quyết các đòi hỏi chính trị.

A) Về phương diện kinh tế, từ trước đến nay, để chống đỡ đối với các hậu quả kinh tế của cuộc chiến (như duy trì một hệ thống giao thông và các hải cảng, phi trường, tài trợ cho một ngân sách chiến tranh khổng lồ mà nền kinh tế nhỏ bé của Việt Nam phải chịu, săn sóc đồng bào tỵ nạn chiến tranh và nạn nhân chiến cuộc v.v...) và để giải quyết các vấn đề của cuộc phát triển kinh tế xã hội, Việt Nam Cộng Hòa đã phải áp dụng một số biện pháp. Từ khi chính sách Việt hóa được xúc tiến, các biện pháp cũ lại phải được bổ túc bằng một số biện pháp mới.

Ngân sách Quốc Phòng Việt Nam đã gia tăng ngày càng mạnh mẽ từ năm 1965. Trong khi đó thì việc xây cất các cơ sở quân sự Hoa Kỳ thu hút nhiều nhân công, làm cho nhân công khan hiếm và mức lương bổng trong nước tăng lên. Sự chi tiêu của quân đội Hoa Kỳ và Đồng minh cũng là một nguồn khác của khối tiền tệ lưu hành càng ngày càng lớn. Trong khi đó thì sản xuất giảm xuống vì nông dân phải chạy ra đô thị tị nạn, bỏ hoang ruộng đất. Trên nửa triệu người Việt Nam trước kia hoạt động sản xuất thì nay trở thành những người lãnh lương của chính phủ trong các cơ sở chính quyền và quân đội, không còn sản xuất gì hết. Mức sản xuất lúa gạo chẳng hạn, đã sụt giảm nhiều kể từ mùa gặt 1966-1967, buộc Việt Nam,

trước kia là nước xuất cảng gạo, nay phải nhập cảng món hàng này. Hoạt động bao vây kinh tế của Việt Cộng khiến hệ thống giao thông, tiếp liệu bị tê liệt. Những hiện tượng trên — sản xuất giảm, động viên nhân lực vào khu vực công, mức chi tiêu gia tăng — là triệu chứng của tình trạng lạm phát cổ điển: quá nhiều tiền lưu hành tranh mua một số ít hàng hóa trên thị trường.

Một số biện pháp cần phải được áp dụng để chống đỡ lại hiểm họa lạm phát kể trên. Người ta đã thi hành một chương trình nhập cảng ào ạt do ngoại tệ viện trợ và ngoại tệ sở hữu tài trợ, khiến cho số lượng nhập cảng gia tăng từ 282 triệu Mỹ kim vào năm 1965 lên tới 659 triệu Mỹ kim năm 1969, và do đó hàng hóa bớt khan hiếm và áp lực của khối tiền tệ đỡ tai hại hơn. Tiền thuế chính phủ thu được qua các dịch vụ nhập cảng này tăng lên từ mức 6 tỷ đồng bạc vào năm 1965 lên tới 52 tỷ vào năm 1969, do đó có thể hỗ trợ cho ngân sách (số 52 tỷ này 36% ngân sách quốc gia). Với hối xuất đổi lại thành 118 đồng ăn một Mỹ kim, giá hàng nhập cảng gia tăng và do đó số cầu cũng giảm đi. Hệ thống hành thu thuế được cải thiện để đem thêm tiền cho chính phủ. Đề khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất lúa gạo, chính quyền đã 2 lần tăng giá gạo năm 1967 và 1968 — dù biện pháp này gây ra bất mãn trong giới tiêu thụ ở đô thị. Lúa thằn nông với năng xuất cao cũng được du nhập để tăng gia sản lượng. Những biện pháp trên đã có kết quả là tránh được một tình trạng lạm phát phi mã, làm chậm lại mức gia tăng giá sinh hoạt. Trong 3 năm rưỡi từ tháng 7/1966 đến tháng 1/1970, giá sinh hoạt ở Sài Gòn hàng năm chỉ tăng 27%; điều này có thể đối chiếu với chỉ số gia tăng hàng năm 150% đã xảy ra ở Đại Hàn vào các năm chiến tranh 1950-1953.

Với chương trình Việt hóa, bắt đầu từ tháng 6/69, quân số Việt Nam sẽ gia tăng, ngân sách quốc phòng Việt Nam sẽ chi thêm một ngân khoản ước tính chừng 40 tỷ bạc. Điều này khiến cho áp lực lạm phát lập tức mạnh hơn. Vào tháng 10/69, chính phủ Việt Nam đã phải tăng thuế nhập cảng rất nhiều đánh vào các hàng hóa không phải là nhu yếu phẩm. Người ta hy vọng là thuế kiện ước này sẽ đem thêm cho ngân sách quốc gia từ 30 đến 35 tỷ bạc và đó là một nguồn tài trợ đầu tiên cho các

phí tổn của chương trình Việt hóa. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Quân số Việt Nam gia tăng đã đành, nhưng với đà rút quân Hoa Kỳ, các căn cứ quân sự Mỹ, các tàu chiến, phi cơ và trọng pháo sẽ được giao dần cho quân đội Việt Nam và các phí khoản để bảo trì và sử dụng sẽ gia tăng nhiều. Như vậy, chương trình Việt hóa, sẽ còn đòi hỏi người Việt hy sinh thêm nữa: chính phủ sẽ phải cố giảm thiểu chi tiêu trong ngân sách và tìm cách thu thêm thuế má; dân Việt Nam nói chung cần phải nỗ lực để sản xuất ở quốc nội nhiều hơn.

Nhưng với 1.100.000 người trong hàng ngũ các thứ quân — so với 1 dân số gần 17 triệu người — với một nền kinh tế đã ở mức toàn dụng, thì thực hiện những việc trên, nhất là tăng gia sản xuất quốc nội, là một chuyện khó, Việt Nam còn phải nhờ đến một mức viện trợ khá cao của Hoa Kỳ để đối phó với các phí khoản của chương trình Việt hóa.

Như vậy, về phương diện kinh tế, những đòi hỏi của chương trình Việt hóa khiến cho chính quyền có thể gặp những khó khăn và có thể thất bại:

— Khó mà có thể giảm chi ngân sách khi mà các cơ quan hiến định quá nhiều, các bộ nha sở có khuynh hướng tuyển người rồi là giữ lại khiến số người ăn lương của ngân sách quốc gia đã lên tới những con số quá cao, so với sức chịu đựng của nền kinh tế nhỏ bé của Việt Nam. Liệu có thể giảm nhân số công chức và quân nhân được không? Chắc không thể giảm quân số vì điều này ngược với nhu cầu của chương trình Việt hóa. Người ta đã nói tới việc sa thải bớt công chức để họ ra hoạt động trong lãnh vực tư, và tập trung các dịch vụ hành chánh của những cơ sở trùng dụng vào một cơ cấu mà thôi. Nhưng cuộc « giải phẩu » đó có thực hiện được mà không gây ra các bất mãn và xáo trộn hay không, điều này khó mà trả lời và cũng tùy thuộc vào khả năng chính trị của nhà cầm quyền.

— Khó mà có thể tăng thu cho ngân sách với các biện pháp thuế má đã ban hành. Các biện pháp thuế gián thu đã ban hành có thể là khiến chính phủ dễ hành thu, nhưng đã có hậu quả bất công là bất người giàu và người nghèo chịu một thuế khóa như nhau, hơn nữa chúng đã làm giá sinh hoạt tăng vọt và do đó

làm khô cạn mãi lực của dân chúng rồi. Tăng thuế gián thu nữa không những là một biện pháp rất nguy hại về chính trị vì gây bất mãn sâu rộng (hơn nữa, có thể coi là bất hợp hiến như thuế kiếm ước), mà còn là một biện pháp kém hữu hiệu về tài chánh. Nhưng tăng thuế trực thu như thuế lợi tức, thuế điền thổ, được không? Điều này đòi hỏi một bộ máy hành thu hữu hiệu hơn nhiều. Nhưng làm sao tránh khỏi những nhược điểm hiện hữu vì tính chất nhân viên sở thuế, vì thói quen trốn tránh thuế của các người chịu thuế, và vì số lương ít ỏi các nhân viên thu thuế? Thay đổi các điều kiện đở tùy thuộc và khả năng của chính quyền vận động các giới liên hệ.

— Có thể tăng thu bằng cách hướng dẫn quân đội vào mục tiêu sản xuất, áp dụng biện pháp « tay súng tay cày » để mức sản xuất quốc nội gia tăng. Điều này đòi hỏi sự thay đổi rất nhiều nơi thói quen của các vị chỉ huy quân sự và họ sẽ phải trở thành những quản trị gia giỏi. Trong tầng lớp sĩ quan hiện nay, có bao nhiêu người vừa chiến đấu vừa làm kinh tế được? Câu hỏi này thật khó trả lời.

— Có thể yêu cầu Hoa Kỳ viện trợ thêm. Điều này có thể thực hiện được, vì tuy mục tiêu tối hậu của chính sách ngoại giao hiện nay của Hoa Kỳ là đùn đẩy các quốc gia đồng minh đi đến chỗ tự lập tự cường (chủ thuyết Nixon và các tờ trình như tờ trình của Ủy Ban Peterson về ngoại viện trong 10 năm tới đều chỉ hướng theo chiều đó), nhưng vì nhu cầu cấp thời của chương trình Việt hóa không thể nào được thỏa mãn với tài nguyên Việt Nam mà thôi, cho nên chính quyền Mỹ đã minh thị nói tới việc tăng gia viện trợ kinh tế cho Việt Nam để hỗ trợ cho công việc phòng thủ cũng như để kiến thiết sau khi hòa bình tái lập. Nhưng liệu Quốc Hội Hoa Kỳ có ưng thuận các ngân khoản viện trợ trong một thời gian dài hay hay không, điều này người ta chưa thể biết chắc chắn. Người Mỹ bàn luận nhiều đến việc lôi kéo các quốc gia đệ tam vào công cuộc viện trợ cho Việt Nam; nhưng cho đến nay sự thành công chưa thấy đâu, kể cả đối với Nhật Bản là quốc gia mà Mỹ hy vọng nhất.

(Còn một kỳ)

tạ văn tài (T.S.Q.P)

ROALD DAHL

bà chủ nhà

Billy Weaver khởi hành từ Luân Đôn trên chuyến xe lửa thường buổi trưa, với một lần sang xe tại Swindon, và khi gã xuống xe tại Bath, đồng hồ chỉ chín giờ tối và mặt trăng hiện ra trên bầu trời trong vát đầy sao phía trên dãy nhà đối diện với nhà ga. Song không khí giá buốt và gió tựa như lưỡi dao mỏng bằng đá lạnh cắt trên đôi gò má gã.

« Xin lỗi » gã nói, « gần đây có một khách sạn nào giá rẻ mà không ả ? »

« Thử đến khách điểm *Cái Chuông và Con Ròng* xem, » người phu khuân vác nhà ga đáp, chỗ xuống con phố. Họ có thể cho cậu thuê phòng đó. Độ trên dưới một cây số dọc theo bên kia đường ».

Billy cảm ơn người phu, nhặt chiếc va-li lên, cuốc bộ trên một cây số đến *Cái Chuông và Con Ròng*. Gã chưa hề đến Bath bao giờ trước kia. Gã không quen một ai ở đây cả. Song ông Greenslade ở văn phòng trung ương tại Luân Đôn đã bảo gã đây là một thành phố tuyệt đẹp. « Hãy kiểm lấy chỗ ở » ông ta nói « và kể đó đi trình cho viên quản lý chi nhánh ngay khi nào cậu đã thu xếp xong đầu đấy nghe ».

Billy năm nay mười bảy tuổi. Gã mặc một cái áo ngoài màu xanh dương, phủ ngoài một bộ đồ mồi màu nâu, đầu đội một

cái mũ nâu mới, và gã đang cảm thấy khoan khoái. Gã bước nhanh xuống con phố. Những ngày gần đây, gã gắng làm mọi sự thật nhanh. Sự nhanh nhẹn, gã đã quyết định coi là một đặc tính thông thường của tất cả mọi thương gia thành công. Những nhân vật quan trọng tại văn phòng trung ương lúc nào cũng nhanh nhẹn một cách tuyệt đối và phi thường. Họ là những kẻ làm ta phải ngạc nhiên.

Trên con phố rộng gã đang đi, không có một cửa tiệm nào, chỉ thấy một dãy nhà, cao hai bên đường, tất cả đều giống nhau. Chúng đều có hàng hiên có cột chống và độ bốn năm nấc thang dẫn lên cửa chính, hiển nhiên là có một thời kỳ đây là những ngôi nhà ở sang trọng. Song bây giờ, dù trong bóng tối gã cũng có thể nhận thấy sơn đã loang lổ trên lớp gỗ cửa ra vào và cửa sổ, với những mặt tiền trắng đẹp đã rạn nứt và nham nhở vì thiếu sự chăm sóc, bảo trì.

Đột nhiên, tại một khung cửa sổ tầng dưới được chiếu sáng bởi một ngọn đèn đường cách chỗ gã gần hai chục thước, Billy để ý đến một hàng chữ in nổi bật trên lớp kính của một trong những ô kính phía trên. Hàng chữ đề *giường ngủ và điếm tắm*. Bên dưới hàng chữ đó là một bình hoa cúc vàng, đáng thanh và đẹp.

Gã dừng bước. Gã tiến lại gần hơn một chút. Hai bên cửa sổ có treo màn màu xanh lá cây (một loại hàng nhung). Những bông cúc vàng trông càng đẹp hơn bên cạnh hai cánh màn màu xanh đó. Gã đi thẳng lên, dòm vào trong phòng qua khung kính, và vật đầu tiên mà gã trông thấy là một ngọn lửa rực rỡ cháy trong lò sưởi. Trên tấm thảm trải trước lò sưởi, một con chó nhỏ giống Đức thật đẹp nằm ngủ cuộn tròn, mũi áp vào bụng. Căn phòng, trong bóng tranh tối tranh sáng mà gã có thể nhìn thấy được, chứa đầy những đồ đạc nhìn mà thoải mái cả con mắt. Một chiếc đàn dương cầm cỡ lớn cho trẻ con và một cái ghế sa-lông lớn với nhiều ghế bành rộng; và gã bắt gặp một một con vẹt cỡ bự tại một góc phòng. Giống vật thường là một dấu hiệu tốt tại một chốn như vậy, Billy thầm nghĩ; và tất cả gợi nơi hấn ý nghĩ đây là một chỗ ở đẳng hoàng. Chắc chắn là phải tiện nghi hơn là ở khách điểm *Cái Chuông Con Rồng* rồi,

Ngược lại, một khách điểm bao giờ cũng thú hơn là một nhà trọ. Nào là buổi tối thì có bia và các sinh hoạt này nọ, nào là có bao nhiêu là người đề tán gẫu, và lại còn có thể rẻ tiền hơn nữa. Trước gã có ở trọ độ hai đêm tại một khách điểm và gã thích lắm. Gã chưa hề bao giờ trọ tại một nhà trọ nào cả, và, hoàn toàn thành thật mà nói, gã hơi sợ chúng là đẳng khác. Tự cái tên cũng đủ gợi lên những hình ảnh về thứ bấp cải ươn nước, mấy mụ chủ nhà chanh chua, và mùi ngai ngái của căn phòng khách.

Sau khi nghĩ lần thần như vậy độ hai hay ba phút trong gió lạnh, Billy quyết định sẽ tiếp tục đi tới ngó qua khách điểm *Cái Chuông và Con Rồng* cái đã trước khi quyết định xem sẽ trọ tại đâu. Gã quay đi.

Bấy giờ, một điều kỳ dị xảy ra cho gã. Gã toan bước lui và rời xa khung cửa sổ thì lập tức, đôi mắt gã bị thu hút một cách kỳ cục bởi hàng chữ nhỏ đề ở đó. *Giường ngủ và điếm tắm, hàng chữ đề vậy. Giường ngủ và điếm tắm, giường ngủ và điếm tắm*. Mỗi chữ như một con mắt đen ngòm vĩ đại nhìn gã chùng chùng qua khung kính, giữ gã lại, thúc giục gã, ép buộc gã đứng lại nơi gã đang đứng và đừng rời khỏi ngôi nhà này, và điều kếm đó mà gã biết, là gã đang di động từ khung cửa sổ đến cửa chính của ngôi nhà, chèo lên những bậc thang dẫn đến khung cửa đó, và đưa tay lên nhận chuông.

Gã nhận chuông. Từ xa tận một căn phòng phía trong, gã nghe tiếng chuông reo, và rồi tức thì — phải nói là tức thì bởi vì gã không có cả thì giờ rút ngón tay nhận chuông về nữa — cánh cửa bật mở và một người đàn bà đang đứng đó.

Thường khi bạn nhận chuông, bạn phải đợi ít ra là nửa phút trước khi cửa mở. Song người đàn bà này giống như một người lò so đựng trong một cái hộp. Gã nhận chuông và bà ta bật ra! Sự việc đó làm gã giật nảy lên.

Bà ta vào khoảng bốn mươi lăm hay năm mươi, và khi bà ta nhìn thấy gã, bà ta nở một nụ cười đón tiếp niềm nở.

« Xin cậu vui lòng vào nhà cho », bà ta nói một cách hài lòng. Bà ta bước qua một bên, giữ cửa mở rộng, và Billy thấy mình tiến

tới một cách máy móc. Sự thúc đẩy, hay đúng hơn, lòng khao khát theo gót bà kia vào nhà mãnh liệt khác thường.

« Tôi nhìn thấy hàng chữ trên cửa sổ », gã nói, lùi lại phía sau.

« Vâng, tôi biết ».

« Tôi đã thắc mắc về một căn phòng ».

« Tất cả đều sẵn sàng cho cậu em rồi, cậu em thân mến của tôi », bà ta nói. Bà ta có khuôn mặt tròn hồng và cặp mắt xanh dịu dàng.

« Tôi đang trên đường đến khách điểm *Cái Chuông và Con Rồng* », Billy bảo bà ta. « Song hàng chữ trên khung cửa sổ nhà bà đập vào mắt tôi ».

« Cậu em thân mến », bà ta nói, « Sao cậu không vào đây cho khỏi lạnh ? »

« Giá cả ở đây ra sao thế ạ ? »

« Năm si-linh và sáu xu một đêm, kể cả điểm tâm ».

Thật là rẻ kinh khủng. Mới bằng gần nửa số tiền mà gã muốn trả.

« Nếu như vậy quá nhiều », bà ta thêm, « thì có lẽ tôi có thể bớt đi chút ít. Cậu có muốn dùng trứng trong bữa điểm tâm không ? Trứng lúc này đắt. Nếu cậu không định dùng trứng thì tôi có thể bớt cho cậu được sáu xu ».

« Năm si-linh và sáu xu thì được », gã trả lời. « Tôi thích ở đây lắm ».

« Tôi biết là cậu sẽ thích. Vào đây đi nào ».

Bà ta tỏ ra tốt kinh khủng luôn. Bà ta có cái vẻ của một bà mẹ đang đón tiếp bạn thân nhất của con trai mình đến nghỉ lễ Giáng Sinh tại nhà. Billy bỏ mũ ra và bước qua ngưỡng cửa.

« Cứ việc treo mũ ở đó », bà nói, « và để tôi giúp cậu cởi áo ».

Trong tiền sảnh không thấy một cái nón hay mũ nào khác. Không dù, không gậy — không gì cả.

« Chúng ta có *tất cả* của riêng chúng ta », bà ta vừa nói vừa ngoảnh cười với gã trong khi hướng dẫn gã lên lầu. « Cậu thấy đó, thỉnh thoảng tôi mới có cái vịnh dự tiếp đón một vị khách vào cái tổ nhỏ bé của tôi ».

Người đàn bà già này hơi khùng khùng, Billy thầm nghĩ. Song với giá năm si-linh sáu xu một đêm, bỏ đi chẳng hóa uổng lắm

sao ? « Tôi nghĩ rằng chỉ vì nhà bà có nhiều người đến xin trọ quá đầy thôi chứ ạ », gã nói một cách lịch sự.

« Ô, vâng, cậu em thân mến, vâng, lẽ dĩ nhiên là thế. Song điều phiền là tôi lại có khuynh hướng chọn lọc khách hàng — cậu thấy tôi muốn nói gì rồi ».

« À, thưa vâng ».

« Song lúc nào tôi cũng sẵn sàng. Mọi sự đều ngày đêm, sẵn sàng trong nhà này để phòng hờ khi có một vị khách hào hoa trẻ tuổi có thể chấp nhận được đặt chân tới đây. Và thật là một niềm vui mừng cậu em thân mến ạ, thật là một niềm vui mừng lớn lao khi thỉnh thoảng tôi mở cửa và thấy có người đứng đó, một người *đúng* với điều tôi muốn ». Bà ta đang đi đến lưng chừng cầu thang thì dừng lại với một tay đặt trên lan can, quay đầu lại và mỉm cười với gã qua cặp môi xanh xao. « Như cậu chẳng hạn », bà ta nói thêm, và đôi mắt xanh thông thả đưa dọc theo chiều dài thân thể của Billy xuống đến chân gã, rồi lại đi ngược lên.

Tại tầng lầu hai bà ta bảo gã, « Tầng này của tôi ».

Họ leo lên một cầu thang nữa. « Và *tất cả* tầng này là của cậu », bà ta nói « Đây là phòng cậu. Tôi mong là cậu thích nó ». Bà ta dẫn gã vào một căn phòng nhỏ song xinh xắn ở phía mặt tiền, bật đèn sáng khi bà ta bước vào.

« Mặt trời buổi sáng chiếu thẳng vào trong phòng qua khung cửa sổ. Cậu Perkins ạ. Phải cậu là Perkins không nhỉ ? ».

« Không », gã nói « Tôi là Weaver ».

« Cậu Weaver. Thật dễ thương. Tôi đã đặt chai nước giữa mấy tấm ra để ấp lạnh, cậu Weaver ạ. Có được một chai nước nóng trong một cái giường lạ giữa những lần ra sạch thì không gì dễ chịu bằng cậu đồng ý không ? Và cậu có thể đốt lò ga lên bất cứ lúc nào cậu thấy lạnh ».

« Cám ơn bà », Billy nói. « Cám ơn bà nhiều lắm ». Gã nhận thấy khăn phủ giường đã được gỡ ra và một mép chăn và ra đã được dỡ lên, tất cả sẵn sàng cho một người ngủ lưng.

« Tôi vui mừng vô cùng khi thấy cậu xuất hiện », bà ta nói, nghiêm trang nhìn thẳng vào mặt gã. « Tôi đã bắt đầu lo lắng rồi đó ».

« Thế được rồi ạ ». Billy đáp về hiểu biết « Bà không nên lo lắng về tôi. » Gã đặt va li lên một chiếc ghế và bắt đầu mở ra.

« Thế còn cơm tối thì sao, cậu em thân mến ? Cậu đã dùng gì trước khi đến đây rồi chứ ? »

« Tôi không đói, cảm ơn bà », gã đáp. « Tôi nghĩ là tôi sẽ đi ngủ sớm được chừng nào hay chừng đó vì ngày mai tôi phải dậy sớm và đi đến sở trình diện. »

« Thế thì tốt lắm. Tôi để cậu một mình ngay giờ đây để cậu có thể soạn hành lý ra. Song trước khi đi ngủ, cậu khá vui lòng xuống phòng khách ở tầng đất và ký vào cuốn sách nghe ? Ai cũng phải làm vậy vì luật buộc thế, và chúng ta chẳng muốn vi phạm luật lệ khi còn ở trong giai đoạn diễn tiến này, phải không ? » Bà ta đưa tay vẫy nhẹ gã một cái và rảo bước ra khỏi phòng, đóng cửa lại.

Giờ đây, sự kiện bà chủ nhà có vẻ hơi điên điên khùng khùng chẳng làm Billy bận tâm một mảy nào. Thực ra, chẳng những bà ta vô hại — không có vấn đề về sự vô hại hay có hại — mà còn hiền nhiên là một tâm hồn tử tế và rộng lượng. Gã đoán có lẽ bà ta đã có một đứa con trai bị tử trận, hay một cái gì tương tự như thế, và chưa quên được điều đó.

Và thế là vài phút sau đó, sau khi đã soạn hành lý ra và rửa tay rồi, gã đi xuống tầng dưới đất và đi vào phòng khách. Bà chủ nhà của gã không có đó, song lửa vẫn sáng ngời trong lò sưởi, và con chó Đức nhỏ vẫn ngủ li bì trước lò sưởi. Căn phòng ấm áp và êm đềm tuyệt vời. Ta là một thằng cha tốt phước đây, gã nghĩ, xoa hai tay vào nhau, điều này tạm được đấy chứ.

Gã tìm thấy cuốn sổ khách mở rộng đặt trên chiếc dương cầm, nên gã lấy bút ra và viết tên họ cùng địa chỉ vào đó. Trước tên gã, chỉ có tên hai người khách nữa thôi ghi trên cùng một trang, và, như người ta thường làm với các cuốn sổ khách, gã bắt đầu đọc những dòng trên. Một tên là Christopher Mulholland đến từ Cardiff. Còn tên kia là Gregory W. Temple đến từ Bristol.

Thật buồn cười, gã đột nhiên nghĩ Christopher Mulholland. Tên đó ngân lên như một cái chuông.

Gã đã từng nghe cái tên khá khác thường đó ở đâu rồi nhỉ ?

Có phải đó là một thằng bạn học nào không ? Không. Có phải đó là một trong vô số những thằng bạn của chị gã không, có lẽ, hay một người bạn nào đó của cha gã chẳng ! không, không, không phải một người nào trong bọn họ cả. Gã lại liếc nhìn xuống cuốn sổ.

Christopher Mulholland 321 Đường Nhà Thờ, Cardiff.

Gregory W. Temple 27 Sycamore Drive, Bristol.

Thực ra, bây giờ bắt đầu nghĩ về điều đó, gã không chắc là cái tên thứ hai lại không gần như là một tiếng chuông reo quen thuộc như cái tên đầu.

« Gregory Temple ? » gã nói lớn, lục lọi trong ký ức. « Christopher Mulholland ?... »

« Thật là mấy cậu em dễ thương », một giọng nói đáp lời gã, gã quay lại và thấy bà chủ nhà lướt vào phòng với một khay trà lớn trên tay. Bà ta đưa khay trà ra trước và hơi cao, như thể cái khay là một cặp dây cương buộc vào một con ngựa khỏe mạnh.

« Tên họ nghe quen quen thế nào ấy », gã nói.

« Thực sao ? Vui biết mấy nhỉ. »

« Tôi gần như cả quyết là đã nghe mấy tên này ở đâu rồi thì phải. Kỳ, phải không ạ ? Có thể trên báo. Họ không nổi tiếng, phải không ạ ? Tôi muốn nói là họ không phải là những tay quần vợt hay cầu thủ nổi tiếng hay một cái gì tương tự như vậy ? »

« Nổi tiếng », bà ta nói, đặt khay trà xuống chiếc bàn thấp trước chiếc ghế sa lông dài. « Ô, không đâu, tôi không nghĩ là họ nổi tiếng. Song họ đẹp trai không tả nổi, cả hai người, tôi có thể cam đoan với cậu điều đó. Họ cao, trẻ và đẹp trai, cậu em thân mến à, y hệt như cậu vậy. »

Lại một lần nữa, Billy liếc xuống cuốn sổ. « Coi này », gã nói, khi nhìn vào ngày tháng. « Ngày vào sổ cuối cùng đã cách đây hai năm. »

« Vậy ư ? »

« Vâng, thật vậy. Và Christopher Mulholland thì gần một năm trước đó — cách đây đã hơn ba năm rồi. »

« Chao ôi », bà ta nói, vừa lắc đầu vừa thở nhẹ ra. « Tôi không

bao giờ nghĩ thế cả. Thời gian trôi vượt khỏi tất cả chúng ta lạ làm sao, phải không cậu Wilkins ? »

« Tôi là Weaver », Billy nói. « W-e-a-v-e-r ».

« Ô, dĩ nhiên rồi ! » bà ta kêu lên, ngồi xuống ghế sa-lông. Tôi ngu ngốc quá chừng. Tôi xin cậu thứ cho. Vào lỗ tai này rồi ra lỗ tay kia, là tôi đó, cậu Weaver ».

« Bà biết gì không ? » Billy nói. « Một cái gì thật khác thường về tất cả những điều này ? »

« Không, cậu em, tôi không biết ».

« Đây, bà thấy không, tất cả hai cái tên này — Mulholland và Temple — tôi không chỉ nhớ riêng về từng tên mà thôi, coi, song bằng cách này hay cách khác, một cách kỳ dị, cả hai tên có vẻ liên hệ với nhau ! Như thế cả hai cùng nổi danh về một thứ, bà hiểu tôi định nói gì — như... à... như Dempsey và Tunney, chẳng hạn, hay Churchill và Roosevelt ».

« Vui quá nhỉ », bà ta nói. « Nhưng giờ hãy lại đây đã nào, cậu em, và hãy ngồi xuống bên tôi đây trên ghế này, tôi sẽ cho cậu uống một ly trà thơm và ít bánh bích quy trước khi cậu đi nghỉ ».

« Bà không nên bận tâm thế », Billy nói. « Tôi không mong bà phải làm bất cứ cái gì như thế ». Gã đứng bên cạnh chiếc dương cầm, ngắm bà ta bận bịu với mấy tách trà và đĩa này khác. Gã nhận thấy bà ta có đôi tay nhỏ, trắng và nhanh nhẹn, với những móng tay đỏ.

« Tôi gần như đoán quyết là đã thấy chúng ở trên báo », Billy nói. Tôi sẽ suy nghĩ về điều đó trong giây lát. Tôi chắc sẽ suy nghĩ ».

Không có gì lại bốn cột cho bằng một điều như vậy lại chỉ lảng vảng ở ngoài biên giới của ký ức của con người. Gã ghét phải bỏ cuộc.

« Nào, khoan đã », gã nói. « Khoan cái đã, Mulholland... Christopher Mulholland... có phải đó là tên của một gã học sinh trường Eton lúc đó đang đi bộ du lịch xuyên qua Miền Tây, và rồi đột nhiên... »

« Cậu dùng sữa nhé ? » bà ta hỏi. « Với đường chứ ? »

« Vâng, xin bà. Và rồi đột nhiên... »

« Học sinh trường Eton ư ? » bà ta nói. « Ô, không đâu, cậu em thân mến, không thể đúng được bởi vì cậu Mulholland của tôi chắc chắn không phải là một học sinh Eton khi cậu ấy đến với tôi. Lại đây thôi và ngồi xuống bên tôi và sưởi cho ấm trước ngọn lửa để thương này đi nào. Lại đây. Trà của cậu đã sẵn sàng rồi đây ». Bà ta đập đập vào chỗ trống trên ghế bên cạnh chỗ bà ta, và bà ta ngồi đó mỉm cười với Billy và chờ gã đến bên mình.

Gã chậm rãi băng qua căn phòng, và ngồi xuống mép ghế sa-lông.

« Chúng ta ở đó rồi đó », bà ta nói. « Thật là dễ chịu và ấm cúng, phải không ? »

Billy bắt đầu nhấm nháp ly trà. Bà ta cũng làm như vậy. Có đến nửa phút, cả hai không ai nói câu nào. Song Billy biết là bà ta đang nhìn gã. Thân hình bà ta xoay hẳn một nửa về phía gã, và gã có thể cảm thấy đôi mắt bà ta đậu trên mặt gã, ngắm nghía gã bên trên vành cái tách bà ta đang cầm. Thỉnh thoảng, gã bắt gặp một mùi kỳ dị dường như tỏa ra từ con người của bà ta. Gã không cảm thấy khó chịu chút nào, và điều đó gợi cho gã — a, gã không chắc nó gợi cho gã nhớ đến cái gì. Hạt dẻ dấm ư ? Da mới ư ? Hay là những hành lang của một bệnh viện ?

Cuối cùng, bà ta nói, « Cậu Mulholland ưa uống trà lắm. Tôi chưa hề thấy ai trong đời lại uống nhiều trà bằng cậu Mulholland để thương và hiền lành đó ».

« Tôi chắc là anh ta mới rời đây », Billy nói. Gã vẫn còn thắc mắc bận bịu với hai cái tên đó. Bây giờ gã đoán quyết là đã thấy hai cái tên đó trên báo chí — chạy bằng những hàng tit lớn.

« Rời đây ? » bà ta nói, trợn đôi lông mày lên. « Nhưng cậu em thân mến, nhưng cậu ấy không bao giờ rời đây cả. Cậu ấy vẫn còn ở đây mà. Cậu Temple cũng vậy. Họ ở trên lầu tư, cả hai cậu cùng ở trên đó ».

Billy chậm rãi đặt chén trà xuống bàn và nhìn chăm chú vào bà chủ nhà. Bà ta mỉm cười với gã, và rồi bà ta đưa một bàn tay trắng muốt ra đập đập trên đầu gối gã với vẻ vô vẻ. « Cậu em năm nay được bao nhiêu tuổi rồi nhỉ ? » bà hỏi.

« Mười bảy ».

« Mười bảy ! » bà ta kêu lên. « Ô, thật là một cái tuổi tuyệt hảo ! Cậu Mulholland cũng mười bảy. Song tôi nghĩ cậu ta hơi thấp hơn cậu một chút ; thật vậy, tôi chắc là cậu ta thấp hơn, và rằng cậu ấy không hẳn trắng đầu. Cậu có hàm răng đẹp nhất, cậu Weaver ạ, cậu có biết thế không nhỉ ? »

« Rằng tôi không tốt như bà tưởng đâu », Billy nói. « Có cả đồng thạch cao trám ở trong đấy. »

« Cậu Temple dĩ nhiên hơi lớn tuổi hơn », bà ta nói, không quan tâm đến nhận xét của gã. Hồi đó cậu ấy hai-mươi-tám. Và tuy nhiên nếu cậu ấy không nói thì tôi có biết đâu mà đoán, suốt đời có thể sẽ không biết mất. Cậu ta không có lấy một vết tàn nhang trên người vậy đó. »

« Một vết gì ? » Billy hỏi.

« Da của cậu ấy hết như da một đứa trẻ sơ sinh vậy thôi. »

Im lặng một lát. Billy cầm tách trà lên và nhấp một ngụm nữa rồi đặt nhẹ xuống đĩa. Gã đợi bà ta nói điều gì khác, song bà ta có vẻ như lại rơi vào một sự im lặng khác. Gã ngồi đó, nhìn chăm chú về phía một góc phòng trước mặt, rằng trên cần vào môi dưới.

« Con vẹt đằng kia », Cuối cùng gã nói « Bà biết gì không ? Nó làm tôi điên đầu lúc thoát tiên nhìn thấy nó qua khung cửa sổ. Tôi có thể đã thề là nó sống đấy. »

« Than ôi, không còn sống nữa. »

« Nhồi được con vẹt như vậy phải là tay giỏi kinh khủng » gã nói. « Nó không có vẻ gì là đã chết cả. Ai làm thế ? »

« Tôi đó. »

« Bà làm ? »

« Dĩ nhiên », bà ta nói. « Và cậu đã gặp con Ba Tây nhỏ bé của tôi chưa nhỉ ? » Bà ta hất đầu về phía con chó Đức nằm cuộn tròn thoải mái trước lò sưởi. Billy nhìn con vật. Và đột nhiên gã nhận ra con vật này suốt thời gian qua cũng im lặng và bất động như con vẹt. Gã thò tay ra và nhẹ sờ vào lưng con vật. Lưng nó cứng và lạnh, và khi gã lấy ngón tay vạch lông nó qua một bên, gã có thể thấy lớp da bên dưới màu đen hơi xám và khô và được bao bọc hoàn toàn.

« Trời đất », gã nói. « Thật hấp dẫn biết ngần nào ». Gã

thôi không nhìn con chó nữa và ngó sống người đàn bà nhỏ bé ngồi bên cạnh gã trên ghế sa lông, với vẻ khâm phục. « Chắc là phải khó khăn khủng khiếp luôn mới làm được một vật như vậy. »

« Không một mảy may nào hết, » bà ta nói. « Tôi nhồi tất cả những con vật cứng nhỏ bé của tôi khi chúng chết. Cậu dùng trà thêm nghe ? »

« Thôi, cảm ơn bà », Billy nói. Nước trà hơi có vị trái đào đắng đắng, và hẳn không quan tâm đến điều đó nhiều lắm.

« Cậu ký vào sổ rồi, phải không ? »

« Ô, vâng. »

« Vậy là tốt. Vì sau này, nếu tôi có quên tên cậu, thì tôi luôn luôn có thể xuống đây và tìm trong sổ. Tôi vẫn cứ quên như vậy mỗi ngày với cậu Mulholland và cậu... cậu... »

« Temple », Billy nói. « Gregory Temple. Xin lỗi, bà cho hỏi ngoài hai anh kia, trong hai hay ba năm qua, có còn người khách nào khác ở đây không ạ ? »

Một tay nâng tách trà, đầu hơi nghiêng về bên trái, bà ta ngược nhìn gã bằng đuôi con mắt và lại mỉm một nụ cười dịu dàng với gã.

« Không, cậu em thân mến », bà ta nói. « Chỉ có mỗi một mình cậu em thôi ». »

(nguyên tác *The Landlady*)

trùng dương dịch

NGUYỄN TƯỜNG VĂN

năm bài lục bát

MỘNG XƯA

Em về xinh mộng ca dao
 Ngàn năm mây cũ bay vào hồn đơn
 Cao xa tuổi ngọc chấp chờn
 Và đâu trong mắt những hồn dỗi xưa
 Tầm tay với mấy cho vừa
 Trời âm u kín mây thừa thớt vàng
 Em về qua bến sang ngang
 Nghe chim réo gọi trên hàng cây cao
 Động chiều, nước cuộn, mái chèo
 Ta trong bãi vắng tìm sao thấy người.

KHI TRỞ LẠI TUY HÒA

Ôi ngày tháng cũ vui xa
 Trong con nước đó đời qua chân cầu
 Ta trăm nhánh mọc bên đầu
 Hồn trăm năm cũng về thâu đêm dài

Ta khô từng sợi tóc mai
 Trong ngôn ngữ vọng ru bài thánh ca
 Tinh bay vàng nhánh què nhà
 Đường xưa cổ quận sâu xa mấy hàng
 Hồn cao từng nẻo không gian
 Em trong phố đỏ võ vàng mùa đông
 Hai mươi một nhịp hư không
 Thu trên cổ tháp đời mộng mênh sâu.

ĐÊM NẪM TRONG KHÔNG

Non ngàn liếp dựng phen thừa
 Tay đan năm nhánh ngày mưa thu hồng
 Cảnh khô thêm tuổi trời đông
 Vàng bay tóc rụng qua vùng u minh
 Thôi em, mỗi kiếp đăng trình
 Chân đưa dốc ngược chiều thình không về
 Cho ta vàng chút đam mê
 Em xinh đáng ngọc tóc thề xa bay
 Ta về cuối bãi mù mây
 Nhật thêm nổi nhớ cao xây đỉnh ngà
 Nước triều động bến tha la
 Em vô thường kín ta bà vọng trông
 Chợt tỉnh qua cõi sắc không
 Ta xưa tay trắng phiêu bồng mù khơi

MIỀN XUÂN ĐỘNG

Ở đây trời lộng mây ngàn
 Sa giảng nhớ tóc tuổi vàng võ đêm
 Ấm hồn thêm chút y xiêm
 Giọng ca dao cũ từ Chiêm thành về

Nghe đời vượt bến cung mê
Em trong đá tảng pha lê nhiệm màu
Ta như tín đạo kinh cầu
Về trong tiền kiếp bên lầu vọng cung
Ngang nhìn từ đỉnh bao dung
Hố không gian rộng xanh thung lũng đời.

PLEIKU

Lạnh vàng ngà ngọc lên non
Mắt chim di ấy ngày mòn mỗi qua
Sương em diu dịu mái nhà
Ta hiện ngang bước giữa bao la cùng.

nguyễn tường văn

TỪ KỂ TƯỜNG

tiếng sông

Hai người đạp xe song song nhau. Con đường chạy giữa hai cánh đồng mở thẳng ra hai phía. Mùa gặt đã xong từ hơn tháng trước. Bây giờ đất dưới ruộng đang khô nứt ra, màu đất mốc trắng. Cỏ xanh len theo chân rạ khô cháy mọc thành những đường ngang dọc kéo chạy tới bờ ruộng phía bên kia đầy những bông hoa dại đủ màu sắc. Mùa hè, những cơn gió từ hướng sông thổi lên mang theo hơi mát để xua bớt cái nắng hung bạo từ trên trời cao chụp xuống. Con đường lúc nào cũng bụi mịn mù. Nhất là mỗi khi có một chiếc xe lỏi chạy vụt qua, hồi hã về hướng quốc lộ.

Ngự quay nói với bạn :

— Nắng chi mà nắng ác thế không biết. Chút nữa về tới chợ mình ghé vào uống ly nước nghe Thử ?

Thử gật đầu, cười :

— Uống thì uống chờ sợ gì !

— Mà giao trước, uống nước đá chanh à nha. Uống mấy thứ kia không có tiền trả.

— Không biết. Mời thì phải cho người ta tự do uống chứ.

— Vậy đợi tới nhà Ngự đi, rồi muốn uống thứ gì thì uống.

Thử lắc đầu quây quây :

— Í, người ta khát khô cả cổ đây. Đợi tới nhà dám thành con ma khát nước lắm à.

— Từ đây về nhà Ngự đâu còn bao xa.

Thử cười :

— Thôi ghé chợ uống nước đá chanh đi. Chờ tới nhà Ngự không nổi đâu.

Ngự vói tay qua phát vào vai Thử một cái. Hai chiếc xe lao chao dạt qua hai mé đường. Cả hai thắng lại cười khúc khích. Thử lờm :

— Chút xiu nữa nhào xuống ruộng rồi thấy không ? Giỡn chi mà ác thế.

— Bộ Thử nhào xuống ruộng rồi Ngự không nhào sao ?

Thử cười. Hai người lại tiếp tục đạp xe. Con đường bị thu ngắn dần. Khi sửa soạn qua một chiếc cầu hai người đạp chậm lại đi vào vòng rào thép gai rồi đạp mạnh để lên dốc. Cây cầu sắt không dài lắm. Nhưng con rạch sâu và nước chảy xiết. Ngự không dám nhìn xuống nước sợ chóng mặt. Bên phải dốc cầu là đồn dân vệ. Hai người lính gác trên lô cốt đưa tay ngoắc, trêu :

— Hai em ơi đi đâu về đó ?

Ngự quay qua Thử :

— Đừng thêm trả lời.

Nhưng Thử đã nhanh miệng đáp lớn :

— Đi thăm « bồ » về, có được hông ?

Tiếng « hông » được Thử gói tròn lại trong miệng và hai má nàng phình ra để chứa được nhiều hơi. Khi tiếng « hông » được phát ra nó mang một thanh âm thật đặc biệt, nửa như đùa nửa như giận dỗi làm hai người lính ngần mặt ra, mãi khi tới giữa cầu Thử mãi nghe một người nói hơi lớn :

— Mối lớn đã có « bồ », le dữ.

Thử định trả lời nhưng Ngự phát vào vai thử một cái mạnh :

— Trả lời với họ làm gì. Cứ im lặng là họ cụt hứng không dám nói gì nữa. ai biết Thử trả lời nên họ trêu hoài đó.

— Trả lời cho họ cầm họng luôn. Bộ Ngự sợ hả ?

— Không phải sợ nhưng Ngự không thích ?

— Không trả lời họ làm tới.

— Mặc họ.

— Tức ghê. Cái gì Ngự cũng cản. Minh Thử sức mấy hai anh anh chàng đó nói lại. Thử nói một hồi có nước độn thổ mà trốn.

Ngự không cãi với bạn. Vì nàng biết tánh Thử mỗi lần bị con trai trêu chọc là phải nói lại cho bằng được mới thôi. Có khi Thử đứng cãi lộn cả buổi trời. Cãi loạn xà ngầu làm cho mấy đứa con trai chịu thua không cách gì nói được nữa. Ngự thì ngược lại, nếu ai chọc cừ việc lắm lủi đi không nói một tiếng,

Hai người thật trái ngược nhau, vậy mà chơi thân với nhau nhiều lúc làm Ngự cũng phải buồn cười :

Qua khỏi cầu Thử cười khúc khích.

— Lúc nãy Thử trả lời là đi thăm « bồ » chắc hai anh chàng tức ghê lắm.

— Sao Thử lại trả lời kỳ vậy ?

— Trả lời cho bồ ghét.

— Họ nói mình mới bây lớn mà có « bồ » đó không nghe sao ?

Thử háy mắt :

— Bộ không có hả ?

— Tầm bậy.

— Tầm bậy chứ anh Nghiệp là cái gì của Ngự ?

Ngự đỏ mặt, nói tránh :

— Anh Nghiệp là anh Nghiệp, quen thôi. Bộ hề quen là « bồ » hả !

— Không phải. Tức ghê vậy đó. Cái này anh Nghiệp với Ngự quen cách khác.

— Thì anh Nghiệp đi lính chung với anh Ngự nên thường theo anh Ngự về nhà chơi chứ có gì lạ đâu.

— Ngự cãi hay ghê. Mấy đứa nó đồn Ngự với anh Nghiệp tùm lum rồi đó. Lo mà cãi đi.

— Đồn thì đồn, mình không có gì thì thôi. Ngự khỏi sợ.

Thử như vẫn còn ăm ức điều gì, nàng đạp xe thật nhanh làm Ngự cũng phải đạp nhanh theo. Con đường dần về chợ thấy lưa thưa vài bóng cây. Có một chiếc xe lỏi từ phía sau chạy vụt qua Ngự và Thử phải nép sát xe vào lề tránh bụi. Thử lăm lăm cựa nự người tài xế. Ngự cười hỏi ;

— Tụi nó đồn thế còn Thử nghĩ sao ?

— Nghĩ gì ?

— Thì nghĩ sao về mình và anh Nghiệp.

Thử đáp gọn lỏn :

— Thì hai người « bỏ » với nhau chứ còn nghĩ gì nữa.

— Không phải đâu. Thử nói thế anh Nghiệp cười chết.

— Khoái thấy mồ chứ cười.

Ngự đỏ mặt không dám hỏi gì Thử nữa. Hai người đạp xe tới đầu chợ, quẹo vào xe bán nước đá. Dừng xe dựa gốc cây Ngự kéo ghế ngồi và kêu hai ly nước chanh. Thử ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh. Khu chợ buổi trưa hoàn toàn im vắng. Những con đường trong chợ đầy bóng mát. Hoa soan Tây trổ vàng trên dãy phố mái ngói đỏ. Có tiếng chim hót đầu đó. Tiếng chim thông thả vọng xuống hè đường. Ngự vừa uống nước chanh vừa nhìn lên hàng cây. Nắng lấp lánh trong cành lá xanh mướt. Bầy ve của mùa hè kêu rộn rã làm buổi trưa man mác buồn. Ngự ngỡ có một giấc ngủ đang len vào tâm hồn mình.

— Thử ghé nhà Ngự không ?

— Thôi trưa rồi, Thử về.

— Trưa nay nước lớn đây, nằm trong vườn nhà Ngự nghe tiếng sóng đánh thích lắm.

— Thử về mà, hôm khác sẽ ghé.

Ngự trả tiền. Hai người rời khỏi xe nước đá đạp xe đi. Gió xao xạc trên cây đem hoa vàng xuống. Mùa hè sẽ chỉ ở lại với Ngự trong vòng một tuần nữa khi tất cả những màu hoa đều nằm im sững dưới mặt đường Ngự sẽ rời quê nhà trở lên tỉnh. Có gì để em nói với anh ? Mùa hè có còn ở lại với anh không Nghiệp ? Ngự đạp xe chậm chậm bên bạn. Thử cũng đang nhìn lên hàng soan Tây trước ngã ba đường. Mất Thử nom xa xăm như những vùng mây xanh ở trên cao. Dãy phố với những cửa sổ xanh, những tường vàng. Ngự ngỡ ngác như con bướm lạc vào vườn. Khu chợ thanh vắng không một tiếng người. Khi em rời khỏi nơi đây...

Thử bỗng gọi Ngự rồi rít :

— Ngự ! Ngự ! Thấy gì không !

Ngự quay lại hỏi :

— Thấy gì ?

— Thử thấy anh Nghiệp đang ngồi trong quán cà phê với mấy người bạn. Quay xe lại không ?

Ngự đảo mắt nhìn quanh dãy phố vừa qua khỏi. Ngự không thấy Nghiệp ở đâu cả. Ngự nói :

— Quay xe lại làm gì ?

— Thì quay xe lại cho Ngự gặp anh Nghiệp.

Ngự lắc đầu :

— Thôi đi về nhà.

Ngự bỗng đạp xe nhanh lên như có ai đuổi theo sau lưng.

Thử vừa đạp theo vừa hỏi :

— Ngự làm sao vậy ?

— Không.

— Ngự buồn hả ?

— Việc gì mà buồn.

Thử nói :

— Thôi mình về nhé. Ở nhà thế nào cũng mong.

Ngự gạt đầu không quay lại nhìn bạn, nhưng nàng biết Thử đang quẹo xe vào con đường quen thuộc. Ngự lơ mơ nghĩ tới Nghiệp với bộ đồ trận mốt thếch của anh, chiếc nón rộng vành luôn luôn kéo sụp xuống trán và đôi giày boots lem bụi đất vẽ ngoằn ngoèo những đường ngón tay.

Năm đưa vẩy quanh chiếu bạc. Nón, giày, bao thuốc vắt lung tung. Cẩn bằm hơi hám khó thở. Mùi vớ thối, mùi tàn thuốc, mùi đất xông hăng hắc đánh thức mấy giấc ngủ ngắn của Nghiệp giữa buổi trưa. Cánh cửa sổ mở ra cảnh đồng khô cỏ tranh bị đốt cháy sém. Đất đen như tro bỏ ngoằn ngoèo dưới chân rào kẽm gai. Nghiệp ngó mãi những ống lon rỉ mọc vắt vẻo như những đôi mắt bốc lửa của nắng. Canh bạc kéo dài từ sáng tới giờ. Nghiệp nằm chờ canh bạc tan xin đưa nào thắng vài trăm bạc mua gói thuốc và lấy bộ đồ bỏ sửa ngoài tiệm mấy hôm. Bộ đồ Nghiệp đang mặc đã quá kỳ, vải mốt thếch rách tứ tung không cách nào mận và được. Bộ đồ cần phải thay cũng như Nghiệp đang cần một liều thuốc. Nghiệp mệt mỏi ngồi dậy ngó quanh sông bạc. Năm cái đầu đang cúi

xuống, Năm cái cần cổ nhè nhại mờ mờ. Tiền vun cao thành đồng lớn. Nghiệp chép miệng đứng lên nói :

— Thôi. Tao chờ không được. Tụi bây đánh dai quá. Một chút đưa nào ăn nhớ để dành cho tao vài trăm. Tao đi ra chợ.

Nghiệp không nghe ai nói gì. Không khi im ỉm. Không đưa nào nghĩ rằng từ sáng tới giờ chàng không có hột cơm trong bụng. Năm chờ ngắc ngoải như con chó ốm. Nghiệp chán nản xỏ giày đứng lên :

— Đưa nào còn điều thuốc ?

Tiếp hất hàm chỉ chiếc áo măng một góc. Nghiệp đi tới moi ra gói thuốc, rút một điếu châm lửa hút. Nghiệp rít một hơi dài kéo mũi nồn sụp xuống đi ra đường. Trời xế chiều nhưng nắng vẫn nóng gắt làm mặt đường bốc hơi. Chàng đi dài theo những bóng mát, ngơ ngắc chờ đợi. Một lúc có chiếc xe bò từ hướng cầu sắt lọc cọc đi tới. Nghiệp đưa tay vẫy nhờ quá giang ra chợ. Người đàn ông im lặng kéo hai con bò dừng lại cho Nghiệp leo lên rồi tiếp tục điều khiển hai con bò đi tới. Nghiệp mở một cục áo ngực lột chiếc nón xuống quạt phành phạch. Điếu thuốc tàn được ném xuống đường.

Đám trẻ con ở trường tiểu học bỗng túa ra chạy theo phía sau xe bò. Có đứa đu lên. Đứa khác bắt chước. Trên xe bò bây giờ có thêm mấy đứa trẻ con. Người đàn ông quay lại quơ chiếc roi tre hết :

— Mấy ông nội, xuống !

Mấy đứa trẻ con thụt lùi ra sau cười khúc khích. Một lúc chúng nhảy cả xuống. Nghiệp ngồi lắc lư trên thành xe nhìn chiếc bóng của mình in dưới mặt đường. Chiếc bóng chạy theo xe bò dính cứng làm Nghiệp bật cười.

Có chiếc xe lỏi từ phía sau chạy tới bóp kèn xin qua mặt, người đàn ông đánh xe vào lề nhường đường. Khi chiếc xe lỏi chạy qua khỏi bụi cát tung lên mù mịt phía trước. Nghiệp lột nón che bụi, bất ngờ chàng nghe gáy tóc mình dài rụng tới cổ áo, mái tóc quá kỳ rồi chưa hớt. Nghiệp cảm thấy có một nỗi buồn xỏ lẩn tới, đời sống của chàng như vậy đang thiếu thốn từ mọi phía. Nơi cái quận lỵ hẻo lánh xa tít mù này chàng như một người lính thú đời xưa, ngày tháng đi qua theo từng mùa lá, mất hay còn đôi khi

Nghiệp cũng chả để ý. Ở đây không phải là một miền yên nghỉ, mà là một vùng đất luôn luôn làm cho Nghiệp phải thất lạc lo âu. Cũng như luôn luôn Nghiệp tự hỏi tại sao chàng có thể làm một người lính và chàng lúc nào cũng như còn sống với một cơn mơ chưa thật sự chết trong lòng. Cơn mơ của một thời tuổi trẻ. Có phải bây giờ tuổi trẻ của Nghiệp đã chết ? Tại sao Nghiệp về nơi xa lạ này, mỗi ngày cầm súng đánh giặc. Tại sao có những người bạn của chàng đã chết ? Nhiều lúc cầm cây súng Nghiệp ngỡ nó là một món đồ chơi, món đồ rất hiền từ, ngoan ngoãn như chính lòng chàng.

Con đường rụng đầy hoa soan Tây vàng. Tiếng ve ròn rã kêu thúc trong nắng gắt. Mùa hè này nữa là bao nhiêu mùa hè đi qua trong đời Nghiệp ? Bao nhiêu mùa hè chàng chưa trở lại thành phố ? Nơi đó ? Nghiệp vừa quạt nón phành phạch vừa lau mồ hôi vả ra. Những ngọn cây bắt đầu chết khô đứng trơ trọi trên một gò đất cao. Cỏ cháy đỏ. Nghiệp nghĩ tới thành phố và một chuyến xe nào đó sẽ đưa Nghiệp trở về. Ngày trở về quả thật không mong mỏi chi hết, nhưng không lẽ cứ nghĩ rằng chàng sẽ ở mãi lại nơi đây.

Nghiệp cảm thấy khát khô ở cổ, miệng lưỡi đắng nghét chán chường như cơn bệnh mới khỏi. Chiếc xe bò vẫn lọc cọc tiến tới trong những đám bụi bốc cao lên. Người đàn ông vẫn im lặng. Chiếc nón lá rách te tua úp hết phần nửa người của ông ta. Nghiệp tưởng mình đang ở trên chuyến xe đi vào sa mạc. Nghiệp đánh lưỡi quanh vành môi, đôi mắt mệt mỏi gục xuống. Chàng không muốn nhìn chung quanh. Chàng muốn bay tới nhà Ngự nằm trong vườn cây nghe tiếng sóng đánh ào ngoài xa. Chàng thêm một ly nước mát. Thêm nhìn vào đôi mắt mở lớn của Ngự. Xe tới chợ người đàn ông quay lại nói :

— Tôi chưa ? Tôi phải dừng lại đây lấy hàng, không thể đi xa hơn được.

Nghiệp đội nón lại, nói :

— Chưa, nhưng tôi xuống đi bộ cũng được.

Chàng nói « cảm ơn » một tiếng lớn rồi nhảy xuống đất. Một người kêu chàng ở đầu phố, trước quán nước. Nghiệp nhận ra Đồng. Chàng hối hả đi tới. Đồng hất cằm hỏi :

— Đi đâu ?

— Định đi ra ngoài nhà một chút. Cậu chưa về nhà à ?

— Chưa. Mà không muốn về. Tụi nó còn đánh bài ?

Nghiep gạt đầu :

— Đánh từ sáng tới giờ.

— Uống cái gì ?

Nghiep bước vào kêu chai cô ca. Trong quán có vài người lính nữa mà Nghiep chưa quen. Họ đi với Đồng. Hình như họ vừa uống bia, mặt người nào cũng đỏ say. Tuy nhiên trên bàn không còn một vỏ chai nào, chỉ còn mấy chiếc ly không. Đồng nói :

— Ở nhà đi vắng hết. Chỉ có con Ngự ở nhà. Chắc nó mong cậu ra.

Nghiep uống ngụm nước ậm ừ. Chờ cho Nghiep uống hết chai nước cả bọn đứng lên. Đồng nói :

— Tôi phải đi gở lại. Cậu về một mình đi. Có tiền không ?

Nghiep cười. Đồng dúm vào tay Nghiep tờ giấy hai trăm rồi cùng với mấy người bạn kéo đi. Nghiep cầm tờ hai trăm vuốt thẳng tới hàng thuốc lá mua một gói Bastos xanh với cái hộp quẹt. Chàng rút một điếu gắn lên môi châm lửa. Khu phố vắng tanh. Đám trẻ con chơi thả đáo trong nhà lồng chợ. Chúng cũng im lìm không kém gì khu phố. Nghiep vòng qua chợ mua một ổ bánh mì rắc đầy tiêu rồi vừa đi vừa ăn thẳng tới nhà Ngự.

Nghiep phóng qua cổng rào thấp đề vào nhà. Chàng đập cửa kêu :

— Ngự ơi, có nhà không ?

Ngự hiện ra ở cửa sổ. Nghiep kéo chiếc nón xuống mở cúc áo nhét vào bụng.

— Mở cửa. Lại lắm sao mà nhìn.

— Ngự đang gội đầu. Tóc ướt hết không thấy sao ?

Nghiep cười :

— Bộ gội đầu rồi không cho ai vào hết sao ?

Ngự sượng sùng mở cửa nói :

— Không phải. Ngự gội chưa xong.

Nghiep bước vào, dậm chân trên nền gạch nói :

— Thôi gội đi.

— Anh đợi Ngự chút nhé

Nghiep gạt đầu ngồi xuống ghế phủi phủi hai ống quần cho sạch bụi. Ngự chạy ra nhà sau. Một lúc Nghiep ra theo đứng dựa « phuy » nước nói :

— Vừa gặp anh Đồng ngoài chợ với mấy người bạn.

Ngự ôm tóc, ngừng lên hỏi :

— Sao không cùng về ?

— Anh Đồng không về.

Ngự vực tóc trong thau nước bỏ kết vò đến nỗi bọt. Nghiep đứng nhìn cái gáy trắng hồng của nàng với mấy cọng tóc kết nước đen nhánh. Nghiep đùa :

— Đề anh gội tóc cho

Nghiep giả bộ nhảy xuống thềm. Ngự hốt hoảng đứng lên la :

— Ê. Đừng giỡn. Anh kỳ quá.

Nghiep cười khúc khích bỏ ra đứng ngoài bờ sông. Gió sông lồng lộng. Nước lớn tràn lên bãi cát. Sóng đánh ào ào tung bọt trắng xóa trong nắng. Nghiep quay vào nói lớn :

— Ngự ơi, tắm một cái nghe.

Không đợi Ngự trả lời Nghiep cởi quần áo giày vớ chạy thẳng ra bãi cát phóng xuống nước. Chàng mang cả quần áo giày vớ lội vòng qua phía vườn cây ném vào một bụi rậm. Xong lặn sâu vào nước.

Tắm xong Nghiep mặc quần áo, mang giày đi thơ thẩn trong vườn cây. Nước mát làm Nghiep khỏe hẳn lên. Chàng nằm xuống cỏ nhìn bóng cây xao xác phía trên đầu châm thuốc hút. Tiếng chim vỗ cánh trong vườn. Tiếng gió vút vút ngoài xa cùng với tiếng sóng. Nghiep thêm một giấc ngủ lạ kỳ. Hình như trời đang về chiều. Nắng không còn chói mắt. Nghiep nhìn vào nhà thấy Ngự loáng thoáng qua khoảng sân. Chàng huyết sáo miệng một điệu nhạc quen thuộc. Khi điếu thuốc cháy hết trên môi Nghiep ném tàn nằm nhắm mắt.

từ kế tường

NGUY NGỮ

mùa đi hái trái cây

văn đề | 57

Đồi Chevreuil, đồi Oiseaux. Chẳng biết bởi lý do nào lại có được những cái tên bay bướm như thế. Bọn thực dân Pháp sang đặt ách thống trị, mộ dân thuộc địa đào núi mở đường, lập đồn điền, trồng cây, đặt tên đồi tên suối, và thất trận, chịu những áp lực chính trị, rủ nhau cuốn gói trở về, bỏ tất cả lại đó. Oiseaux, Mareel, Chevreuil, des roses, Camélias, những cái tên gọi lên nghe tưởng như tên đám gái trai choai choai đi ca hát dưới phố Sài Gòn. Năm 1954, đám thực dân Pháp cuối cùng buồn bã ra về; năm 1970, mười sáu năm qua, những ngọn đồi còn lại đó, với tất cả, với cuộc chiến tranh mới; những cái tên bị Việt hóa một cách thâm hại tồi tàn: Oiseaux thành Ra đô, Ra đô chán rồi Ra cô, Ra vô, như Sơ rơi, như tất cả, quen thuộc dần dần.

Đồi Oiseaux, đồi Mareel, đồi Camélias... Những ngọn đồi thoai thoải nối nhau chạy tấp hai bên đoạn quốc lộ xa khỏi thị trấn, sắp nối vào đoạn đường đèo cheo leo khuất lẩn trong vùng rừng núi mịt mù, nối xuống các phố phường lớn nhỏ ngã dưới. Nhà cửa của công nhân mọc sát bờ lộ, quanh chân đồi. Những lối đi nhiều hoa từ lộ vắt lên lưng đồi, vào nhà cửa của đám chủ đồn điền nằm ngay giữa đỉnh, ẩn hiện với cây cối, ngó ra bốn hướng núi ngàn mênh mông.

Loại cây được trồng nhiều nhất ở đây là trà, trà phủ gần hết diện tích những sườn đồi; còn lại bao nhiêu ở các thung lũng là những vườn cây trái khác: vườn sầu riêng, vườn hồ tiêu, vườn avocat, vườn mít, vườn đào, vườn cam quýt, vườn cà phê... Đất đỏ tươi màu mỡ, suối nhỏ róc rách, trời nắng ấm và mù sương quanh năm, cây cối lênh đênh với nhịp tháng nhịp mùa ra hoa kết trái, người già già xuống, trẻ nhỏ lớn lên, những thai mang động dẩy, những khúc hát tình vui tình buồn. Tất cả như một phổi hợp êm đềm. Tháng 6 của năm này năm ngoài năm kia gì cũng chung nhau một điểm: những trái avocat đến độ già, thủng xuống khỏi lá cành vẩy che, ngấm ướt sương đêm, sáng mai phơi ra bóng sáng giữa ánh mặt trời, lớp da màu xanh căng mọng.

Chủ Pháp đi, chủ Việt đến thay thế vào, tiếp tục canh tác. Đám nhà cửa ven chân đồi càng lúc càng mở mang sinh động hơn. Một số dân Bắc di cư vào ghé lại lập nghiệp, một số dân Thừa Thiên Quảng Trị tha hương cầu thực ghé lại, dân lục tỉnh chân đời đi lên bêu lên núi ghé lại. Ngần ấy đó với cái điều kiện quá đổi dễ dãi của đất đai và khí hậu, năm này qua năm kia cơ hồ chưa có một cuộc lộn xộn đáng tiếc nào xảy ra cả. Đây là một cộng đồng lý tưởng. Hoa từng cụm mọc san sát bốn mùa nở tươi dọc hai bờ đường trước các thềm nhà cửa mở, cây trái xanh ngắt quanh năm dọc hai bờ đường che im các mái hiên đầy tiếng trẻ đùa vui.

Dân cư phần nhiều mỗi nhà đều khai phá được một khoảng vườn dâu đó sau rừng như một thứ gia sản bền vững cho con cái nối truyền, những hạt giống ươm xuống, mùa màng được âm thầm toan tính ngày trên nụ mầm vừa le lói vươn lên đơm xanh. Ngoài mảnh vườn của ước vọng của nghỉ ngơi mơ mộng đó, là các nghề làm ăn: làm củi chất xe đưa về thị trấn, đốt than, làm trà, hái trái cây, làm công với các chủ đồn điền, mở quán sống với đám xe cộ đường dài. Trước lộ, càng ngày xe qua lại càng nhiều, xe từ những thành phố ngã dưới lên những miền trên, quay đầu về mấy trăm cây số đường dài đằng đằng. Xe nghỉ xả hơi ăn uống lấy sức trước khi vào đèo, xe đồ đèo xong nghỉ xả hơi ăn uống chuyện trò trước khi về thị trấn. Cứ thế, và quán xá mọc càng ngày càng đông. Vài ba

người gặp vận may hoặc có chương trình làm ăn chưa bao lâu cần quán lúp chụp đã cao lớn lên một cách vui mắt, biển tên, biển số nhà, biển quảng cáo những chữ Tây chữ Tàu, hình vẽ quệch quạc u ơ. Và như tất cả các phần đất khác trên địa cầu sung túc đầm ấm bao nhiêu chắc cũng chưa bằng thiên đường cực lạc đâu đó trên trời: các ông cha ông sư áo quần nâu đen lụm thùm ôm kinh sách đến. Chùa dựng lên, nhà thờ dựng lên, chuông đổ. Phật giáo, Thiên chúa giáo, rồi các đạo khác lò dò đến theo: tin lành, đại đạo tam kỳ, Phật giáo tiểu thừa. Chuông đổ, kinh cầu và những ngày lễ lược dọc tháng năm cơ bay rớt rít. Và chiến tranh mang cái mình ghê tởm đầy máu me sãi ghê bỏ đến.

Du kích từ rừng thỉnh thoảng ra đón đường đánh xe nhà binh đòi xe hàng nộp thuế, bắt đám chủ đồn điền nộp thuế. Lính bên này đến, du kích đã thoát đi rồi; lính đi rồi, du kích trở ra lại; rồi du kích bắn với lính, bắn với Mỹ, đốt xe Mỹ, tàu bay Mỹ dội bom, đại bác trên tỉnh cầu về. Cứ thế. Và một điều không cách nào tránh được: đoạn đường bình yên ngày trước bây giờ đang trở thành mặt trận. Bom dội mù các thung lũng hoang vu trùng điệp chạy dọc đèo dài, thuốc khai quang đốt cháy quá nhiều hoa màu đồn điền, dân lành chết oan ức, đạn liên thanh từng tràng xối rớt vào nhà cửa.

Đó là giai đoạn thứ nhất. Giai đoạn tiếp theo: di cư. Những gia đình có đủ điều kiện đi trước, bỏ vườn tược lại lâu lâu về kiểm chác qua loa; rồi các gia đình tiếp theo. Tình hình an ninh càng lúc càng khốn nạn. Thợ đi, chủ đi, hàng quán bị dẹp hết, nhà bị tháo cửa gỗ mái, trái cây bị hái non. Sư sãi cha thầy gì cũng nhà thờ dỡ cốc dỡ chùa đi luôn. Rồi xe ủi đất của Mỹ đến cạo sạch hai bên đường tránh bớt nạn bị phục kích, đạn đại bác nổ phá hết những nhà cửa kiên cố còn lại trên các đỉnh đồi, lực lượng du kích vẫn đều đặn từng ngày ra đón xe đồ nhận thuế. Những ngọn đồi thoải thoải xanh ủa buồn tênh.

Không bao lâu sau, một đại đội lính địa phương được đưa về trấn trên đồi Oiseaux, ngày kéo nhau đi mở đường ngăn chặn bớt sự lộng hành của du kích, đêm về nằm giữ trại chờ

bị tấn công. Cách đồi Oiseaux cỡ 500 mét về hướng đông là đồi Chevreuil, một địa thế nguy hiểm nhất so với chung quanh, du kích đã đặt bích kích ở đó bắn sang bên này. Một trung đội được chia ra, đến Chevreuil lập đồn nhỏ, đồn Sơ roi. Trong máy truyền tin từ bộ chỉ huy đại đội gọi về tiểu khu xin đại bác bắn yểm trợ mỗi ngày người ta nghe những tên gọi quen tai: cho vài tràng vào điểm một của đũa con lớn, vài tràng vào điểm hai điểm ba của đũa con nhỏ, trình đại bàng hai đũa con tới... Vàng, con. Hai đũa con lớn nhỏ đầy bệnh hoạn không tuổi, không vui buồn, không tháng sinh ngày đẻ và quá nhiều mẹ cha.

Tháng giêng năm trước, đêm không trăng, du kích quân hợp thành một lực lượng lớn kéo đến vòng quanh cả 2 đồn. Đạn bích kích bắn vào đồn lớn ngăn tiếp viện, khóa luôn nòng cây 4.2; trong lúc đó ở đồn nhỏ: đạn bích kích vào trước, rồi plastic, lựu đạn và mả tấu, lưỡi lê. Trung đội vốn vẹn 25 mạng vừa thương vừa kinh, không có một cách nào để chống lại cả. Sáng hôm sau, ông quận theo đại đội trừ bị kéo về quan sát chỉ tìm được thằng thượng thoát chết miệng lưỡi còn khiếp hãi cứng lú, và bao nhiêu khác nằm banh bụng banh đầu giữa sân, hoặc đã bị bắt trời dẫn vào rừng. Thương tích quá nặng, đại đội này phải đổi, đại đội khác có vẻ thiện chiến hơn, người kinh nghiệm hơn, được đưa đến thay, và rồi cũng như đại đội trước: một trung đội được chia qua đồn nhỏ, mấy hôm sau không còn một mống. Chẳng biết cách nào hơn, đại đội thứ ba đến, đồn nhỏ bị rào kín lại, mìn bẫy chôn xuống dày đặc dưới các lối đi cỏ hoang hằm hố. Quanh đỉnh đồn, thoi thọt với các hàng rào giây kẽm giữa bầy mìn, các loại cây trái thuở nào vẫn còn, lặng lẽ và bình tĩnh theo nhịp mùa màng. Con dốc cao dựng từ đường nhựa dẫn lên cửa đồn trở thành một đường khe lở lói bởi nước của những cơn mưa xối trút đào sâu xuống mặt đất, cỏ hoang không thể mọc lên che được. Mùa nắng, màu đất đỏ tươi phơi ra giữa vắng hoang, không một bóng người.

Mùa nắng tháng 5, 6, 7, 8. Những cây avocat, sầu riêng, café, ổi, cam... âm thầm ra hoa kết trái, trái chín, chim chóc đến ăn

mang đi vào rừng hoặc rụng xuống nẩy mầm mọc lên những lớp cây mới. Tiếng chim reo suốt buổi sáng nắng rộng trời xanh và mưa đến trắng ngợp những nửa chiều. Giữa sân đồn đầy vỏ đạn đầu đạn còn rơi rớt lại, cỏ hoang và những mầm trà đại từ các cành gốc bị xe cày của Mỹ ủi vùi lấp đang theo hơi thở của rừng trở lại lên xanh. Lâu lâu một con thú nào đó tỉnh cờ chạy ngang qua khua thức đám mìn bầy bùng dậy nổ xé, con thú đồ sấp xuống, bét ra, thối vữa, tan hoang, nhòa dần đi với cỏ đất, dưới trời im tĩnh bao la.

Và trưa hôm nay mặt trời vừa lên ngay thiên đỉnh, đang chói chang soi xuống, đang soi thấy một người đàn ông: bước chân ngắn, bóng thu tròn quanh chân, hai ống chân trần xám nắng đen đúa, cái đầu trần tóc ngả bạc cát ngắn lơ xơ, bộ áo quần lấm lem bẩn thỉu. Y đang đi, rời khỏi lộ, leo lên lưng dốc, mắt ngó về phía trước, ngó lên lưng đồi, dọc theo con đường đất đỏ, bước lên. Y đang đi lên.

Y là một trong số hàng ngàn dân cư từ các nơi xuôi ngược qui tụ về đây ngay những ngày đầu cuộc khai phá. Tất cả đã ra đi và y còn ở lại đó, chẳng biết ở lại làm cái mẹ gì cả. Y và căn nhà tàn xiêu hư đột giữa vườn cà phê tiêu điều và hai đứa con nhỏ. Chẳng biết vợ y ở đâu, chẳng biết sao y già thế mà lại chỉ có hai đứa con nhỏ, chẳng biết những đứa con lớn đâu rồi. Y sống với các đồi trà hoang phế, ngày ngày xách cái bao bố đi lều bều ngắt hái, đón xe quá giang lên hợp tác xả trà trên tỉnh bán kilô, mua thức ăn, gạo, đón xe quá giang về. Đứa con đầu đã cùng cấp đủ sức theo y vác bao bố đội nón đi làm ăn được, đứa sau còn quá nhỏ, suốt ngày ở nhà, lê lét dọc vườn cà phê, ngủ, tìm cơm nguội ăn, làm quen với những toán lính Việt Mỹ mở đường, đi lượm truyền đơn của bên này bên kia thả về xếp tàu bay tàu lặn chơi một mình. Trưa nay, thằng lớn còn trên đồi trà bên kia suối, thằng nhỏ ở nhà, y về, hai cha con ăn cơm xong, chừa phần cho thằng lớn, y uống miếng nước, cầm cái nón đội đầu đi ra, rồi trở vào ném cái nón, đi đầu trần. Đứa nhỏ nhìn theo cái dáng y mù dần với màu nắng lóa sáng trên mặt lộ trái hắc ín. Mù đi, khuất hẳn, rồi thôi.

Y đi, từng bước chậm chạp lê loi hút sâu vào đoạn lộ trái

vòng quanh chân đồi Marcel, nơi tháng trước vừa xảy ra cuộc phục kích ghê rợn mà y còn thấp thoáng nhớ: lính Mỹ bị chết cháy với xe, chết vung vãi giữa đường, lính giải phóng nằm ngổn ngang tay còn ôm súng sau các lùm cây đại khuất. Y đi tới, men men theo bờ đất cao bên lộ nhìn những dấu tích của trận đánh chưa kịp lấp mất: mấy chiếc giày bố, dép binh-trị-thiên, vỏ đạn, sắt vụn từ xe rời ra.

Trưa, không có một chuyến xe đường dài nào lên về nữa, tất cả đã đỡ lại nghỉ ngơi ăn uống ở quận lỵ ngã dưới và thị trấn bên trên; xe công binh Mỹ cũng không còn chở đá chạy tung bụi mù, bọn lính mở đường đã tản mác tìm chỗ ngủ chờ chiều về đồn. Con đường chỉ còn một mình y với cây đá hoang vu và đất trời man thiên vắng lặng. Đứa con nhỏ không biết, nhìn theo nhìn theo, không biết và không nghe không thấy gì cả. Nó đứng ngáp dài, ngồi xuống tựa vào thành cửa ngủ mê.

Một tiếng nổ gầm xa, một ít khói đen mờ yếu tản nhạt giữa màu trời xanh thẳm bao la. Chắc lại một con thú nào đó lạc đường. Một con thú vàng khè mất trí, không tổ quốc, không quê hương; một con thú già buồn thảm. Đứa trẻ đang ngồi ngủ bên cửa nghe tiếng nổ, dụi mắt đứng lên với, nhìn vệt khói xa và đến giương mắt vật xuống tiếp tục ngủ chờ anh chờ cha về, chờ cơn mưa nửa chiều đến như hôm qua hôm trước, bởi lẽ có chiều nào về mùa hạ mà trời không mưa. Nắng càng gắt mưa càng lớn, trưa này nắng gắt quá. Tiếng nổ nhỏ trôi vào cái im lặng mênh mông và giấc ngủ vùi lên đứa trẻ, giữa chiếu chần nhàu nát, tối tăm. Ai biết được nó đang mơ thấy gì bây giờ.

Y trèo lên dốc, tiến gần lại hàng rào, y nhìn cây avocat. Nắng sáng trên lớp da những trái sắp chín căng mọng, gió thật nhẹ lay lắt những ngọn lá xanh ngắt và tiếng chim riu rít hót vui. Y đắm đắm nhìn vào những trái cây, y bước tới, quên mất chuyện đi dò xem vườn trà hoang nào có thể đến hái ngày mai, y bước qua hàng rào và trái lựu đạn urom sắn ở đó bị động bùng nổ, y hoảng hốt la lên. Tiếng la điệp vào tiếng nổ, điệp vào vắng im, điệp vào rừng ngàn, ngàn xưa, ngàn sau. Y đồ sấp xuống, cái áo cũ ngựa không cài nút khoảng da bày rõ và máu từ đó xối xả tuôn ra như một mạch nước ngầm vừa tìm kiếm được. Trưa, y

giữa nắng bao lá, với mạch nước trên này cao lộng và dưới kia trần gian mịt mờ nhà cửa ngợp người, ở đó có một đứa bé đang nằm ngủ mê, một đứa khác đang lom khom hái trà, tay hái miệng ồ ồ hát những khúc nhạc lảm nhảm trên đồi thấp. Bao giờ thì trần gian mới tiêu điều hết, lửa ngợp cả trái đất này, nhân gian trong ngày tận thế? Y đổ xuống nằm bất động một lúc lâu, rồi trở mình, đôi mắt mở lớn chăm chăm nhìn hai bàn tay bết máu đỏ tươi và khùng khiếp thu hút hết tàn hơi la lên: Ới trời ơi.

Ới trời ơi, Ới mẹ ơi con ơi.

Trời, mẹ và con, không ai đến với y cả, không ai nghe thấy cả. Đứa con còn hát còn ngủ vui, trời thì quá xanh cao lạnh lẽo, và mẹ ơi, người mẹ đâu đó giữa cuộc đời lê thê dưới kia mà y có. Mẹ ơi. Y già nua đi lạc đường, đi xa tay mẹ, mất khăn quàng cổ, đã bị chó dữ cắn, đang thấy máu mình, thấy hai hàm răng trắng hếu kinh dị. Làm sao chạy về quê quán Quảng nam xa mờ trong giọng nói của y bây giờ. Y la, y kêu, y khóc, y gập mặt vào đất, và thôi. Và trời đất mênh mông im ngút, mênh mông tiếp vào chiều trắng mưa.

Đây là đời Chevreuil, đứng thật thẳng ngó mông về tới những đầu?

nguy ngữ

NGUYỄN VĂN THỨC

thơ

SAU CÙNG

một cây cao
đầy hoa trắng
như trời mù

ta vẫn vơ
ngó nhìn quanh
khấp phấp mình

chiều như im
vài cánh bướm
rủ nhau về

cuộc tình đời
còn như thế
trong chiều im

TÌNH NHƯ MÙA HẠ

1

dấu trăm lần hạnh phúc
em vẫn còn đôi tay
em vẫn còn trái tim hồng một góc
dành cho anh tên tình nhân thất thểu

2

dù sáng nay Sài Gòn có những lá me bay
trời mưa bụi
hàng cây thưa
chúng ta cũng chẳng làm được gì
một chút buồn rưng rức
chợt đến gần hơn tuổi lớn ba mươi

3

giọng hát em đêm nay đêm mai bao giờ cũng thế
lúc bình thường
lúc thăng thốt bi thương
anh hiểu cho
dấu trăm lần hạnh phúc
cũng tầm thường như gót giày anh qua phố

4

môi em đây
chút hồng chút đỏ
cả tóc em
cọng dài cọng ngắn

cũng có gì hơi bạc bẽo với anh
dấu bây giờ với trăm lần hạnh phúc
em cũng chẳng còn nhân nhả nói ba hoa

5

thế mới biết
mỗi lần anh qua đây đầu chải bóng trán nhẵn
em nói gì được bây giờ khi ngày buồn tháng hạ
cơn mưa nơi này trời sưng nước ngói cao
anh qua đây một ngày em bỗng nhớ
nẻo đường về trời biêng biếc hư vô

NGÀY THOÁNG SƯƠNG MÙ

một mùa xuân trên tóc
em đừng xóa muộn đời
nghe cánh rừng lá mọc
nghe phận âm cơn qua
nghe chút tình lãng đãng

tóc bay trên ngực thờ
hoa bay trên hố trũng
và một ngày em ơi
tiếng hát đã ru đời
trên một vùng đất ước
đau hơn liều độc được

em ngoảnh lại nhìn ta
như mùa thu lá mục
cho im hơi dưới đó
mất buồn mất đôi theo

và bất hạnh đã đến
ta đốt lửa dong chơi
con ngựa ô bỗng hí
tan vỡ mất mặt trời

ÁO EM HỒNG

buổi trưa
em đã mỉm cười cho anh điệu thuốc
điệu thuốc lá thơm
và hiền dài thì vắng
anh thở khói xanh lên cao
thấy lòng mình lãng đãng

cùng với giàn hoa tím
em ngồi yên không nói
anh chợt buồn xót thương
hai chúng ta đã tâm tình không có gì huyền ảo
áo em có màu hồng
mắt em trong hoang đường màu cầm thạch
anh định vẽ vờ chân dung em như một chàng họa sĩ
thời buổi chiến tranh để còn và để mất
ôi thời buổi chiến tranh
như hoa rụng
như mây gió như sa mạc không cùng
đã nhiều năm rồi giống trò đùa cút bắt
em buồn mà chi
anh sẽ phả lên môi hồng em một lời nào mật ngọt
như phép lạ nào thánh sử
cho mùa đông tan biến đi cho mùa đông bớt lạnh

em hãy cười lên chút nhé
thuốc lá thơm còn không cho anh xin điệu nữa
hành lang mùa đông sẽ ngăn ngủi, còn mùa xuân ngoài kia sắp đến
hoa tím sẽ thôi buồn
áo em sẽ hồng che khuất mưa bay

nguyễn văn thức

TRẦN HOÀI THU

những thẻ nhang cho hoàng hôn

Kể từ ngày thằng con tôi tử trận, năm nào, cứ đến vào mùa gió Nam thổi, tôi đều ra khu nghĩa địa ấp, để khóc cùng hương hồn con tôi. Năm nay, tôi già quá, trên bảy mươi tuổi rồi còn gì, tôi đã phải run rẩy chống gậy, gắng gượng ra nghĩa địa từ khi mặt trời sắp mọc. Tôi mang theo cái cuốc, vác theo một bó củi. Đạo này, tôi cảm thấy tôi yếu lả, mắt mờ, và tai hay kêu lùng bùng. Tôi đã trên bảy mươi. Tôi sống cô độc để nuôi con, từ khi vợ tôi chết. A, thằng Tự, thằng con độc nhất, thằng con mà tôi tin tưởng, giúp đỡ, nuôi nấng tôi trong tuổi xế, lại ra đi. Hắn chết mới mười bảy tuổi. Hắn chết, gục trên bờ ruộng, trong đêm, những người từ mặt khu kéo về, đánh chiếm ấp. Hắn là thanh niên chiến đấu của ấp. Hắn chưa phải đi quân dịch, nên xã bắt hắn xung vào thanh niên chiến đấu. Nghĩ lại, tôi lại càng hối hận. Tại sao tôi không cho hắn lên tỉnh, lên quận để kiếm tìm một nghề, để thoát khỏi cảnh này. Có lần, tôi đã khuyên nó. Tự, con lên tỉnh xem, sống được không. Ở đây, cha ngại lắm. Hắn trả lời: thưa cha, con đi, ai giúp đỡ cha, nuôi nấng cha trong tuổi già. Tôi rầy: lâu lâu mày về thăm tao cũng được... Tao sống nhờ mảnh ruộng, mấy công lúa, thì mày lo gì. Tôi cười, lộ cả hàm răng lưa thưa.

Tao còn sức khỏe mà. Mày xem, thời kỳ còn con trai tao vạt bò, cả làng phải sợ... Hắn nhìn ra ngoài đồng hắt chấy. Con không đi, con ở đây, làm thanh niên chiến đấu cũng được. Đường bây giờ mất an ninh lở kẹt trên đó, làm sao mà về được, cha...

Đạo đó, ấp tôi hoàn toàn bị đe dọa ngày đêm. Các ấp từ con đường dẫn từ Gò Bồi về An Nhơn, đã trở thành những bãi chiến trường. Đêm ngày quân đội quốc gia lẫn Đại Hàn, đều hành quân, máy bay phản lực thì nhau đổ xuống, hết bom lửa, đến bom nổ. Và nhất là ban đêm, đèn đu, thả suốt một vùng cạnh núi Bà. Có khi, ra đồng, tôi nhặt về ba bốn chiếc dũ trắng, về chợ huyện bán trên ngàn bạc. Có khi, Đại Hàn trở về ấp đóng đồn ở ngoài khu nghĩa địa, bán cà nông. Tôi đã xin vỏ đạn về bán các lò rèn. Nhưng khi quân đội quốc gia rút đi, thì nẫu lại về. Nẫu từ Hảo Lễ, Nho Lâm qua, nẫu từ núi Bà xuống. Ấp tôi là trái độn, giáp ranh giữa quốc gia và giải phóng. Ban ngày, xây dựng, nghĩa quân. Thỉnh thoảng, mấy ông chủ lực trở về, viết khẩu hiệu, bắt dân học tập, gọi loa kêu gọi chiêu hồi. Ban ngày, ông ấp trưởng ngủ đêm trên quận, trở về, đi từng nhà, kiểm soát. Ban đêm, ấp chỉ còn lại những người già cả như tôi, hay đàn bà con nít. Con tôi đã theo những người thanh niên chiến đấu khác, hết ngủ chỗ này, sang ngủ chỗ khác, khi rút lên mạn ấp trên, an ninh hơn, khi thì vác súng trường ra ngoài đồng mà ngủ. Những đêm tôi đau, tôi ho khan cổ, tôi ho sù sụ, tôi thấp đèn dầu, tôi đập muỗi, tôi nhìn lên bàn thờ má hắn, để cầu khấn cho hắn được bình an. Những đêm súng nổ ran, súng từ bốn phía, và đạn lửa cắt từng vết đỏ rực trong màn tối đen, mờ mịt, thì tôi lại càng hồi hộp, sợ hãi hơn bao giờ hết. Tôi thầm trách hắn, tôi lại thầm trách tôi. Cũng vì tôi già, cũng vì mấy mảnh đất, mảnh vườn, cha ông tổ tiên để lại, mà tôi phải bám níu mà sống. Cũng vì mấy hạt lúa, mấy bờ tre, mấy khóm hoa, mà tôi phải chịu để con tôi khổ cực. Tội nghiệp cho hắn, hắn hiền khô, giống má hắn như đức. Bả cũng hiền lành. Ngày hai buổi bả làm việc, hết cấy, hết nhổ cỏ, tát nước, về nhà thì nấu cháo cho heo. Bả không hề than van một tiếng. Còn tôi, tôi chỉ biết xách dũ, nhậu nhẹt, từ ấp này qua ấp khác. Bả cũng không

bao giờ than thân trách phận. Nhưng bỏ lại chết sớm. Ông trời, ông thực không thương kẻ hiền lành. Bỏ ra ngoài đồng, thì bị trúng gió. Chiều hôm đó, bỏ chết. Khi đó thằng Tự mới mười một, mười hai tuổi. Tội nghiệp, thằng Tự. Tôi không ngờ đến cái đêm đó, cái đêm, tôi trở nên sốt. Con đau hành hạ tôi suốt đêm, thì có tiếng chó sủa, tiếng la hét, và tiếng súng nổ dồn dập. Tôi đoán anh em thanh niên đã chạm giặc. Tôi đã vội tắt cây đèn mờ, và quờ quạng trong bóng tối, mở hé cánh liếp. Tôi thấy đạn nổ ở ngoài đồng, cạnh khu nghĩa địa ấp. Trong tiếng đạn, tiếng súng, tôi còn nghe tiếng chết tôi rồi, thảm thiết, vắng lên như tiếng ma gọi. Không ngờ, đó là tiếng hét của thằng con tôi. Tôi đâu có ngờ vậy. Tôi vội vàng chạy vào nhà, đóng cửa lại, và trùm mền mà run. Đôi tai tôi mở lớn, tôi nghe rõ tiếng gầm gừ của con Mực, tiếng vọt nước u uất sau hàng tre, và tiếng kiu kệt của đám tre lá ngà sau nhà. Chợt ngoài cửa, tiếng thỉnh thỉnh, dội trên sân và tiếng gọi hót ha hót hải: Ông Tự, Ông Tự... Tôi vẫn nằm yên. Ông Tự, Ông Tự... Tiếng gọi nhỏ và mau, như càn hồi hả ngoài liếp cửa. Cháu là Nai đây, bác... Tôi quờ quạng đến bên liếp, *Nai phải không... Dạ... Mở cửa mau bác.* Tôi cố tìm chiếc then. Nhưng bàn tay tôi bỗng run quá chừng. *Mau lên, bác...* Hình như tôi đã cảm thấy một điều gì bất hạnh cho tôi, cho đời tôi, cho thằng con tôi. Và cuối cùng, chiếc then mở ra, chiếc liếp hé một tí, một hơi gió lùa vào lạnh giá cả xương sống. Giọng Nai trở nên lấp bấp từng tiếng: Tự đã chết rồi, bác ơi.

Tôi đứng lặng, sững sờ. Tôi chết điếng, nhìn trần trời trong bóng đêm. Nai đã chạy đi nơi khác. Và tự nhiên, ống tay áo của tôi vô tình quệt trên mắt. Nước mắt của tôi đã chảy trào từ lúc nào tôi cũng không hay. Đây là lần thứ hai, tôi khóc. Lần thứ nhất khóc mẹ thằng Tự. Và lần thứ hai, khóc thằng con của tôi. Con trai yêu dấu của ba. Con trai độc nhất của ba... Tôi làm bầm từng tiếng. Gió đêm se sắt lạnh. Tiếng súng đã chấm dứt. Và một vài trái sáng đã bắn lên, cũng đã tắt giữa bầu trời đêm. Tháng bảy. Một đêm tháng bảy mùa hè, ruộng mất mùa, đất nứt nẻ, nước trở nên khô cạn, thì tôi lại mất một hạt máu thân yêu nhất của tôi.

Tôi vào nhà, cầm chiếc đèn dầu hỏa, bước từng bước chậm chạp ra ngoài sân. Người tôi đau ê ẩm, nhưng tôi cũng mặc kệ. Tôi đã lần mò, và như kẻ điên khùng, tôi vừa đi, vừa chạy. Tôi chạm vào hàng rào, té quỵ. Tôi va vào bụi gai xương rồng, gai nhọn châm chít đầy da. Tôi té xuống con mương. Tôi vấp phải một khúc cây. Nhưng tôi vẫn mặc kệ. Tôi vẫn cầm chiếc đèn lồng, đưa lên. Có tiếng khe khẽ kêu: Ông Tự, ông Tự, chắc giọng của Nai. Hân đang núp đầu đó.

Cuối cùng, tôi đến nơi vừa xảy ra trận đánh. Đêm tối quá đời. Tôi phải soi đèn, quờ quạng tìm xác chết. Những người nằm đó, ai là con tôi. Ai là thằng Tự. Ai là thằng con tôi cùng, tôi chịu, tôi đập tôi đánh, ai là đứa bé ngày xưa, hay ra đồng bắt dế, theo lũ bé chăn trâu về miệt xa lắc, bắt đàn sáo con còn trong ổ. Tôi kêu, tôi gọi khàn cả cổ. Tự ơi, Tự, con đâu rồi. Có lúc nào đó, tôi lại té. Và ngọn đèn lồng cũng sắp tắt... Ở trên bầu trời, sao đã mọc đầy. Sao vô số. Tôi ước ao, có một vầng trăng thật sáng, để soi rõ bãi chiến.

Như vậy, mái tranh nghèo nân của tôi, chỉ còn lại một bóng một hình một ông già sắp xế bóng. Buổi chiều, ngồi uống rượu, nhìn hoàng hôn đỏ rực trên bãi tha ma, tôi lại càng đau lòng. Tôi đã sống một mình, ăn một mình, và làm việc một mình. Những ngày rảnh, tôi vác cuốc ra nghĩa địa, cuốc những bụi cỏ dại, sửa sang phần mộ cho sạch sẽ. Ngày thằng con trai yêu dấu của ba, nằm ngủ yên dưới đấy nhé. Có rách rưới lắm không, có phải đói khát lắm không. Tôi ngậm ngùi thả bộ lên quán bà bảy, nhờ bà mua hộ một xấp nhang đèn vàng bạc. Và buổi chiều nào cũng vậy, tôi cũng phải thắp vài thếp nhang trước ngôi mộ...

Tôi đã làm công việc trên gần bốn năm trời. Năm nay, tôi thấy trong người không được ổn. Đôi lần, tôi ho suốt đêm, ho

xối xả, ho sùng sục. Tôi ngỡ tôi sẽ ngủ yên. Ở cái tuổi bảy mươi, cái chết thật dễ dàng. Có thể trong một đêm, một ngày nào đó, tôi sẽ bước ra khỏi nhà, và xác tôi sẽ được dân làng đắp cho manh chiếu. Tôi biết thế. Răng của tôi đã rụng gần hết. Mỗi lần ăn, tôi phải bốc bằng tay, và nhai hết sức khổ sở. Khi ấy, tôi lại nhớ con tôi. Nó hình như từ góc mả ở khu nghĩa địa trở về, như cơn gió Nam của tháng bảy nắng cháy, như tiếng lá tre xào xạc ở ngoài sân nhà. Tự, sao con lại bỏ ba ở lại một mình, lủi thủi, tội nghiệp như vậy... Khi ấy, nước mắt của tôi lại chảy. Tôi nói thầm: cha sẽ không rời khỏi nơi này đâu.. Cha già rồi.. Cha đâu có sợ chết. Cha sẽ ở lại để thấp nhang bửu cho con yên ấm ở dưới suối vàng... Có nhiều người khuyên cha nên tản cư về vùng có an ninh để an hưởng tuổi già. Nhưng cha không chịu. Cha đâu có đủ sức cầm súng để người ta phải thù cha... Nhiều đêm, nẫu về gõ cửa lấy gạo, cha cũng không cho. Cha nói như hét: Các ông giết thẳng con tôi, thẳng con độc nhất của tôi, bây giờ các ông lại bóc lột tôi nữa sao. Tôi bảy mươi rồi, tôi đâu có sợ chết. Các ông bắn cho tôi một viên đạn đi. Tôi đâu có sợ.

Khác với mọi năm, năm nay, tôi đã bán thửa ruộng cuối cùng cho một người hàng xóm. Dù già nua, nhưng trí óc tôi cũng cần thận hoạch định những việc làm sẽ đến. Với số tiền bán được, tôi dự trữ được một hai bồ lúa, một số tiền dành cho thuốc men, và còn lại, để xây lại ngôi mộ cho con tôi. Nhiều khi, đứng trước ngôi mả đất, lòng tôi dầu dầu xúc động. Chắc con tôi ở dưới suối vàng lạnh lẽo lắm. Tôi vừa cuốc cỏ vừa thầm thì: con ơi, tha lỗi cho cha... Tôi không nỡ nhìn những vệt nước đọng loang lổ trên nắm đất, hay những con chó trong ấp chạy rong trên nghĩa địa, phóng uế lung tung... Tôi phải làm cho con tôi có một mái nhà ấm cúng, mồ yên mả đẹp, người xưa dạy thế... Tôi thuê một ông thợ già từ quận về, ông thợ chuyên xây mộ, ông dựng giàn, đặt những viên táp lô, xây thành xi măng. Bốn cột bông sen, sơn xanh đỏ. Tấm bia bằng đá ong, tôi cần thận ghi hàng chữ: Trần Tự

chết ngày... tháng... bằng mực đen... Đằng sau, là tấm thành răn chắc vẽ hoa, vẽ cỏ, trên cao, có những đám mây lượn lờ. Cầu mong linh hồn hẳn sẽ như đám mây nhẹ nhàng đó. Tôi lại cần thận nhắc ông thợ mua thêm keo trộn với phẩm, để chất màu không phai nhạt. Chao ơi, ông thợ thật nham hiểm. Ông thấy tôi già, lừa gạt tôi. Ông đã lấy xong tiền, rồi giông đi một mạch.

Còn tôi, tôi chỉ có nước lắc đầu, than trách. Tôi chỉ còn biết, lủi thủi ra khu nghĩa địa, làm việc một mình. Tôi đã dành ngôi mộ của tôi, bên cạnh ngôi mộ con tôi. Tôi đã đào đất để dành sẵn đó. Như vậy, đời tôi đã sửa soạn xong rồi. Tôi nhờ nước miếng vào cán cuốc, nhìn lại cái huyết vừa đào, nằm ầu yếm bên cạnh. Tôi cứ ngỡ, tôi đang nằm, an ủi con tôi, vỗ về con tôi. Tôi cứ ngỡ thẳng nhỏ Tự nằm xua, bé bỏng, nằm bên cạnh tôi, trong những đêm loạn lạc, những đêm mùa đông, rét buốt, những đêm xa vắng mà nó. Đó là thân xác tôi, sẽ bao bọc, sẽ cuốn quít, sẽ cùng nhau an ủi nhau trong cái thế giới âm u lạnh lẽo bên kia... ừ, không chóng thì chày, tôi cũng phải về cùng với nó rồi mà. Tôi ngửa mặt lên trời, thấy đôi mắt quá mỏi và đôi môi rát. Nắng tháng bảy nóng hừng hực như một lò lửa. Ở đầu ấp, trung đội ông-thiếu-úy-mắt-kính đang nằm đường, đã bốc khói nẫu cơm. Chắc mấy ông bắt đầu ăn cơm rồi. Và con đường xuyên qua ấp, mới đổ đất, thỉnh thoảng bốc bụi mù khi chiếc xe nhà binh xuôi ngược. Tôi ngừng tay, để thở. Hàng rào kẻ như đã dựng xong, chỉ còn thiếu một hàng dây kẽm gai và những bụi xương rồng để đề phòng lũ chó hoang phá phách. Tôi ngồi xuống, quạt chiếc nón lá rách. Từng giọt mồ hôi lại giông giã nhỏ trước mắt tôi, ngôi nhà con tôi kẻ cũng đẹp quá rồi. Tôi thầm gọi con ơi, con ơi... giữa cánh đồng, thấp thoáng vài người lính đi bắn chim. Nhìn họ, tôi càng muốn khóc. Tôi nhớ con tôi hơn bao giờ hết.

Ông thiếu úy đến. Ông gật đầu chào: thưa cụ. Tôi mở đôi mắt ngơ ngác một hồi, rồi cười, gật đầu chào lại. Ông ta còn trẻ, mang kính, nước da ngăm đen. Thân hình ông ốm/gầy lẹ lẹ. Tôi cầm cánh tay ông, thân mật:

— Sao ốm vậy ông. Đi lính sao chịu nổi.

Ông ta cười :

— Không chịu nổi, thì cũng phải rán, thưa cụ.

— Nom ông cười, tôi nhớ đến con tôi quá chừng.

Ông lại hỏi :

— Hồi đêm họ về đây nhiều lắm phải không.

Gió Nam đã làm tai tôi không nghe rõ. Tôi hỏi lại :

— Ông nói sao ?

— Dạ, phải hồi đêm họ về đây nhiều lắm phải không cụ ?

— Họ nào ?

— Nầu đó... Giải phóng đó.

Tôi lắc đầu lia lịa.

— Tôi già rồi, sao biết. Tôi không ai dám ra ngoài nhà, ông ơi.

Nhưng sự thực, đêm qua, nầu về nhiều lắm. Nầu về, bắt loa gọi alo, bắt chúng tôi họp mít tinh tại miếu trên, rồi gõ cửa từng nhà lấy thóc gạo. Tôi cũng bị họ đòi hai ký. Bà già Bầy có con đi lính quốc gia, họ đòi những mười ký. Bà không chịu, bà la làng xóm. Bà nói con tôi bị chết ở Cam bốt, đã bị các ông xử tử rồi, còn bà, bà không sợ... Bà nói muốn bắn, thì bắn bà, chứ đừng lấy gạo nhà bà nữa. Tôi nghiệp, bà bị đập bằng báng súng, máu chảy lênh láng. Bà khóc rống cả đêm, khiến ai nấy trong ấp đều phải mũi lòng... Sáng nay, bà phải xách khăn gói tản cư lên quận. Bà không dám ở lại đây nữa.

— Cụ dám ở đây một mình sao ?

Tôi cười :

— Thì không ở đây, ở chỗ nào ông ? Tôi già sắp xuống lỗ.

Ông xem ngôi mộ tôi đào sẵn kia kia.

— Cụ không biết hồi đêm có đánh nhau sao, ở ấp trên đó.

Tôi chùi mồ hôi trên trán :

— Kệ họ. Tôi từ lâu, đủ dần mất hồn. Tôi sợ đánh nhau lắm.

— Hồi hôm, mình bắn được một thằng. Sáng ra, tìm được hai hòn dái. Đồng bào nói nó ở ấp này.

— Thằng nào thế, ông ?

— Thằng Bốn.

Tôi không hỏi lại. Thằng Bốn. Cái thằng nhỏ ngày xưa thật thân thiết với thằng Tự con tôi. Cái thằng cúp chiếc đầu trọc, chuyên môn cười trâu, hát nghêu ngao. Cái thằng, trong những

bữa trưa hè, thường rủ thằng Tự về miệt đình, hái ổi, hái trái zúi dễ, bòn bon... Vậy chi, trong ấp này, bao nhiêu đứa con, đứa cháu tôi đã chết rồi. Tôi khổ sở ôm ngực ho rủ rượi. Tôi cảm thấy mệt quá chừng. Tôi dựa lưng vào thành mã, nhìn về phía ngôi ấp của tôi. Vẫn những nặng tre, vẫn những ụ rơm vàng kia. Tất cả như mờ trong đôi mắt của tôi. Thì ra tôi đã khóc.

Buổi chiều, tôi buồn hết sức. Tôi đã ủ rũ ngồi bên ngôi mộ mới xây, để khóc với lòng mình. Những lời hăm dọa của toán nghĩa quân vẫn còn lớn vồn trong đầu óc tôi. Ông già, ông xây mã, ông dựng thành kiên cố, để bọn nó về núp trong mã của con ông, để bắn sẽ bọn tôi, hả ? Ông không biết, bọn nó chum ba khẩu súng lại, bắn vào bọn tôi không ? Lần sau bọn tôi đập vỡ hết... đập vỡ hết. Tiếng hét của một tên nghĩa quân đã làm tôi bàng hoàng như muốn ngất xỉu. Tôi chỉ kịp run rẩy, van lơn : mấy ông thương cảnh già của tôi, chỉ còn một đứa con. Nó lại chết rồi. Tôi chỉ mong nó có mồ yên mã đẹp...

Bây giờ, những lời hăm dọa vẫn còn bên tai tôi. Tôi đứng dậy đốt một thẻ nhang. Khu nghĩa địa chỉ còn một bóng hình tôi nổi lên, như một bóng hình hiu quạnh nhất. Ở phía đồng xa, những đợt khói do Đại Hàn để lại, bay tản vào không gian một buổi hoàng hôn.

Vào hồi sáng hôm sau, những người dân làng ra đồng làm sớm, phác giác ra một xác chết, trên nghĩa địa. Đó là ông già cô độc nhất của ấp. Ông chết trong ngôi mộ vừa xây, và bàn tay gầy gò của ông già vẫn còn bấu chặt một nhánh hoa huệ còn đầm sương.

trần hoài thư

Tôi cũng sắp làm gái già. Hơn nữa tôi chưa chính thức mang tên họ nhà chồng. Nhưng tôi vẫn còn yêu Tuấn và vẫn hy vọng chàng còn sống.

Tôi sắp làm gái già chăng? Đờ! một công chức tòa hành chánh quận lý sao mà buồn quá! Thời giờ lúc nào cũng dài lê thê. Tôi thường mượn tiêu thuyết về đọc và học bói bài. Mỗi khi đi đâu, tôi thường bói trước cho mình một quẻ. Để giải trí tôi mua báo dành cho phụ nữ để xem cách may cắt vài kiểu áo, sơ-tầm tem và bướm. Quận lý diu hiu này suốt ba năm như chôn sống tôi vào nỗi cô đơn dài. Sự bất trắc lại thường xảy ra chung quanh..

Tiếng lá rơi sột soạt đầu đây làm tôi chợt tỉnh cơn lơ mơ Trường vừa hút thuốc, vừa chăm chú nhìn tôi. Liệu tôi có thể yêu Trường được không? Chàng có vẻ chừng chạc, vững vàng, có thể bảo là điển trai nữa. Chàng đã đề ý tôi cách ngày Tuấn mất tích sáu tháng. Chàng là sĩ quan một đại đội đóng sát tổng hành dinh của bộ chỉ huy chi khu. Tôi quen chàng vào hôm chi khu và tòa hành chánh tổ chức lễ phát quà cho trẻ em học sinh trong dịp lễ Trung thu. Đêm đó, quận lý sáng lòa với đủ ánh đèn, đuốc Chàng lái xe jeep chở tôi đi lòng vòng quanh quận và sáng hôm sau chúng tôi đi trực thăng về tỉnh. Chàng lên quân đoàn dự cuộc hội thảo, còn tôi đến tòa tỉnh trưởng lo một vài thủ tục giấy tờ để đổi đi nơi khác.

Tôi biết tình cảm của Trường dành cho tôi, nhưng tôi không muốn tìm hiểu: có phải tôi vẫn hy vọng Tuấn còn sống? Điều này, tôi thấy mình vô lý. Nhưng Trường nhạt quá. Chàng có cuộc sống khác Tuấn. Tuấn đa cảm, ôm đời sống bằng con mắt phóng khoáng, say mê. Còn Trường thì mẫu mực nhưng lại không có biệt tài tính toán, sắp đặt.

Tôi tránh gặp mặt Trường thường xuyên. Bữa nay tôi không định đi cùng chàng. Tôi muốn tránh tiếng, nhưng chàng nài nỉ ba má tôi để đưa tôi đi viếng mộ Thiên. Tôi đành ưng thuận cho vừa lòng đôi bên. Ba má tôi thường mong mỏi cho tôi và Trường thành đôi lứa. Trường đeo đuổi tôi lâu rồi. Nhưng chàng cần tắc và quá nhút nhát quá đáng. Chúng tôi thường gặp mặt nhau, chơi bài, nghe âm nhạc, uống trà và bàn vợ vạ

vài cuốn sách vừa xuất bản. Ba năm qua, cha mẹ tôi để tôi sống trọn kỷ niệm về Tuấn. Bây giờ thì muộn rồi, tôi đã lớn tuổi.

Buổi sáng hôm nay lại gọn lên cho tôi biết bao giấc mộng. Tôi yêu Tuấn. Chúng tôi đã có những kỷ niệm ghi dấu trên thân xác. Đối với người con gái tin tưởng cuộc đời như tôi; một lần người đàn ông đi qua bằng tình yêu suông, hay bằng sự gắn bó giữa hai thân thể đều quý báu như nhau. Tuấn đã mở cho tôi một cánh cửa thiên đường cảm giác, lẫn thế giới tình yêu. Đó cũng là một buổi sáng đẹp trời, tôi đến thăm chàng. Chiếc pick-up chạy chậm rãi. Căn phòng với cái trần và bốn vách tường màu vỏ trứng như sáng hẳn lên. Bàn Tango Bleu mềm mại và diu dặt như một cuộn nhiễu bay trong nắng sớm. Hôm đó, tôi thành một người đàn bà đam mê trong vòng tay của chàng. Khi bản nhạc dứt, tôi đã bị chàng chiếm đoạt những gì mà tôi gìn giữ. Tôi chẳng chút ân hận, vì tôi tin cần chàng. Nụ hôn, ánh mắt, thân mình thon gọn, vàng rờ vì tắm nắng, bàn tay vuốt ve của người yêu đã biến đổi tôi hoàn toàn. Tôi đã hiểu thế nào là một tình yêu tươi thắm nếu không có những giây phút như thế này? Nhưng khi rời tôi để vào phòng tắm, chàng buộc miệng hát bài « Summer kisses and winter tears », bài hát ruột của Elvis Prestey. Tôi giật mình. Chúng tôi yêu nhau vào mùa hè trên một bãi biển. Ôi! Nụ hôn mùa hè và giọt lệ mùa đông! Bài hát với cái tên khủng khiếp có thể là một lời tuyên cáo của định mệnh tôi không?

Nhưng mùa đông năm đó, tôi vẫn sống hạnh phúc bên Tuấn. Chàng đã ấu hởi tôi và chúng tôi sống bên nhau như đi vào tuần trăng mật. Mãi đến tháng chạp năm sau Tuấn mới mất tích...

Mặt trời lên cao, người đi viếng mộ thưa dần. Tôi mệt mỏi, cùng Trường bước so le ra khỏi nghĩa trang. Chiếc xe màu xám lại chồm lên như thú dữ qua những ổ gà làm xe lắc lư muốn nghiêng hẳn. Tôi nhìn Trường. Trán chàng gọn sóng. Không biết chàng đang nghĩ gì?

Tôi xếp đồng hồ sơ vào góc bàn, thở một hơi dài rồi dựa lưng vào ghế. Bên kia, văn phòng quận đông người. Tiếng gõ máy đánh chữ lách tách. Tôi làm việc không hở tay. Công việc bề bộn vạ

buổi sáng thứ hai. Ngày chúa nhật lạt lẽo đã trôi qua, gieo vào tâm hồn tôi nỗi ngậm ngùi vô cớ. Hôm qua, để giết thì giờ, tôi giặt quần áo, gội đầu và thêu suốt cả buổi xế bên cửa sổ, dưới bóng mát của cây nhãn trồng bên ngoài. Rồi đó màn đêm yên tĩnh kéo về. Tôi tự hỏi : Cuộc đời tôi không lẽ đứng sừng như vậy mãi hay sao ? Nếu tôi lấy chồng, mọi việc trong nếp sống liệu có thay đổi được không ?

Bây giờ tôi lại ngồi vào bàn giấy. Gần trưa rồi, toàn người bên Chi Cảnh sát vẫn còn đông nghẹt. Hôm nay, mọi người trong quận ly lo thủ tục đổi thẻ kiểm tra mới. Tôi lập danh sách dân số từng ấp. Tôi chợt nhớ đến mảnh giấy Trường đưa hồi sáng mà trong lúc bận việc tôi chưa kịp xem và đã nhét vào học tủ. Tôi mở phong bì. Tờ giấy vốn vẹn mấy chữ : « Gặp Thúy trưa nay, tại nhà ».

Lúc tôi đang băn khoăn, chợt thấy bóng Thủy thấp thoáng ngoài cổng. Thủy là cô em kế nhỏ hơn tôi hai tuổi ? Em đi dạy học, nghịch ngợm, đôi lúc đùa giỡn đàn ông thật độc ác. Tôi biết em có một lần vấp ngã đau đớn và từ đó em già dặn hơn lên. Cái ngây thơ của em chính là một sự giả tạo. Em gây huyền ảo trong quận ly, lấy sự cười cợt để khỏa lấp tâm sự đau buồn. Còn tôi, tôi nhìn đàn ông bằng con mắt dửng dưng và bằng sự khoan hồng bất ngát. Có lẽ vì tôi đã yêu Tuấn, tìm ở mọi người đàn ông có những cái khả ái riêng bên cạnh một vài tật xấu nhỏ. Có lẽ Tuấn đã cho tôi nhiều kỷ niệm tươi thắm, sự nồng nàn trong tình yêu. Tôi biết mình còn nồng cạn trong vấn đề tình cảm lẫn tình ái. Song tôi vẫn là người thiếu nữ có tâm hồn chưa bị sứt mẻ và tôi nghĩ : tốt hơn đừng đào sâu mọi việc, càng hiểu biết sâu xa, càng cảm thấy mình bất hạnh.

Thủy dựng xe rồi đi như bay vào chỗ tôi. Em thì thầm :

— Hiện giờ, ba má anh Trường đang ở nhà mình.

Tôi tròn mắt. Linh tính báo cho tôi biết là sắp có việc quan hệ xảy đến.

— Để làm gì ?

— Họ đi coi mắt chị cho anh Trường.

Tôi cúi mặt :

— Ba má có nói gì không ?

— Nói gì ! Đồng ý là cái chắc.

Tôi thở dài. Đồng ý là cái chắc ! Thủy hỏi :

— Bộ chị không bằng lòng hả ? Chị chê anh Trường sao ? Chắc chị đòi lấy ông tướng ?!

— Em không hiểu gì cả.

Tôi cau có nhìn Thủy. Thường khi Thủy bốc đồng ăn nói bừa bãi như thế. Nét mặt của em sao mà đáng ghét vậy ? Nhưng hôm nay tại sao Thủy lại muốn tôi lấy chồng trong khi em dùng đàn ông làm một trò hề để em tiêu khiển ?

Thủy có một vẻ mặt kiêu ngạo. Cái ngây thơ của nó đã mất, nhưng vẻ sành đời làm em quyến rũ bội phần. Tôi chợt nhớ đến câu nói đùa của Thủy một hôm Ông Quận Trưởng đến viếng trường :

— Bộ Trung Tá tính làm mai cho em sao mà đề mấy ông vòng bắt heo đến trường công tác hoài vậy ?

Tôi không kịp bịt miệng Thủy, chỉ ngơ ngác nhìn em rồi nhìn Ông Quận trưởng. Tôi tưởng Ông sẽ phạt ý. Nhưng không, Ông ta có vẻ ngơ ngác hỏi lại :

— Cô nói gì ? Ai bắt heo ?

— Là mấy Ông sinh viên Thủ Đức đi chiến dịch vì dân. Tiếng lòng của tụi em mà.

Tôi không ngờ em tôi có gan giỡn mặt một ông chúa ở quận ly như thế. Đến khi về nhà, tôi căn nhắc Thủy thì Thủy nhe răng cười bảo :

— Làm gì phải sợ ? Sợ gì ? Em là nhân viên khác cơ quan chịu hệ thống ngấm. Em nói đùa, ông không rầy được. Rầy em là ông Hiệu trưởng, nhưng ông ấy thì sức mấy ?!

Nhưng hôm nay, tại sao Thủy lại nghĩ đến chuyện lập gia đình của tôi ? Thái độ của em có vẻ hằn học, nhưng có vẻ tha thiết thế nào. Chị em tôi dù trái tính nhau, nhưng vẫn thích chia sẻ ẩn ức và tâm sự. Tôi nói : — Thủy cứ lo chuyện chồng con cho chị, nhưng Thủy lại ghét lập gia đình.

Thủy sa sầm nét mặt :

— Mỗi người một số phận chứ. Em đã làm ba má bức mình. Còn chị, chị phải khác hơn em...

Trường có thể nào dựng cho tôi một thế giới mới để tôi quên những ngày sống gần gũi Tuấn? Bao lần tôi tự hỏi như vậy và cảm thấy mình rơi vào cơn chiêm bao mù mịt. Quả thật, tôi chưa tìm ở chàng một kích thích nào để làm cho tôi yêu đời trở lại. Tôi không thể lấy chồng rồi đợi tình yêu đến sau cuộc sống lứa đôi.

Đêm ba mươi, trời đen như mực. Thỉnh thoảng, gió ngoài vườn sau gào như sắp có cơn giông. Mùi dạ hương thoảng thoảng trong gió. Đêm nay giao thừa. Thêm một mùa xuân đi qua. Tôi ngồi lại trước gương, thần thờ nhìn bóng mình. Khuôn mặt tôi sao mà buồn vậy? Khỏe mắt reo vui không còn nữa. Nỗi cô đơn làm cho tôi trang nghiêm hơn. Tôi sắp bước vào tuổi hai mươi lăm, và để nhìn mọi diễn biến của cuộc đời thật hững hờ, trầm lặng.

Trưa hôm qua, tôi đón Trường trước cổng. Tôi cảm thấy sợ hãi khi gặp ánh mắt Trường. Nhưng đầu sao tôi phải trả lời một điều mà tôi đã suy nghĩ kỹ: từ chối! Nhưng nói thế nào cho Trường đừng cảm thấy tự ái bị động chạm đây?

Trường kéo ghế ngồi trước mặt tôi. Chàng nhìn tôi. Cả hai cùng im lặng. Tôi rót nước mời chàng. Bàn tay chàng đặt trên ly nước! Những ngón tay chàng khô dài như những thời gian hằn lên nếp sống của chàng. Xoay xoay ly nước trong tay, tôi nhỏ giọng bảo:

— Anh Trường, anh đừng chờ Thúy nữa...

— Thúy, không...

— Anh đừng hỏi tại sao, anh cũng đừng thắc mắc là Thúy muốn đợi Tuấn về. Ở đây không phải là lúc chúng ta lục vấn và giải đáp nữa. Chúng ta nên biết chúng ta phải làm những gì để khỏi phải trái với lòng mình. Thúy không thể là bạn của anh sao?

Trường đau đớn nhìn tôi. Bằng một giọng chậm rãi, chàng nói là tôi tiêu cực. Chàng đã đi hoang khoảng thời gian dành cho tôi. Chàng được gì? Tôi chờ Tuấn, tôi đã có ý tưởng riêng. Còn

Trường chàng đếm bước theo sau như người hành khất. Tôi chắc sau Tết chúng tôi khó mà giao thiệp thân mật như trước nữa.

Những ngày cuối năm, tôi chẳng biết tìm vui gì hơn là săn sóc hoa, làm bánh mứt, thêu thùa. Đôi lúc tôi ngờ ngợ rằng mình có tâm hồn một nghệ sĩ thích mơn hội họa. Rất tiếc là tôi chỉ vẽ bông đề thêu. Nhưng tôi thích thế giới màu sắc. Tôi làm khéo chỉ để thỏa mãn nghệ sĩ tính, chứ không chắc chiêu dụ các bà già xưa đi coi vợ cho con trai họ. Chỉ thuê ông mướn nằm trong chiếc hộp vuông bằng gỗ cầm lai bóng lộn. Màu xanh phỉ thúy để thêu chim chóc, màu hoàng anh, màu đỏ yèn chi, màu ngân hồng để thêu hoa, màu ngọc thạch để thêu lá. Nhưng màu tím như buổi chiều nào chắc hẳn không thêu nổi tâm trạng người đàn bà cô đơn, sầu muộn này. Và màu hồng đào nữa, có thể dùng để thêu cho tôi một giấc mộng, một hạnh phúc nào không?

Gió đã khô và lạnh. Nắng trong suốt như hồ phách. Trước nhà những hàng hoa vạn thọ màu vàng đậm, những hoa mào gà đỏ thắm như bức màn nhung sân khấu. Hoa móng tay, hoa cúc tia, hoa nở ngày và những chậu ớt kiềng nữa. Buổi mai tươi mát, sân nhà tôi như một vườn cảnh lóng lánh giọt sương. Nhưng tôi đâu còn tha thiết đến cái Tết. Bánh mứt, gói tiền mừng tuổi tươi thắm màu son, những liễn đối với nét chữ Hán đen nhánh mực tàu trên giấy hồng đơn màu đỏ như ruột dưa hấu không còn lôi cuốn được tôi nữa. Thời hoa niên đã mất rồi!

Tôi cuộn tóc lên, xức một chút sữa nuôi da mặt. Đi ngủ thôi! Tôi ngáp dài rồi với tay mở cánh cửa sổ cho căn phòng thoáng khí. Vầng ánh sáng hắt ra ngoài.

Một bóng đen chọt vụt ra. Tôi kêu lên:

— Anh Trường!

Đúng là Trường. Chàng lại bên cửa sổ, nét mặt ủ dột, nhưng tóc vẫn chải tươm tất.

— Thúy! Tôi đến chúc mừng năm mới Thúy đây. Tôi sợ rằng sáng mai không được gặp...

Tôi run giọng:

— Anh nói gì lạ vậy?

— Tôi sẽ đợi đi dọn vị khác. Ngày mai, chắc tôi ít có cơ hội

gặp Thúy. Chúc Thúy hưởng nhiều vui tươi trong năm mới. Thúy cho tôi gửi lời chúc hai bác và em Thủy nhiều may mắn.

— Bây giờ anh đi sao?

— Tôi đi bây giờ, Thúy à.

Tôi nhìn Trường sững sờ. Sau lưng chàng là khoảng tối bao la. Những cây bưởi, cây na rậm rạp đùn vào nhau và đã lòa trong bóng tối. Tôi chợt như thấy có một bất trắc mơ hồ nào đó sẽ xảy đến... và tôi nghĩ mãi không ra. Câu nói của Thủy hôm nào vọng lại:

— Chị đừng hy vọng chờ anh Tuấn. Anh ấy chết rồi. Nếu có sống thì là tù binh. Mà tù binh thì có còn gì, chỉ là thân tàn ma dại...

Tôi lắc đầu. Trường sắp đi vào bóng đêm, nổi gót con đường của Tuấn chẳng? Tôi chợt lo lắng... Trường gật đầu chào tôi rồi lăm lăm bước như người mất hồn, tôi gọi giật lại:

— Anh Trường!

Trường dừng bước quay lại.

— Anh đi bình yên.

— Cảm ơn Thúy.

Tôi vụt bỏ khung cửa, ngã nhào lên giường. Tại sao tôi cảm thấy tâm hồn mình xáo trộn mãnh liệt?! Nhưng thôi, anh đi đi. Cuộc đời mình chưa cần có nhau. Em chưa dứt bỏ dĩ vãng, cũng chưa đủ can đảm nắm lấy hạnh phúc hiện tại.

Nước mắt tôi ứa ròng ròng. Tôi bật ngồi dậy. Bức ảnh phóng đại của Tuấn treo đối diện bàn trang điểm. Trong ảnh, khóe mắt và nụ cười của chàng thật tươi trẻ.

Một trái hỏa châu thấp sáng khu vườn. Những cây bưởi cây na hiện rõ. Trường đã đi rồi. Tôi ngồi vào bàn trang điểm. Một cỗ bài cào đang chờ tôi. Tôi xốc lại bài, rồi đem ra chơi.

Cuộc đời mình cứ quanh quẩn trong những lá bài này mãi sao. Tôi cảm thấy chán nản. Những lá bàng rơi lá tả xuống nền nhà. Tôi càng thấy mình hoàn toàn bất lực, tôi không còn một niềm tựa nào để mang niềm vui dù bé nhỏ về cuộc đời mình. Tôi gục đầu xuống mặt bàn. Ngoài trời ánh hỏa châu đã tắt từ lâu.

lương thị hoàng phi

MANG VIÊN LONG

mùa thu trồng trái

Đó, những cái chết như những vòng hoa khô héo quạnh quẽ giữa đồng trống bãi hoang trùng điệp những năm mộ bỏ quên, lão Tư Nha nghĩ vậy và ngồi xuống cạnh một ngôi mộ — ngôi mộ của thằng Mẫn. Hằng ngày khi lúa bầy bò lăn chần giữ cho đám người đã xuống phố, lão đã nhìn thấy, ngồi cạnh và lang thang giữa những năm mộ hoang sơ này. Bận nào cũng vậy, lúc đi quơ quắt đã mỗi lão tới ngồi xuống bên một năm mộ nào đó. Từ quãng gò trống nhìn ra cánh đồng, nhìn mông vào xóm, lão đã nhiều lần bắt gặp cái hiu quạnh man man của xóm đồng. Giữa nổi vắng vẻ, trống trải của lòng lão và quãng gò cao tách biệt, lão đã nhìn thấy hết mọi nỗi âm u, cô tịch ẩn dấu. Cánh đồng mệnh mang gió chập chờn những mảnh vải đen, trắng, của người nộm giữ lúa không che giấu được cái găng gượng, hoang liêu của cánh đồng lãng quên như của miền đất chết. Những tấm vải phất phơ lay động theo chiều gió siết tựa như đôi tay gầy người sắp chết, cổ gờ lên, quơ quắt đợi những hơi thở hắt cuối cùng. Cánh đồng cần khô quả thực như một người bệnh không được chăm sóc. Những thân lúa còi cọc vàng cháy từ ngọn bởi những ngày hè thiêu đốt hắt hiu vừa cong cớn trườn đi chậm chạp chỉ còn để lại trên sắc lá dầu dầu,

trên đợt lúa khảng khiêu cái oi bức buồn nản của mùa hè. Và xóm làng dù xa lác sau những lũy tre, lão cũng như đã nhìn thấy rành rành từng lớp từng lớp tịch liêu, kinh hoàng, phiền muộn, phủ xuống một khoảng bầu trời riêng rẽ, bao bọc từng mái nhà xiêu vẹo, rách nát. Ở đó, trong nỗi lạc lõng của đất trời, ngày và đêm, bà Mùi mang cơm ra bờ sông cho thằng Cung, lão Lưu với bó nhang trên tay khóc kể thút thít; con Sê lặn lội đầu trên xóm dưới với đứa con đeo trên lưng; và những gì nữa còn lại cho những cảnh đời lặn lội, tối tăm ấy?

Lão Tư Nhạ xoay lưng theo chiều gió lạch cạch mở nắp quẹt đốt thuốc hút. Gió thổi siết quá. Hình như một sớm thức giấc ở hiền nhà nghe toàn thân rét cóng, lão sực nghĩ tới mùa thu. Trời đã đổi mùa? Những đêm nhìn ngóng lên từng đợt cây đón đợi từng chút gió trong mùa hè... ối ả, nồng nực đã qua. Những đêm đã buồn ngủ dít mắt còn mò ra bờ giếng xối với vàng từng gàu nước lên thân thể nóng ran không còn nữa. Buổi chiều hôm đó, lúc lửa đàn bò vào chuồng, lão vừa quay ra nhà bếp đun lửa nấu cơm thì đã bắt gặp người đàn ông hối hả bước vào.

Người đàn ông giọng do dự:

— Cụ là cụ Tư...

— Tui là Tư Nhạ.

— Đúng rồi, đi loan báo cái tin này gấp.

Lão nhìn sững lên mặt gã đàn ông, giọng nói của kẻ đói bụng:

— Ngay bây giờ à?

— Đâu có chần chờ được.

Lão thoáng cần nhần:

— Đợi ăn ba hột đã chờ, trong ruột cả buổi đầu có hột cơm nào...

Người đàn ông im lặng quay ra ngõ, biến dạng sau bờ dâm bụt. Lão Tư Nhạ cho mảnh giấy vào cặp quần, nghĩ tới những hột cơm nóng hổi. Đây không phải là lần đầu lão nhận được những tấm giấy của những người ở bên kia núi xuống. Tuy vậy, lúc nhận một tấm giấy với những lời hối thúc với vàng như thế, lão nôn nao buồn. Lão mệnh mang nhớ lại cái chết của vợ lão, của thằng Huồn, của ông Phó. Tiếng trống, tiếng mõ, và ánh đuốc

bập bùng đêm đó như văng mãi bên tai lão, còn mãi trong mắt lão. Nghĩ tới cảnh tượng đêm đó, ngực lão đập mạnh, chân tay lão bủn rủn, rã rời. Một đoàn người thấp thoáng di động theo ánh đuốc, râm ran ở xa văng lên tiếng trống, tiếng mõ, thúc giục, inh ỏi. Kể đó, những tiếng nổ buốt óc điếc tai dội xuống. Những chiếc trục thẳng lượn là là chớp chớp đèn đỏ, bắn không dứt xuống đám người. Những ngọn đuốc cháy bùng trên tay những người ở bên kia núi tắt ngấm tối om, nhưng tiếng mõ, tiếng trống vẫn không ngừng nổi lên, gay gắt. Nằm rạp xuống một bờ ruộng, lão để tai nghe tiếng mõ. Tiếng mõ như tiếng than kéo dài trong tối. Mãi cho tới khi những chiếc máy bay mất dạng, tiếng mõ đã dứt, lão mơ hồ còn nghe tiếng mõ vang động hải hùng. Sau đêm đó, vợ lão đã chết. Thằng Huồn một ngày nằm rên với những vết thương không được băng bó, chữa chạy cũng lừ đừ nhắm mắt. Còn lão Phó, lão bị chết ngay trong căn nhà dùng để giam giữ lão thay vì sẽ chết chậm chạp từng phát súng trên mô gò cao dành sẵn. Cho đến bây giờ, hể nhận được một tấm giấy giao phó, một mô hình ảnh lộn xộn của những lần kinh hoàng, tan tát lại trở về ám ảnh, dày vò. Lão cay đắng thương cho những người còn lại bơ phờ như lão. Và lão cũng thấy thật tội nghiệp cho làng xóm.

Có vài ba hột cơm trong bụng đã vững, lão xách chiếc ống loa đã móp méo, lủng lỗ nhiều nơi, đi ngược vào xóm. Với chiếc ống loa này, lão đã loan tin chiến thắng của hai bên. Với chiếc ống loa này, lão đã mạt sát bọn cộng phỉ phá hoại xóm làng giết người vô tội. Với chiếc ống loa này, lão đã chửi rửa tội nguy quyền theo Mỹ. Và vì thế, hể nghe được tiếng cát lên « a lô, a lô... » như một diêm lạ đều khiến mọi người đề tai, lo sợ; Lão Tư Nhạ cũng trở thành một cái máy lạ lùng. Những người ở đoàn X.D.N.T cũng tìm tới lão nhờ kêu gọi tập hợp đồng bào, ông đại diện cũng thường đưa giấy cho lão loan tin này, tin nọ. Lão đã làm cái công việc « a lô, a lô » để được sống yên bên đàn bò, trong căn nhà cũ, giữa làng xóm xưa mà lão đã nguyên không bao giờ chịu lia bỏ.

Sau buổi chiều đi loan báo tin cho đồng bào từ già chí trẻ hãy đến tại đình H. để nghe cách mạng nói chuyện, lão quay về ngủ sớm. Đêm xuống thật êm dịu. Nằm lăn giữa hiên, mình để

trần, lão đã ngủ thẳng một giấc thực hiếm hoi so với gần suốt một mùa hạ thao thức, dật dờ. Lúc thức giấc, lão nghe gió reo trên cành cây rào rào, toàn thân lạnh cóng. Lão ngồi hẳn dậy, tỉnh táo lạ thường. Dường như những giờ ngủ vui quên lãng từ đầu hôm đã thêm nhiều sức lực cho lão. Ngồi co ro ở đầu thu lạnh lẽo bằng những cơn gió sớm đầu mùa...

Đảo đạc nhìn khắp bầu trời, ở đâu lão cũng thấy nhiều mây màu khói. Mây lơ lửng. Gió từ nhiều ngày nay đã thổi siết, và se sắc lạnh. Ngày không có mặt trời. Ngày hiu hắt như ánh sáng mờ hồ mộng manh, êm ả. Trước mặt lão, sau con xóm, dãy núi xanh lơ hiện rõ trên nền trời xám xịt, loang bần. Mùa thu đã tới rõ trong mắt lão: ánh nắng vàng hiu hắt, bầu trời lơ lửng mây, gió se lạnh, núi hiện màu xanh lơ. Tất cả những thứ đó đều trống trải, hoang sơ trong những tưởng nghĩ của lão. Nhưng sao lão vẫn yêu mến mùa thu? Mùa thu đã quyến rũ lão như những giấc ngủ quên trên gò, dưới hiên nhà, chừng như khi mở mắt cứ tưởng như mình rơi hẫng vào một chốn nào êm đềm, mộng tưởng.

Cũng với bầu trời xám mây trắng, với gió lộng mát lạnh da thịt, với cánh đồng vàng ngọn lúa trong dĩ vãng xa lơ khi lão từ nhà giam Diêm Tiêu heo hút bên kia đèo Nhong trở về; lão đã sống lại những ngày bên vợ, con, hạnh phúc như một giấc mộng. Sự trở về của lão đột ngột đến nỗi vợ lão phải ngẹn ngào mà khóc, con lão phải cúi mặt mà buồn. Những giọt nước mắt của tuyệt đỉnh chờ mong nơi người vợ suốt đời khốn khó vì lão, đã dạy lão yêu mến gia đình hơn. Những năm tháng vượt đèo vượt non, chân cứng đá mòn, chỉ cao hơn núi, đã mòn mỗi tiêu tan trong những năm bị giam cầm khổ ải ở Diêm Tiêu. Và những lừa đảo, lợi dụng sau này. Hai thằng con mang hai tên Bền, Chí; một thằng ra Bắc, một thằng ở Nam cũng mù tăm bóng dáng. Bền chỉ đề mà chí với một đời lão giờ đây như những con bò lạc lõng, ngờ ngác hằng ngày có mặt ở quãng gò này? Bền ơi, Chí ơi, con có còn nuôi giữ giấc mơ ngày nào của cha như đã có lần thổ lộ? Lão mơ hồ thấy, thằng Bền, thằng Chí, rồi cũng chẳng khác gì đời lão sau này... Đứa con trai thứ

ba được ra đời trong những ngày hạnh phúc bên vợ, con, lia-xa những năm tháng dong ruổi bên dãy núi Trường Sơn; lão nghĩ tới nhưn nghĩa. Đứa con có cái tên Nhưn nặng nhiều tình nghĩa đó đã chẳng sống được lâu như tấm lòng gần bó, bền vững của lão bên vợ: Nó ẻo uột bệnh hoạn như những ngày ốm o gầy mòn của lão ở Diêm Tiêu. Kể nó, con Nghĩa được sinh ra. Sự có mặt của con Nghĩa như một nối kết hoàn toàn với tấm lòng nhưn nghĩa của lão. Nó phải có, để có Nhưn có Nghĩa cho đủ. Lão nghĩ, ở đời, không còn gì hơn Nhưn Nghĩa. Có bền chỉ nhưn lão trước đây, cũng vô ích. Giờ lão chỉ còn lại Nhưn với Nghĩa thôi. Nghĩa lớn lên trong tình thương hết mực của Lão. Lão vẫn coi nó như « nhưn nghĩa » của lão với vợ, với bà con, làng xóm. Cho tới bây giờ, trong những ngày già nua cuối cùng của đời lão, nghĩa nhưn cũng không còn để ấp ủ, an ủi lão nữa. Lão còn lại trơ vơ như đàn bò khốn khó mà lão phải chăn giữ.

Quảng mẩu thuốc xuống một lỗ đất trũng, lão cúi đầu nhìn xuống đôi bàn chân nứt nẻ đen đúa như thề nhìn thấy được ở đó tất cả những dấu chân thay đổi xuôi ngược trong đời lão. Bàn chân của một thuở oai hùng trong đoàn quân kháng Pháp; bàn chân của tháng năm trời buộc ngục tù ở bên kia đèo Nhong; bàn chân của những ngày trở về êm đềm bên gia đình; bàn chân của ngày đêm lao đao mang xác thằng Nhưn chôn vùi vãi rồi gồng gánh tản cư; bàn chân khập khiễng lê loi khi tìm thấy xác vợ nằm ngật ngoẻo bên đường; và những bàn chân này còn bơ vơ ngoài đồng, trong các nẻo đường làng hiu quạnh. Lão chợt thở dài, ngược lên: Lão nhìn thấy ngay năm mộ của thằng Cường, đầu mộ còn cắm vòng hoa đã héo khô. Mấy năm thằng Cường xa xứ ra đi, chừng trở về chỉ còn là chiếc hòm kẽm phủ lá cờ với vòng hoa tưởng niệm ử rử. Người vợ và đứa con ở phương xa trở về quê chồng để chỉ thấy quãng gò trống trải, rồi lập tức bỏ đi. Lão nhớ ngày nó gặp lão cười cợt nói dạo này chắc cháu không còn ngủ ở bờ sông với lũ thằng Mẫn, thằng Chí, thằng Cung nữa. Nó nói nó hết chịu nổi những ngày lang thang dọc bờ sông và đồng cỏ ở đây. Thế rồi, mấy hôm sau lão không còn thấy bóng nó nữa. Hỏi ra mới biết nó đã đi dọc theo sông, xuống phố...

Lũ thăng Chí, thăng Mẫn, thăng Cung còn lại càng lẻ loi hơn những ngày chui rúc trong bờ bụi, những đêm rải rác ngủ dọc bờ sông. Mùa nước lớn, mưa gió đầy trời, chúng ướt sũng như những con chuột. Thăng Chí đã nhiều đêm trốn về nơi con không chịu được cái lạnh và những cơn gió như bão thổi siết ào ào như cuốn phàng người xuống giòng nước lũ. Lão phải khuyên can nó để nó ráng chịu hết một mùa mưa. Cha biết lắm, con sẽ buồn biết mấy giữa chốn hoang dã đó, với bóng đêm. Và mưa gió cuồng nộ. Nhưng con cũng dư biết rằng, chỉ có vậy con mới được gần quê, cha mẹ, và các em thôi. Ngoài ra, ở đâu cũng là tù ngục, vây hãm. Chí cũng biết thêm rằng, nó, lũ nó, như những con mồi, mà kẻ đi săn nào cũng muốn bắt. Nhớ những bận nhớ nhà quá, nó lên về thăm đề rồi sau đó cầm cổ chạy băng băng qua bãi cát khi những viên đạn tới tấp bắn đuổi theo bên chân. Qua khỏi bãi cát, lần mò vào cánh đồng cỏ phủ ngập tới bụng, nó nghĩ rằng cái số của nó vẫn may hơn thăng Tải. Buổi trưa Tải trở về với vợ, dặn cả lũ đợi nó ở bên này đồng cỏ, nhưng mãi chiều, lúc có người mang cơm ra báo tin, nó mới biết Tải đã chết. Chết ngay trên giường bên cạnh vợ, bởi từ lâu, theo bản cáo trạng, Tải vẫn được coi như là kẻ cầm đầu những người trốn tránh. Từ lúc Tải chết, cả lũ có nhớ cũng gắng mà chịu. Không biết chờ tới chừng nào mới được thông dong trở về, nghênh ngang đi rong chơi khắp xóm?

Tới mùa khô, cả lũ thoát được cơn rét mướt, đen tối bít bùng; rồi lại rơi vào những cơn nắng lửa. Không có một gốc cây, bóng râm ẩn núp. Nắng nung đốt bãi cát mang theo những trận gió dữ cả hơi nóng, và cát khô phủ kín lên đồng cỏ, bờ sông. Những lần trở về nhà thêm khó khăn: Bãi cát như một vũng hơi lửa, gió bắt chợt lửa cát nóng vào người. Nắng chiếu lênh láng trên bãi như một giòng sông khó vượt.

Vào một đêm oi bức, nực nội nhất của mùa hè khi cả lũ vừa mò xuống sông tắm trở lên, thì bắt đầu nghe tiếng súng nổ rời rạc bên kia bãi, trong xóm. Tiếng nổ rình rập chống trả càng lúc mỗi hung hăng hơn, đều đặn hơn, trên nền trời đã thấy những chiếc máy bay trực thăng xuất hiện. Chúng thả đèn, bắn đạn lửa rực rỡ bầu trời. Hình như đã có những đám cháy nhỏ tỏa khói mù mịt trong xóm. Cả lũ cố nhét mình sát vào những kẽ hở bờ

sông, tránh ánh đèn soi sáng. Mỗi khi những trái sáng dần dần đưa đầy ra giữa bãi cát, Chí nhảy ào xuống nước. Tiếp theo là thăng Cung, thăng Mẫn. Máy bay lại là là thấp xuống giữa giòng sông, từng trái sáng nổ reo trên đầu nghe rõ. Bất chợt, tiếng đạn rơi xuống nước vun vút, gấp gáp. Chí đã giữ hơi thở để chìm mình xuống tận đáy sông. Mẫn đã bị thương, cố bám vào bờ sông trôi nổi. Những ngón tay bám víu vào bờ rồi rời dần, Mẫn nghe rõ từng đôi thay nhứt nhối nơi bụng và ngực. Một hồi, nó như ngất lịm đi, mê man trôi theo giòng nước đen quánh. Sau đêm đó, sau cái chết của Mẫn, Chí đã thực sự rời bỏ những ngày lang thang tầm tởi ở bờ sông, những bận chui rúc trong đồng cỏ kinh hoàng: nó đã đi theo con đường dọc bờ sông mà có lần thăng Cường đã bàn tính với nó. Chí ngồi cạnh Cung, bứt vôi vàng từng cọng cỏ, nói sống đôi khổ tao chịu được, nhưng sống buồn bã sợ hãi, tao không thể chịu lâu hơn mấy năm nay. Đã đành sự ra đi của tao cũng chỉ là một nỗi kinh hoàng tương tự, nhưng ngay bây giờ, tao có thể tự do. Ít ra tao cũng không còn trốn hoài như lũ chuột? Sao, mày chịu xa bờ sông vắng ngắt và cánh đồng cỏ mênh mông này không? Phải, tao biết nhà mày chỉ còn nội mình mày là con trai. Đưa con trai nổi giòng với biết bao nuôi nấng, hi vọng. Mày đi, coi như hết. Nhà cửa, ruộng vườn, người thân mày giữ bấy lâu là dành cho mày. Dành cho đứa con trai dở dang mọi chuyện ngày đêm nằm co ở ven sông Đ. R., giữa bãi cỏ dài đẳng đặc. Mày ra đi, cha mày dứt ruột. Mày ra đi, mẹ mày tìm gan. Mày ra đi, lũ em mày ngơ ngác. Thôi, mày cứ ở lại đi. Tao đi đây... Chí bỏ chạy thực nhanh ra khỏi bãi cỏ, bước dần xuống con giốc bờ sông. Cung chỉ ngỡ ngàng đứng dậy, bàng hoàng nhìn theo bóng nó. Buổi trưa bấy giờ không có mặt trời. Da trời màu xám dẹt. Gió thổi rạt rào xuống cánh đồng cỏ...

Lão Tư Nhạ tìm ra nó, mới biết Chí đã đi đến phố ngày trước. Mấy năm xiềng xích, đầy đọa thân xác ở Diên Tiêu, có bao giờ lão để cho những giọt nước mắt đổ. Mà bây giờ, nhìn thăng Cung nằm co giữa đám cỏ, lão tự dưng khóc rung hàm râu. Khóc rung khuôn mặt già tóp khô tằm tối. Cung thoáng ngẩng cao cổ lên nhìn lão, rồi lại co rút xuống, nhắm nghiền đôi

mắt : lũ bay đã bỏ tao đi hết, tao sẽ nằm mãi đây đợi lúc tụi bay về. Lão Tư Nhạ lay gọi Cung dậy, nó bất chợt mở to mắt nhìn lão, rồi lại nhắm kĩ đôi mắt. Từ nay, lão và vợ hết ngó mông ra bãi cát, cánh đồng cỏ mà thở dài thương xót cho con. Lão chỉ biết nhìn trời vu vơ, không biết những bước chân xiêu lạc của con ở hướng trời nào.

Mấy tháng sau lão được báo tin thằng Cung cưới vợ. Đang cầm ống loa đọc bản tin của ông đại diện giao phó kêu gọi đồng bào trở về gặt lúa, có quân đội Đại hân canh giữ, hành quân, thì con Nền niu áo lão bảo lão tới dự đám cưới ; lão cười rục rờ. Cái tin thằng Cung cưới vợ làm lão nhớ tới giấc mơ cưới vợ cho thằng Chi ngày nào bàn tính với vợ. Nay thì mọi sự đã đổi khác : vợ lão đã chết, thằng Chi bỏ đi. Nó tí như con chim lạc rừng, biết ngày nào mà trở lại ? Lão lại buồn bã thất thểu đi sâu vào một con đường làng vắng. Sau này, lão được nghe mọi người thì thầm kể lại, thằng Cung chỉ trở về trong buổi trưa làm lễ, rồi nôn nóng trốn đi. Buổi chiều, con vợ nó, con Muốn, phải trở qua bên kia bãi cát để ngủ với nó. Ai cũng khen con Muốn giỏi, lúc chưa chồng suốt ngày đi làm ngói làm gạch ở Đ.P. mình mẩy, chân tay lấm lem đất bụi. Cả đời con gái chỉ biết tới cái bàn vỗ, cái dây cung và những cục đất ướt nhuyễn. Một mình nó quần quật làm nuôi người mẹ tật nguyền, và hai đứa em nhỏ, vậy mà cũng tươm tất. Nay về nhà chồng, thay thằng Cung coi ngó mọi bề, không khác gì đàn ông. Có vợ như thế mới đáng. Cưới chi lũ gái như con Tâm, con Hoa, con Tuyết chỉ thêm đổ nợ, hại nhà. Buổi chiều, lúc mặt trời ngã bóng một bước, Muốn lảng tránh mọi người đi dần ra bãi cát. Nàng chạy xầm xầm qua bên kia hốt hoảng như sau lưng là thú dữ, trước mặt là cõi sống. Có điều gì réo gọi ở bên kia cánh đồng cỏ khiến bước chân nàng vững chãi, hăng hái ? Có Cung ở đó. Có chồng nàng ở đó. Có tình yêu thương của nàng ở đó. Chỉ bấy nhiêu cũng đủ thúc giục gót chân nàng mỗi chiều, ray rức dật dờ nàng mỗi sớm trở lại vào xóm. Từ ngày có Muốn gần gũi đêm đêm, Cung hết thấy cánh đồng cỏ mênh mông, và bãi cát như giòng sông oan nghiệt ngăn cách. Đêm hết dài. Đêm thật ngắn. Nằm ôm Muốn ở bờ sông, giữa cỏ là thường. Nằm ngủ vui mê man bên Muốn ở

chốn bụi bờ nào đó cũng là chuyện thường. Nàng trở thành khoảng nát quuyền rũ che chở Cung những ngày sống trần trụi, chơ vơ. Bà Mùi cũng khỏi nhọc công tảo tảo mang cơm cho Cung nữa. Thay vào đó, bà thường ngồi nhìn lão Lựu với bó nhang khóc thẳng Mẫn mà nước mắt cứ chảy ròng. Đôi lúc, trong những tưởng nghĩ rồi ren u ám, bà cứ ngỡ thằng Cung cũng đã chết. Chết như thằng Mẫn ở dưới sông, hay như thằng Tãi ở trên giường vợ. Dù với cách chết nào đi chăng nữa, bà cũng thấy xót xa, quặn thắt lòng dạ. Và bà thường nhắm mắt : Nam mô A Di Đà Phật...

Một buổi chiều lão Tư Nhạ đang thả bò nhớn nhor ở gò thi được hai người ở dưới xóm mò lên tìm lão với mảnh giấy. Lão ngần ngại dò xét hai khuôn mặt lạ bấy khi, nửa muốn cần nhẫn, nửa ngại. Giá như đứa con gái lão Thí, lão đã cự nự nhiều chuyện : chuyện bò, chuyện cơm nước, chuyện mệt mỏi... nhưng, một trong hai người đàn ông gắt :

— Ông đi ngay bây giờ.

— Liền liền bây giờ ?

— Đúng vậy.

— Còn đám bò...

— Bỏ đó, có sao đâu ?

Lão nhận tấm giấy, nhằn nha đọc một hồi mới chịu rời đám bò. Về tới đầu ngõ, lão thấy Muốn vội vã men theo bờ đề tìm ra bãi cát. Lão lên tiếng :

— Muốn, mày đi ngủ với thằng Cung hả ?

Nàng bất chợt bị hỏi, lại hỏi đúng vào tim đen, nàng chối :

— Đâu có, cháu ra ngoài soi...

— Thôi, đi ngủ thì cứ nói đi ngủ, chỗ thằng Cung với tao, nhưng này, mày đi cho lẹ cho khéo kéo nẫu về... Chạy nhanh lên...

Lão Tư Nhạ đốt tiếp một điếu thuốc, đứng dậy rời nắm mộ của thằng Mẫn. Ở quanh quần giữa gò này, trong miền đất của những người đã chết, lão thấy như gần gũi lắm với họ. Lão nhớ rõ, rất đầy đủ, về người nằm ở dưới lòng đất. Mộ nào của thằng Mẫn, nơi nào của thằng Tãi, thằng Hườn, thằng Cường, lão Phó, con Nhi, bà Chiến. Những liên hệ thật cũ càng cũng được lão nhớ lại suông sẻ. Có lúc, sự nhớ tưởng đã khiến lão như mất hết thần trí của kẻ còn sống, đọng ruỗi, ngờ ngác với hồn phách của kẻ đ

phiêu diêu. Phất phơ từng ngày bên những nấm mộ nhấp nhô, quanh quẩn, lão Tư Nhạ đã nghĩ tới một nơi nào đó thật cao ráo, mát mẽ, để chọn làm nơi cho lão nằm xuống. « Thật là nhanh chóng, chỉ tắt thở, và lấp những lớp đất » lão nghĩ vậy, và an tâm với khoảng đất trống bên cạnh vợ lão và phía trên chỗ thàng Hườn. Rồi cuộc đời cũng sẽ im lìm như những mộ đất, quên lãng như những vòng hoa thương tiếc, tưởng niệm khô héo. Chẳng nào thàng Chi... phải, chẳng nào thàng Chi trở về sau mấy năm vắng biệt như thàng Cường buổi sáng hôm nào mưa bay giăng kín với người con gái phương xa bằng con nước nở, lão sẽ đặt nó nằm cạnh lão cho ấm cúng linh hồn. Còn thàng Bền, đã lâu, lão cảm nó như diều đứt dây trôi dạt theo gió, vùi xác ở đâu cũng xong. Bền chỉ như lão đã bao năm có khác gì bóng mây lênh đênh tan tát? Nghĩ thân mình, nghĩ thân con, lão càng thấy thương cho thân thàng Cung xơ rơ còn lại bám giữ những bờ sông, những bụi cỏ. Tuổi trẻ chẳng đó hồi trước của lão thật là thông dong, sung sướng. Những chuyến xe lửa chạy suốt Hà Nội phơi phới, ồn ào từng trạm nghỉ, náo nức từng trạm đến, những chuyến xe lửa chạy suốt Sài Gòn xôn xao, mời gọi từng gặp gỡ lạ lùng. Nay, lũ nhỏ khốn khổ đủ chuyện, bên nào cũng dành lấy chúng để đặt súng vào tay, để trang bị chủ nghĩa vào óc. Chủ nghĩa và súng đạn đâu có cần cho cuộc sống như chúng? Súng đạn đã nguy trang, che chở cho những chữ nghĩa to lớn, rỗng tuếch như những tấm bích chương, những tờ truyền đơn vất rải rác trong các con hẻm xóm làng. Không ai đủ thanh thản để nhìn lên những tấm bích chương cũng như không đủ yên ổn để cúi xuống những tờ truyền đơn nọ. Nhưng dù có sợ hãi, thàng thốt, tránh né như lũ thàng Cường, thàng Chi thì cũng được đặt súng M16 trong tay, hay như thàng Hòa, thàng Minh, con gái lão Thi cũng phải mang súng AK dao găm, lựu đạn. Gần hai mươi năm gần gũi với những thử thách đó, lão thấy quả thực chúng không mấy hợp với tuổi trẻ. Khốn nỗi đã bao nhiêu năm nay trên đất nước này người ta chỉ chăm chú tập luyện cho tuổi trẻ thân thiết, gần bó với súng đạn. Thử hỏi tuổi trẻ bây giờ có đứa nào không biết bắn súng?

Trời xâm hẳn xuống, dường như sắp có cơn mưa tới từ phía núi. Mấy hôm rày, trời hay mưa về khuya. Có đêm, mưa

sớm từ đầu hôm. Có lẽ trời đã quen lệ, chiều nay có mưa. Những cơn mưa đầu mùa báo hiệu một mùa thu đẹp trời sắp tới. Những ngọn gió Tây mang khí đá núi độc địa thổi siết hơn mấy ngày qua. Bước xuống giốc một ngôi mộ cao, lão bỗng rùng mình, ớn lạnh. Những cơn gió lạnh lẽo đã nhắc lại quãng đời lạnh lẽo của lão: chung quanh lão thật trống trải. Ngoài những ngôi mộ, những con bò ngoan ngoãn quơ quắt đuôi gặm cỏ, không còn gì nữa để cho lão trông chờ. Cũng bầu trời xám ngoét này, cũng hơi gió Tây lạnh lùng này, cũng ánh nắng mỏng manh vàng vọt này, lão đã trải qua mấy mùa thu rồi đưa đẩy hoang mang. Thàng Bền đã bao nhiêu tuổi? Thàng Chi bỏ đi được mấy năm? Còn thàng Nhơn, con Nghĩa? Lão mơ hồ thấy rằng, đời lão bây giờ thật khác lạ với dĩ vãng. Từ dĩ vãng là một chàng trai xuyên rừng núi Trường Sơn trùng điệp, tới một lão già cô độc lơ ngơ, dị kì. Và những Bền, những Chi, những Nhơn, những Nghĩa chỉ còn lại như những bóng dáng thấp thoáng trong một giấc mơ dài, ám ảnh. Lão vẫn thường bắt gặp những nét mặt đó tan mờ rồi rã như những đám mây...

mang viên long

TÌM ĐỌC

NGỘ NHẬN

lộ ngôn của

VŨ KHẮC KHOAN

QUAN ĐIỂM xuất bản

TÌM ĐỌC

NHỮNG NGƯỜI KHÔNG CHỊU CHẾT

của

VŨ KHẮC KHOAN

KÊ SĨ xuất bản

● ĐỘC LẬP QUỐC GIA

Thoát khỏi thực dân đô hộ chưa có nghĩa là độc lập, nếu chủ quyền quốc gia không được tôn trọng.

Độc lập quốc gia chỉ được bảo vệ một khi nền bang giao và sự hợp tác quốc tế được thực hiện trên nền tảng Tự do, Bình đẳng và quyền Dân tộc Tự quyết.

● CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Để xây dựng một xã hội lành mạnh và loại trừ các bất công, tham nhũng, cần tạo những cơ hội thăng tiến đồng đều cho tất cả các tầng lớp dân chúng, cần phải thực hiện các cuộc cải cách trên nền tảng công bằng xã hội và đoàn kết toàn dân trong tình thương.

Chống chiến tranh, nhưng chúng ta quyết tuyên chiến với giặc đói, giặc dốt, giặc tham nhũng, giặc chia rẽ, giặc độc tài.»

ĐÓN ĐỌC

MƠ HƯƠNG CẢNG

túy bút

của

VŨ KHẮC KHOAN

KÊ SĨ xuất bản

đường lối chính trị của một liên danh đối lập

Chúng tôi trích đăng dưới đây đoạn tâm thư của một liên danh đối lập, thể hiện một đường hướng hành động đáng lưu ý. Đường hướng này phải chăng cũng là đường hướng mà một thế lực tôn-chính lớn của dân tộc đã kiên trì theo đuổi từ 1963 tới nay ?

VẤN ĐỀ

«...Suốt ba mươi năm nay, đất nước đã trải qua một thời kỳ lịch sử đen tối nhất. Sự tranh chấp ý thức hệ đã xô đẩy dân tộc vào một cuộc nội chiến tương tàn thảm khốc.

Trước thảm trạng đó, chúng tôi thấy cần phải nhập cuộc, dù chúng tôi không tán thành các chính sách hiện hữu.

LIÊN DANH DÂN TỘC chúng tôi tin tưởng mãnh liệt rằng muốn cứu nước thì phải cố gắng thực hiện :

- * Hòa bình dân tộc
- * Độc lập quốc gia
- * Công bằng xã hội

● HÒA BÌNH DÂN TỘC

Hiện nay, vận động hòa bình là mối ưu tư thành khẩn và tha thiết nhất của Dân-Tộc. Tất cả những bế tắc chính trị, kinh tế, xã hội hiện tại đều do chiến tranh gây ra. Nếu không giải quyết chiến tranh thì không thể chấm dứt thảm trạng đó, cho nên Hòa Bình là đường sống duy nhất.

Tuy nhiên, trước niềm khao khát chung của dân tộc, cuộc vận động hòa bình vẫn còn gặp nhiều trở lực. Hơn nữa một khi chiến tranh đã chấm dứt thì điều cốt yếu là phải tìm cách nào để duy trì được Hòa Bình, Độc Lập, Tự Do và Tiến Bộ.

Muốn thế, công cuộc xây dựng Hòa Bình phải phản ánh trung thực ý nguyện của toàn dân và điều cấp thiết nhất là phải thấu hiểu những yếu tố và trở lực trong việc thực hiện một nền Hòa Bình phù hợp với quyền lợi tối thượng của dân tộc.